

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)

Hải Dương, tháng 01 - 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	14
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	14
<i>Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	<i>14</i>
<i>Tiêu chí 1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các CĐR chung và CĐR chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.</i>	<i>18</i>
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	<i>20</i>
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	24
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật. 24</i>	
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	<i>31</i>
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.</i>	<i>34</i>
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 38</i>	
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	<i>40</i>
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	43
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.</i>	<i>43</i>
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	<i>45</i>
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.</i>	<i>47</i>
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	50
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.</i>	<i>51</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.</i>	<i>54</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....</i>	<i>59</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	<i>62</i>
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	64
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục</i>	

<i>vụ cộng đồng</i>	65
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ...</i>	70
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	73
<i>Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....</i>	76
<i>Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	78
<i>Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	81
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	85
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	86
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	88
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.</i>	90
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó... </i>	91
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	93
Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học	95
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật</i>	95
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	97
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....</i>	98
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....</i>	102
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân.....</i>	105
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	108
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	108
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	111

<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu.....</i>	<i>116</i>
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	<i>119</i>
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Error! Bookmark not defined.
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH Error! Bookmark not defined.</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....</i>	<i>128</i>
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>129</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>135</i>
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	138
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>138</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>143</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>147</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>152</i>
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của CBLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>154</i>
PHẦN III: KẾT LUẬN	156

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI NGHĨA
BCH	Ban Chấp hành
BĐCL&TT	Bảo đảm chất lượng và thanh tra
BGD&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CLĐT	Chất lượng đào tạo
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa- hiện đại hóa
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDH	Chương trình dạy học
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐHHD	Đại học Hải Dương
ĐHQG	Đại học Quốc gia
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KBNN	Kho bạc Nhà nước
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KTQT	Kinh tế - Quản trị
KTX	Ký túc xá
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NH	Người học
SV	Sinh viên

QTKD	Quản trị kinh doanh
TC	Tín chỉ
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TĐG	Tự đánh giá
TNCS	Thanh niên cộng sản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
THPT	Trung học phổ thông
PGS	Phó giáo sư
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
XH	Xã hội
YKPH	Ý kiến phản hồi

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị kinh doanh (được phép đào tạo theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương (nay là Trường Đại học Hải Dương - ĐHHĐ) về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Đến năm 2018, Khoa thực hiện sửa đổi, bổ sung CTĐT ngành Quản trị kinh doanh theo quyết định số 261/QĐ - ĐHHĐ ngày 29/8/2018 (v/v ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung các bậc học, ngành học hệ chính quy năm 2018); Năm 2021, khoa thực hiện rà soát theo quyết định số 421, ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc thành lập tổ thu thập thông tin, tổ rà soát CTĐT đợt 2; Năm 2023, Khoa tiến hành rà soát ngành QTKD theo Thông báo số 86/TB-ĐHHĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc rà soát CTĐT.

Mục tiêu chung của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh Trường ĐHHĐ là đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có đủ phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với gia đình và xã hội, có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe tốt; Có năng lực tự học tập suốt đời; Nắm vững kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn, kinh tế, quản lý; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự kinh doanh theo các loại hình doanh nghiệp được luật pháp quy định trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị chức năng trong doanh nghiệp như Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị thương hiệu, Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị chuỗi cung ứng v.v; Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc khi tốt nghiệp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành QTKD nói riêng và của Trường ĐHHĐ nói chung. Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên cấp thiết. Khoa KTQT nhận thấy đây là một cơ hội tốt để đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành

QTKD để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực. Do vậy, Khoa, Trường đã đăng ký tự đánh giá CTĐT QTKD theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc tự đánh giá CTĐT QTKD sẽ giúp Nhà trường và Khoa KTQT tự xem xét, đánh giá được hiện trạng, xác định được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo Tự đánh giá (TĐG) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng. Nội dung của báo cáo gồm: Phần 1. Khái quát; Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần 3. Kết luận và Phần 4. Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần 1: Khái quát, bao gồm mô tả ngắn gọn báo cáo tự đánh giá CTĐT; mục đích, phạm vi, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá CTĐT; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG; tổng quan chung về Trường Đại học Hải Dương, khoa Kinh tế - Quản trị phụ trách CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Đây là phần chính của bản báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD, được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí với các nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Trong các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức

TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần 3: Kết luận, phần này tóm tắt các điểm mạnh và những điểm cần phát huy; những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần 4: Phụ lục, bao gồm các nội dung theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng như: Cơ sở dữ liệu (CSDL) kiểm định chất lượng CTĐT; các quyết định và văn bản liên quan khác; danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

1.1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT QTKD sẽ giúp Nhà trường và Khoa KTQT đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo kỹ sư ngành QTKD với Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT QTKD điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá CTĐT ngành QTKD, Bộ môn, Khoa và Nhà trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng Khoa Kinh tế - Quản trị trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực QTKD có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.1.3. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động thực hiện CTĐT ngành QTKD theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh

giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Khoa KTQT tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT QTKD dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2018 đến năm 2023).

1.1.4. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKD được quy định trong công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được thực hiện từ tháng 11 năm 2023 đến tháng hết tháng 01 năm 2024. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành QTKD; thành lập ban thư ký và các nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn, cụ thể:

Bảng 1.1: Phân công các nhóm phụ trách tiêu chuẩn

STT	Trưởng nhóm	Chức vụ	Tiêu chuẩn phụ trách
Nhóm 1	Lê Thị Nguyệt	Trưởng Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2
Nhóm 2	Nguyễn Văn Trường	Phó Trưởng phòng Đào tạo ĐH-HTQT	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5
Nhóm 3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7
Nhóm 4	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9
Nhóm 5	Lưu Thị Lan	Phó trưởng khoa Kinh tế - Quản trị	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11

Tiếp đó, Nhà trường đã triển khai kế hoạch tự đánh giá với sự tham của cán bộ GV và NH theo sự phân công của Hội đồng tự đánh giá. Những cán bộ GV không trực

tiếp nằm trong các nhóm chuyên trách sẽ hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thu thập minh chứng và đóng góp ý kiến để xây dựng báo cáo TĐG.

Phần TĐG được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ số 01 đến 11, trong đó mỗi tiêu chuẩn, các tiêu chí đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí từ bé đến lớn.

1.1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT QTKD của Khoa Kinh tế - Quản trị Trường ĐHHĐ được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Ví dụ: [H01.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1. [H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 10.

1.1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được thành lập theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHHĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ, gồm: Ban Giám hiệu, thành viên Hội đồng trường, các CB GV của Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, các CB phòng chức năng trong trường và đại diện sinh viên đang

học tập tại trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng, tổ trực thuộc cung cấp minh chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa Kinh tế - Quản trị tiến hành viết báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành QTKD.

1.1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành QTKD và Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 Hội đồng gồm có 17 thành viên và Ban thư ký gồm 07 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm: 5 nhóm chuyên trách được thành lập theo quyết định số 618/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Trường Đại học Hải Dương

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương.

Với truyền thống lịch sử lâu dài, Trường đã trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành trên cơ sở sáp nhập và hợp nhất các cơ sở đào tạo thuộc các ngành: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Lao động, Lương thực, Sư phạm. Nhà trường có uy tín và thế mạnh đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề theo các bậc: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học theo các khối ngành Kinh tế, Kỹ thuật, Chính trị, Xã hội và Sư phạm. Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường ĐHHD đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục, kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Tháng 5 năm 2021, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục -

Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường ĐHHD là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm NCKH - CGCN phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: “Trường ĐHHD trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường ĐH tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”.

Sứ mạng: “Trường ĐHHD là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”.

Giá trị cốt lõi: “*Môi trường sáng tạo - Tập thể đoàn kết - Liêm chính, minh bạch - Chất lượng, hiệu quả - Trách nhiệm cộng đồng*”.

Môi trường sáng tạo: Trường ĐHHD xây dựng môi trường sư phạm, giảng dạy, học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho cán bộ, GV, SV, học viên được tự do sáng tạo, phát triển tư duy, động lực làm việc; phát huy phẩm chất, năng lực của người học; Lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học, trên tinh thần xây dựng; Giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, đổi mới và sáng tạo.

Tập thể đoàn kết: Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển bền vững của Nhà trường. Luôn sẵn sàng hợp tác trong công việc, chia sẻ nguồn lực, luôn quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Mạng lưới cựu giáo chức, cựu SV, học viên và các đối tác cơ quan, doanh nghiệp, trường học... luôn là một phần gắn bó chặt chẽ, liên kết cùng phát triển của Trường ĐHHD.

Liêm chính, minh bạch: Trường ĐHHD tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, cơ sở vật chất và quản trị đại

học. Công khai và thực hiện nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, cán bộ, viên chức và lao động của Nhà trường, cộng đồng và xã hội.

Chất lượng, hiệu quả: Các hoạt động của Trường ĐHHD luôn hướng tới từng bước nâng cao chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu nhằm đảm bảo sử dụng tốt nhất và bền vững các nguồn lực hiện có. Tầm nhìn dài hạn luôn được quan tâm, chú trọng, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp thực tiễn để đảm bảo sự phát triển liên tục, có hệ thống của Nhà trường.

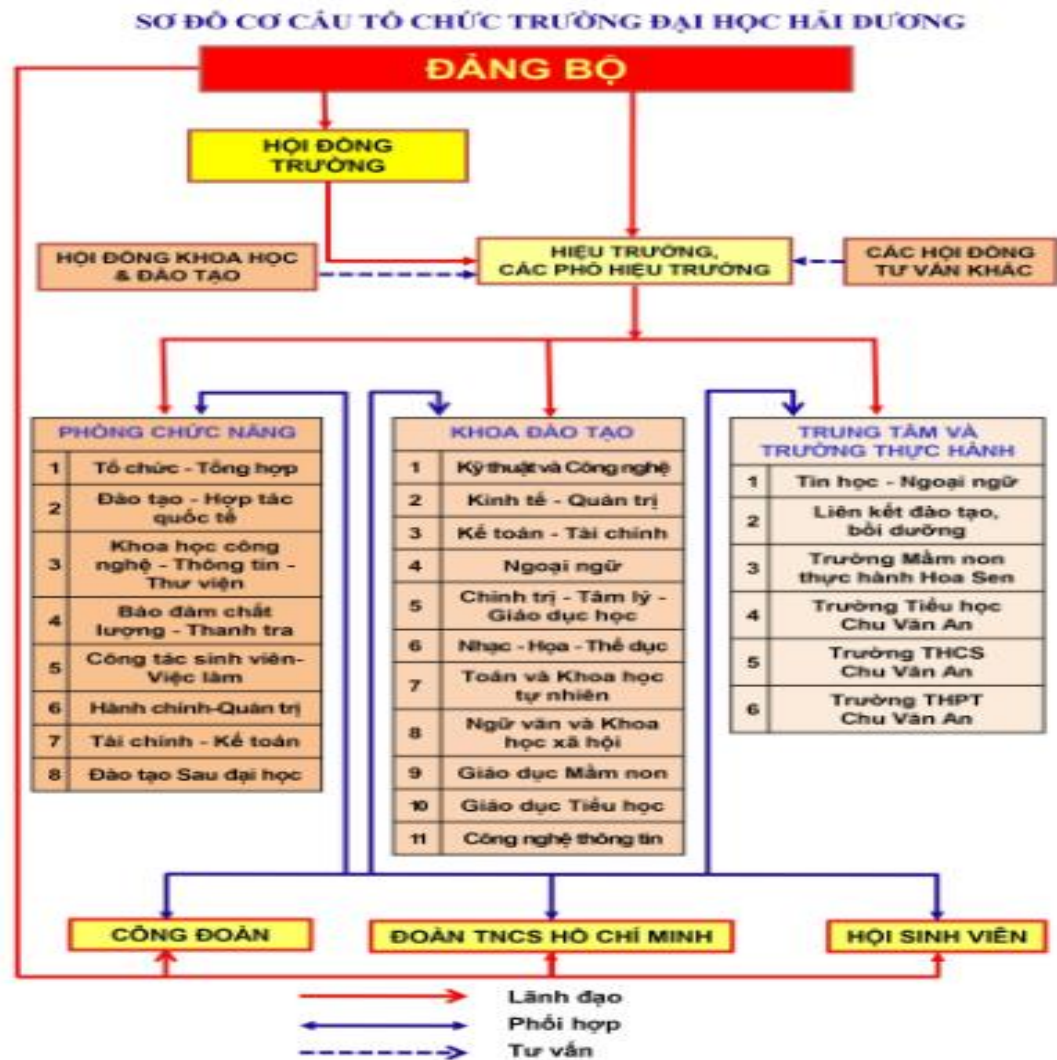
Trách nhiệm cộng đồng: Các thành viên của Trường ĐHHD luôn suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường, của đất nước, vì sự an sinh của xã hội. Hết lòng vì sự nghiệp giáo dục đào tạo là nhận thức căn bản của mỗi thành viên của Nhà trường.

Triết lý giáo dục: "Học để làm được việc". Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường ĐHHD là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý "*học để làm được việc*" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

Về cơ cấu tổ chức và quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHD được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường (25 người);
- Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng;
- 08 Phòng chức năng;
- 11 Khoa chuyên môn;
- 02 Trung tâm dịch vụ đào tạo, 03 Trường thực hành sư phạm (Mầm non, Tiểu học, THCS);
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.
- *Các tổ chức chính trị - xã hội của Trường ĐHHD gồm:*
 - + Công đoàn;
 - + Đoàn Thanh niên CSHCM;
 - + Hội Sinh viên.



Nguồn: Phòng Tổ chức - Tổng hợp

Về nhân lực: Nhà trường có 346 CBGVNVLD, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các HĐ nghiệm thu các đề tài các cấp.

Về đào tạo: Hiện tại Nhà trường đang đào tạo 02 CTĐT trình độ thạc sĩ (Ngành Quản lý kinh tế, Kế toán), 19 CTĐT trình độ đại học (trong đó có 11 CTĐT thuộc khối ngành kinh tế, kỹ thuật và 8 CTĐT thuộc khối ngành sư phạm) và 01 CTĐT cao đẳng mầm non. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động số lượng lớn các cử nhân, kỹ sư về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và giáo dục... NH tốt nghiệp tại trường đều được các tổ chức, doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo và ngành gần ngay năm đầu sau

tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao (từ 78,7 đến 83%), tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,6 đến 9,09% mỗi năm.

Bảng 1.2: Thống kê tình hình việc làm của sinh viên

Năm khảo sát	Năm tốt nghiệp	Số Sinh viên phản hồi	Sinh viên có việc làm			Tiếp tục học tập	Sinh viên chưa cho việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm trên/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SV có việc làm trên/tổng số SV phản hồi (%)
			Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo				
2020	2019	65	41	4	3	13	4	73.85	73.85
	2020								
2021	2021	18	10	1	6	0	1	94,44	94,44
2022	2022	11	4	3	1	2	1	90.91	90.91
2023	2023	26	9	17	0	0	0	100	100

Nguồn: Phòng Công tác Sinh viên - Việc làm

Về NCKH: Trong 5 năm (2018 - 2023), Trường đã thực hiện tổng cộng 630 đề tài các cấp; Số giáo trình, sách chuyên khảo 08 cuốn; Số bài báo khoa học là 34 bài, trong đó có 10 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Tổ chức được 05 Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường và 02 giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

Bảng 1.3: Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Số lượng theo năm học					Ghi chú
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài cấp Quốc gia/ Bộ/Tỉnh	0	0	0	0	0	
2	Đề tài KHCN cấp Trường	195	132	11	4	0	
3	Nhiệm vụ KH cấp Khoa	-	-	98	97	93	
4	Giáo trình, sách chuyên khảo	01	01	01	02	03	
5	Công bố khoa học quốc tế	02	0	0	02	06	
6	Công bố khoa học quốc gia	05	02	06	07	04	
7	Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường	0	0	01	02	02	
8	Giải thưởng KHKT	0	0	01	0	01	

Nguồn: Phòng Khoa học - Công nghệ - Thông tin - thư viện

Về quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước: ngày càng được mở rộng. Trường đã ký hợp tác với nhiều đơn vị, doanh nghiệp: Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội, Công

ty Cổ phần kinh doanh Kiyokawa, Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso, Trường Đại học Kookji (Hàn Quốc)... Đặc biệt, Trường đã hợp tác toàn diện với Tập đoàn An phát Holdings. Quan hệ hợp tác được đẩy mạnh giúp Trường có điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao.

Về đảm bảo chất lượng: Nhà trường đã có phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra. Hàng năm xây dựng kế hoạch BĐCL tập trung vào hai nhiệm vụ chính: Bảo đảm chất lượng và thanh tra. Năm học 2019-2020, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục. Năm 2021, Trường được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD.

Về cơ sở vật chất: Trường có 04 cơ sở đào tạo với diện tích trên 35 ha gồm 160 phòng Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu. Thư viện có 5.563 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với 63.964 cuốn; Tạp chí Đại học Hải Dương xuất bản mỗi năm 04 số; đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH, phục vụ cộng đồng và phát triển của Trường. Nhà trường có nguồn tài chính ổn định với tổng thu (ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp khác) trong 05 năm gần đây đảm bảo đáp ứng chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường qua các giai đoạn.

1.2.2. Khoa Kinh tế - Quản trị, chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh

Khoa Kinh tế - Quản trị (KTQT) của Trường ĐHHĐ ngày nay tiền thân là Khoa Kinh tế được thành lập từ năm 2003. Đến năm 2004, Khoa Kinh tế được BGDĐT cho phép đào tạo 3 ngành (Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị văn phòng) trình độ cao đẳng. Đến năm 2011, trường được nâng cấp lên thành Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường ĐHHĐ theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2012, do yêu cầu phát triển của công tác đào tạo, ngày 03/5/2012 Bộ trưởng BGDĐT cho phép Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Qua nhiều lần chia tách, sáp nhập và đổi tên Khoa KTQT thành lập theo QĐ số

486/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương. Khoa KTQT chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo 04 ngành đào tạo bậc đại học (Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Kinh tế tổng hợp, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành) và 02 ngành liên thông đại học (Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng)

Tháng 6 năm 2023, sau khi sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương, theo Quyết định số 301/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương. Khoa KTQT quản lý và đào tạo 04 ngành học bậc đại học (Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Kinh tế tổng hợp, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành) và 02 ngành liên thông đại học chính quy (Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng). Với chủ trương tăng quy mô đào tạo, mở rộng ngành nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Tháng 7 năm 2023, khoa được BGDĐT cho phép đào tạo ngành Marketing bậc đại học.

Sứ mệnh của KTQT là đào tạo nguồn nhân lực có học vấn trình độ cao, là trung tâm khoa học công nghệ có uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhà và các tỉnh lân cận, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững Kinh tế - Xã hội của đất nước, của tỉnh Hải Dương, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa KTQT giữ vững thương hiệu đi đầu trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường và trở thành một đơn vị đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ mang tầm quốc gia và khu vực với các CTĐT đạt chuẩn quốc tế.

Khoa KTQT trước khi sáp nhập có 04 bộ môn (BM): Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Kinh tế, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Sau khi sáp nhập, 7/2023 khoa mở thêm ngành Marketing trình độ đại học, đề xuất thêm 01 bộ môn Marketing. Với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường, chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong chương trình đào tạo của những ngành thuộc Khoa trực tiếp quản lý; quản lý chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng từng môn học; trực tiếp quản lý giảng viên, sinh viên của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học các ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Kinh tế, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Marketing. Cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan HCSN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

Kết quả từ ngày thành lập đến nay khoa KTQT đã đào tạo cho tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận khoảng hơn 1000 cử nhân cao đẳng, hơn 400 cử nhân đại học. Khoa KTQT thường xuyên có mối liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất và sử dụng CB được đào tạo từ ngành Quản trị kinh doanh và các ngành thuộc khoa quản lý để đúc rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu từ thực tiễn sản xuất và đời sống.

Khoa KTQT kết nối, hợp tác với hơn 100 doanh nghiệp, ngân hàng, khách sạn và tổ chức trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, du lịch, khách sạn, marketing về các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập tốt nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo, đánh giá chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo, seminar, NCKH, tọa đàm nghề nghiệp và chuyên môn, và việc làm. Một số doanh nghiệp điển hình: An Phát Holding, FPT Hải Dương, Viettel Hải Dương, Công ty CP Nước sạch Hải Dương, Công ty CP Auto Hải Dương (Mazda-Kia Hải Dương), Mishubishi Hải Dương, Công ty TNHH TMDV Hưng Thịnh, Công ty CP HD Green, Công ty Phát hành sách Hải Dương, Công ty CP bao bì Hoàng Lê, Công ty CP Babenee Việt Nam chi nhánh HD, Công ty CP Joton chi nhánh Hải Dương, Công ty TNHH Doanh Mỹ, v.v; Các ngân hàng: Vietinbank, Agribank, MHB bank, VIB bank, MB bank, BIDV; Khách sạn: Lotus Hotel, Nam Cường Hotel, Nhà khách Công Đoàn Hải Dương, Thanh Bình Hotel v.v; UBND xã/phường/huyện; Sở ban ngành; Hiệp hội DNNVV tỉnh Hải Dương, Hội nữ DN tỉnh Hải Dương.

Ngoài ra, thông qua hợp tác giữa Nhà trường và học viện, trường đại học đào tạo lĩnh vực Kinh tế, Quản trị trên cả nước như Đại học Kinh tế - Quốc dân, Trường Đại học thương mại, Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Khoa Kinh tế - Quản trị có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 22 giảng viên, trong đó 01PGS, 04 tiến sĩ, 02 ThS-NCS và 15 thạc sĩ. Bên cạnh đó có 08 giảng viên kiêm nhiệm (01 tiến sĩ, 07 thạc sĩ) làm việc tại các đơn vị trong nhà trường tham gia giảng dạy. Tổng số giảng viên giảng dạy là 30.

Trong năm năm qua, CBGV khoa KTQT luôn không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường. GV tích cực học tập nâng cao trình độ. Hiện có 03 NCS đang theo học, 06 giảng viên đã hoàn thành văn bằng 2 ngôn ngữ Anh. Năm 2024 có 03 giảng viên đăng ký làm NCS.

Về hoạt động NCKH, từ năm 2018 đến nay, GV trong khoa đã tham gia nhiều đề tài cấp trường, cấp khoa mang tính ứng dụng như các bài giảng dùng chung (năm 2018 có 18 bài giảng dùng chung lưu hành nội bộ), năm học 2019-2020 có 15 đề tài cấp cơ sở, năm học 2020-2021 có 18 đề tài cấp cơ sở, năm học 2021-2022 có 5 đề tài cấp cơ sở và 18 đề tài cấp khoa, năm học 2022-2023 có 16 đề tài cấp khoa.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

CTĐT đại học ngành QTKD được xây dựng và ban hành từ năm 2012 chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2014 và bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa qua các năm 2015, 2017, 2018, 2021, 2022, 2023. Năm 2021, Khoa KTQT tiến hành rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh đảm bảo tính hiện đại và tiên tiến, phù hợp với yeey cầu mới..

Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học; các nội dung xây dựng trong mục tiêu, CĐR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu cần đạt của CTĐT, đáp ứng yêu cầu xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Mục tiêu, CĐR của CTĐT được công bố công khai cho người học trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Dựa vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.01.01.01], [H1.01.01.02] và của Trường Đại học Hải Dương về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT mục tiêu CTĐT ngành QTKD đã được Khoa Kinh tế - Quản trị được xác định, xây dựng dựa trên các quy định đó. Mục tiêu của CTĐT QTKD được xác định một cách rõ ràng và được chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2018, 2022, 2023 [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Chương trình đào tạo QTKD được cụ thể hóa bằng các mục tiêu cần đạt được của người học tham gia chương trình. Mục tiêu này cũng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của trường ĐHHĐ [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Mục tiêu

của chương trình đào tạo QTKD thể hiện rõ trong trong CTĐT ngành QTKD [H1.01.01.07]. Mục tiêu được xây dựng và căn cứ vào nhu cầu, lấy ý kiến các bên liên quan và báo cáo thống kê khảo sát [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Mục tiêu của CTĐT QTKD phản ánh và phù hợp với Tâm nhìn, Sứ mạng của trường ĐHHĐ được thể trong Bảng 1.1 và trong cuốn CTĐT. Mục tiêu của CTĐT QTKD cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 2 của Luật Giáo dục 2005 và phù hợp với mục tiêu GDĐH được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH 2012 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Khi xây dựng chương trình, các giảng viên của Khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT ngành QTKD. Hội đồng Khoa học đã phụ trách việc rà soát và thẩm định chương trình đào tạo và gửi hồ sơ để ra quyết định ban hành CTĐT [H1.01.01.12]. Khoa đã thực hiện phân tích, báo cáo, đối sánh sự phù hợp của mục tiêu với TN, SM của trường ĐHHĐ (với mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành QTKD được thể hiện trong cuốn CTĐT và cuốn đặc tả CTĐT ngành QTKD (Bảng 2.1)

Bảng 2.1: Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT cấp trường và Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu CTĐT ngành QTKD
- <i>Sứ mạng</i> : Trường Đại học Hải Dương là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát	1. Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên - xã hội	Có kiến thức thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn, kinh tế, quản trị kinh doanh; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị chức năng như marketing, thương hiệu, nhân lực, tài chính, dự án v.v..; Có khả năng phân tích ảnh hưởng và nhận diện cơ hội, thách

<p>triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước.</p> <p>- <i>Tầm nhìn:</i> Trường Đại học Hải Dương trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường đại học công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các</p>		<p>thức từ môi trường, dự báo xu thế thị trường và đề xuất được giải pháp quản trị doanh nghiệp; Có khả năng đề xuất và triển khai các công việc thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị tác nghiệp trong tổ chức kinh tế và doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa</p>
<p> cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường đại học tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030.</p>	<p>2. Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc</p>	<p>Có khả năng giao tiếp tốt trong xã hội và công tác. Có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; Có kỹ năng làm việc nhóm; Sử dụng máy tính thành thạo và biết ứng dụng internet và công nghệ vào thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp.</p>
	<p>3. Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp</p>	<p>Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách.</p>
	<p>4. Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt; ý thức phục vụ cộng đồng</p>	<p>Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và quy định của tổ chức; Có sức khỏe tốt.</p>

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD phản ánh nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan. Cụ thể, những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp được xác định sau khi khảo sát thị trường lao động và lấy ý

kiến chuyên gia. Việc khảo sát thị trường lao động được tiến hành thông qua khảo sát các nguồn thông tin phản hồi của các cơ quan tuyển dụng, của người học được thể hiện trong các hội thảo, cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cá nhân, thông tin phản hồi của người học trong các đợt lấy ý kiến. Tuy nhiên, chất lượng của các hoạt động khảo sát chưa tốt như chưa khảo sát riêng về CDR mà chỉ tiến hành khảo sát chung về CTĐT; những ý kiến thu được có chất lượng không cao.

Cùng với đó quỹ thời gian và kinh phí dành cho hoạt động này không nhiều. Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức như: Tờ thông tin tuyển sinh, trang thông tin điện tử của Khoa KTQT và Nhà trường [H1.01.01.13].

CTĐT ngành QTKD đã được ban hành theo Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được thể hiện rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong phần “Mục tiêu đào tạo” [H1.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD phù hợp với sứ mạng đã công bố của trường ĐHHD và được công bố trong Chiến lược phát triển trường ĐHHD giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Đó là: “Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến” [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT định kỳ 2 năm một lần được rà soát, điều chỉnh phù hợp; với tầm nhìn 2030 đó là “Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành KTQT truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật – Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ 4” [H1.01.01.01],

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD trong các giai đoạn 2018 - 2023 được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

- Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD định kỳ 2 năm một lần rà soát điều chỉnh đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát thị trường lao động về mục tiêu CTĐT thực hiện có thể chưa đại diện cho số đông doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực QTKD trên địa bàn là các đơn vị chủ yếu sử dụng lao động trong tỉnh Hải Dương khu vực Bắc Bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát nhu cầu của thị trường lao động - Chọn lọc những nội dung từ báo cáo khảo sát đưa vào rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, và Luật GD	- Phòng Đào tạo ĐH & SDH - Khoa Kinh tế- Quản trị - Bộ môn QTKD	Từ năm học 2021 - 2022	
2	Phát triển điểm mạnh	Thực hiện phát triển mục tiêu CTĐT QTKD	- Phòng Đào tạo ĐH & SDH - Khoa Kinh tế Quản trị - Bộ môn QTKD	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các CDR chung và CDR chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CDR của CTĐT ngành QTKD bao gồm 9 CDR tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CDR của Nhà trường [H1.01.02.03], phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường

[H1.01.02.04]. Dựa vào quy định của Nhà trường về số tín chỉ đạt được, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.05], CTĐT ngành QTKD được phân chia thành 3 nhóm bao gồm: Khối kiến thức chung; khối kiến thức cơ sở ngành và ngành; khối kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, mỗi một nhóm cấu trúc đều được xây dựng từ những học phần khác nhau để đảm bảo mức độ đạt được mục tiêu, CĐR của CTĐT được thể hiện trong cuốn CTĐT. Vì vậy, các học phần đều thiết kế có CĐR của mỗi học phần và đáp ứng được CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua đề cương chi tiết trong cuốn CTĐT [H1.01.02.06]. CĐR nêu cụ thể về kiến thức, năng lực, kỹ năng, mức độ tự chủ đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được lấy ý kiến qua phiếu khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên, sinh viên, giảng viên và ở hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan. Hầu hết các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đều hài lòng với trình độ đào tạo và chuẩn đầu ra mà CTĐT ngành QTKD đã được thiết kế [H1.01.02.07].

Các thông tin về CĐR CTĐT, CĐR các học phần đều có chi tiết trong cuốn đặc tả CTĐT và được triển khai đến người học và các bên liên quan thông qua trang Web khoa [H1.01.02.08]

Tính khả thi và đo lường của các CĐR được thể hiện rõ thông qua việc sử dụng câu từ khi mô tả CĐR của CTĐT và các CĐR này được đánh giá qua các kỹ năng cần được, cấu trúc CTĐT được thiết kế thành từng nhóm kiến thức, năng lực giúp SV đạt được CĐR theo mức độ từ dễ đến khó được thể hiện trong cuốn CTĐT và Bản mô tả CTĐT. Ứng với mỗi CĐR, chủ đề CĐR CTĐT và trình tự giảng dạy được phân bổ về các học phần, CĐR đạt được dần dần theo từng cấp độ thể hiện trong ma trận kỹ năng [H1.01.02.09].

CĐR của các học phần CTĐT có phản ánh phù hợp với CĐR của CTĐT được thể hiện trong đề cương học phần với ma trận kỹ năng. CĐR ngành QTKD được đối chiếu, so sánh với CTĐT của các CSGD khác [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT QTKD được phát triển theo đúng quy trình phát triển CTĐT. CĐR của CTĐT KQTKD thể hiện rõ 2 CĐR riêng biệt và được xây dựng có tính khả thi, đo lường được. CĐR CTĐT QTKD được triển khai thành trình tự giảng dạy được phân bổ vào các học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các bên liên quan để góp ý cho CĐR của CTĐT QTKD vẫn chưa được thực hiện định kỳ, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. - Chọn lọc những nội dung góp ý phù hợp của báo cáo khảo sát để đưa vào rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan CĐR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt kết quả mong đợi. - Tăng số lượng đối tượng được khảo sát để lấy ý kiến về CĐR 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Đào tạo - Khoa KTQT - Bộ môn QTKD 	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT QTKD nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng số lượng các đơn vị tuyển dụng tham gia khảo sát lấy ý kiến.	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Kinh tế - Quản trị - Bộ môn QTKD 	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, tháng 08/2018, Nhà trường đã mời chuyên gia về tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội và Khoa đã cử cán bộ tham dự tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.03.01] theo mẫu CTĐT mới và đề cương chi tiết học phần mới [H1.01.03.02]. CĐR ngành QTKD đã được điều chỉnh chính thức vào tháng 08/2018 theo kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT của Trường [H1.01.03.03]. CĐR được đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. CTĐT ngành QTKD được Nhà trường ban hành vào năm 2018 [H1.01.03.04]. CĐR ngành QTKD được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đạo đức; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. CTĐT có CĐR về kiến thức được phân chia rõ về kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn sâu về ngành. CĐR của CTĐT đã nêu ra các yêu cầu về kỹ năng, yêu cầu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp, đã chỉ ra sự cần thiết về khả năng học trọn đời, những phẩm chất và ý thức về vai trò trách nhiệm trong nghề nghiệp. Xây dựng CĐR đúng quy trình, rõ ràng bao gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa KTQT xây dựng CĐR của ngành Quản trị kinh doanh mà Khoa quản lý; Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Bộ môn Quản trị kinh doanh, các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành; Hội đồng Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học và đào tạo Trường [H1.01.03.05]; Hội đồng khoa học - đào tạo Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp và ban hành quy định về CĐR ngành Quản trị kinh doanh [H1.01.03.06]; CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của trường, của khoa, sổ tay SV,... giúp GV, người học và các bên liên quan dễ dàng nắm được CĐR của ngành QTKD.

Đáp ứng năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; cùng với ma trận kỹ năng mà người học cần đạt được [H1.01.03.7].

Phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc lấy ý kiến đóng góp của GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học [H1.01.03.8].

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD đã được thường xuyên tiến hành, rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định. CTĐT theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2018 được điều chỉnh lần thứ nhất vào năm 2022 [H1.01.03.9] theo các quyết định cập nhật, điều chỉnh rà soát của Nhà trường [H1.01.03.10]. CĐR ngành QTKD năm 2018 được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đạo đức; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. Các kết quả rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa được thể hiện qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học.

CĐR của ngành QTKD được công bố công khai trên website của Khoa, niên giám CTĐT, tờ rơi để các bên liên quan được biết [H1.01.03.11]. Việc rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo hướng phát huy năng lực và định hướng ứng dụng nghề nghiệp luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa KTQT, Trường ĐH Hải Dương [H1.01.03.12], [H1.01.03.13].

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát và được công bố công khai tới toàn thể GV, SV và luôn được thể hiện cụ thể trong năm học.

- Khoa KTQT điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra cho CTĐT với sự tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR CTĐT chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR CTĐT QTKD	Khoa KTQT; Bộ môn QTKD	Từ năm học 2020 - 2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ, rà soát, chỉnh sửa CĐR CTĐT QTKD theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội từ năm 2020, xây dựng lại CĐR và CTĐT nói chung áp dụng từ khoá tuyển sinh 2021”	Khoa KTQT	2 năm 1 lần	
---	--------------------	---	-----------	-------------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

CĐR của một ngành học trong một trường đại học là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội. CĐR của ngành QTKD là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT của ngành, đồng thời cũng là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR, Nhà trường và Khoa đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CĐR của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Với mục tiêu đào tạo cử nhân QTKD có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập, CĐR của ngành sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra của sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường. Tuy nhiên, quá trình xây dựng CĐR của CTĐT còn có điểm hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục và cựu người học và chưa thực hiện công tác này một cách rộng rãi

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu.

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường, cung cấp các thông tin đầy đủ, cần thiết về CTĐT cho người học, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lí, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác, giúp người học có nguyện vọng học tại Trường hiểu về CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng là nguồn thông tin giúp các chuyên gia, cơ quan thẩm định và các cơ quan quản lý liên quan có thể kiểm định chương trình, đánh giá được tính khả thi, chất lượng của CTĐT. Bản mô tả còn là cơ sở để đội ngũ GV, cán bộ thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CĐR của chương trình đào tạo. Bản mô tả CTĐT của ngành QTKD được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đầy đủ các thông tin theo quy định như mã ngành đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; chuẩn đầu ra (CĐR), chuẩn đầu vào; điều kiện tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung, kế hoạch giảng dạy; chiến lược dạy học; mô tả tóm tắt từng học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, cách đánh giá kết quả học tập... phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Đồng thời là cơ sở phục vụ cho việc triển khai có hiệu quả các hoạt động đào tạo, rà soát và cải tiến chương trình của Khoa KTQT, Trường Đại học Hải Dương, là minh chứng cho khả năng và cam kết đảm bảo đạt được các CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, bản mô tả giúp Khoa đảm bảo các CĐR của chương trình được thiết kế rõ ràng và người học tốt nghiệp có thể đáp ứng CĐR.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng dựa trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Trong giai đoạn năm 2018 - 2023, bản mô tả CTĐT ngành QTKD, Trường Đại học Hải Dương được xây dựng, rà soát 3 lần và ban hành thành 3 văn bản riêng biệt, các thông tin được trình bày dưới dạng "*Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD*". Năm 2018, bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng theo quy định tại Thông tư

07/2015/TT-BGD&ĐT, Thông tư 22/2017/TT- BGD&ĐT và đã được Trường Đại học Hải Dương ban hành vào trước khóa đào tạo dưới dạng Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD, áp dụng khóa 8 và các khóa tiếp theo [H2.02.01.03], [H2.02.01.04] cùng Chuẩn đầu ra ngành đào tạo QTKD [H2.02.01.05]. Các thông tin được cung cấp trong văn bản này bao gồm: Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo, khung chương trình đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức ngành và chuyên ngành); chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, ngoại ngữ và vị trí việc làm, khả năng công tác, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Đến năm 2022, bên cạnh nội dung Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD và chuẩn đầu ra [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Trường đã rà soát, điều chỉnh bổ sung mô tả CTĐT theo yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.06], tích hợp chuẩn đầu ra vào bản mô tả CTĐT. Ngoài các mục thông tin đã được mô tả trong "*Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QTKD của Trường Đại học Hải Dương*", bản CTĐT 2022 đã bổ sung thêm các mục nội dung: Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Vị trí việc làm sau tốt nghiệp; Cách thức đánh giá; Kế hoạch giảng dạy dự kiến, hướng dẫn thực hiện và Mô tả tóm tắt nội dung từng học phần trong CTĐT [H2.02.01.07].

Tuy nhiên, năm 2023 CTĐT ngành QTKD của Trường ĐHHĐ lại tiếp tục được rà soát và điều chỉnh để làm rõ hơn mô tả, cập nhật nội dung đảm bảo đúng quy định và được rà soát định kỳ. Nội dung cập nhật cơ bản nhất được thể hiện trong việc cập nhật chuẩn đầu ra và điều chỉnh thời lượng các học phần cơ sở ngành chuyên ngành, điều chỉnh giảm số tín chỉ của kiến thức giáo dục đại cương và tăng số tín chỉ kiến thức chuyên ngành phù hợp thực tế, theo yêu cầu của các bên liên quan; điều chỉnh biểu mẫu đề cương chi tiết theo hướng cụ thể hóa các hoạt động giảng dạy và học tập; tiêu chí kiểm tra đánh giá học phần chi tiết cho cả năng lực chuyên môn QTKD và kỹ năng được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo. So với bản CTĐT năm 2022, bản CTĐT năm 2023 đã bổ sung: Chuẩn đầu vào của CTĐT; đưa ra chiến lược đánh giá, điều chỉnh và cụ thể hóa cách đánh giá học tập quy ra thang điểm 10, thang điểm 4, quy định số bài kiểm tra thường xuyên theo thời lượng của từng học phần; điều chỉnh thời lượng của một số học phần đại cương, chuyên ngành cho phù hợp... để làm rõ hơn về CTĐT [H2.02.01.08].

Thông qua các hoạt động rà soát và cải tiến CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường trong các năm 2018 và 2022, 2023 bản mô tả CTĐT ngành QTKD đã được cập nhật hình thức lẫn nội dung qua các năm, có mục tiêu (MT) phù hợp với các quy định hiện hành và ngày càng nâng cao chất lượng; trong đó các yếu tố để đạt được CTĐT đã được cấu trúc một cách có hệ thống, logic và sự bổ sung chiến lược dạy và học, kiểm tra và đánh giá [H2.02.01.09] [H2.02.01.10]. Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả chương trình GDTH 2023 có tính kế thừa và là kết quả của việc thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của sinh viên, nhà tuyển dụng và giảng viên [H2.02.01.11]; [H2.02.01.12]. Cùng với việc điều chỉnh CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành QTKD được cập nhật và tích hợp với sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhằm nâng cao khả năng đạt được các KQHT của người học, điều này được thực hiện sau khi đã tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR [H2.02.01.13]. CĐR và nội dung CĐR trong bản mô tả CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CĐR tương ứng. Thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, có tới 80% ý kiến của các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa KTQT và 85% ý kiến của sinh viên đánh giá về bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H2.02.01.11]; [H2.02.01.12]. CĐR và nội dung bản mô tả CTĐT trong CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CĐR tương ứng. Bản mô tả chương trình được so sánh giữa các năm để điều chỉnh ngành QTKD, giải trình điều chỉnh các học phần trong CTĐT ngành QTKD, được thực hiện với sự trao đổi thảo luận của Hội đồng Khoa cùng các bộ môn chuyên môn [H2.02.01.14]. Việc bổ sung, cập nhật những học phần mới vào bản mô tả CTĐT QTKD giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể cập nhật những kiến thức mới về khoa học công nghệ của ngành QTKD. Ý kiến phản hồi của GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng đã được sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh trong mô tả CTĐT QTKD [H2.02.01.08].

Nhà trường đã ban hành CTĐT ngành QTKD và đề cương chi tiết các học phần trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD. CTĐT ngành QTKD sau khi được ký ban hành đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa; thông

báo các quyết định ban hành CTĐT ngành QTKD đến GV, cố vấn học tập, SV để cập nhật và phục vụ cho hoạt động dạy và học [H2.02.01.15].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trong CTĐT ngành QTKD được xây dựng bài bản, khoa học trên cơ sở bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Nội dung CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy dự kiến, mô tả tóm tắt các học phần, cách đánh giá và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lí, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

- Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các bên liên quan một cách thường xuyên hơn. - Lập kế hoạch và triển khai nghiên cứu, so sánh bản mô tả CTĐT QTKD với CTĐT của một số trường đại học ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa KTQT - Bộ môn QTKD 	2 năm 1 lần	

		trong nước và một số nước tiên tiến trong cùng khu vực.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật CTĐT tại các mục trong bản mô tả để đảm bảo tính logic cao. Cập nhật CTĐT một cách quy mô, toàn diện từ MT, CDR cho đến đề cương chi tiết theo quy trình ĐBCL	- Khoa KTQT - Bộ môn QTKD	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp giảng viên và sinh viên thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Đề cương các học phần trong CTĐT được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu của TT08/2011/TT-BGDĐT.

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR của học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng trong đề cương.

Đề cương học phần luôn được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CDR CTĐT. Mỗi CDR chi tiết từng học phần gắn liền với hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh ĐCHP, Khoa KTQT đã luôn bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H2.02.02.01], H2.02.01.09. Bên cạnh đó ĐCHP được xây dựng dựa trên cơ sở đóng góp của học phần đáp ứng CDR của CTĐT do giảng viên (GV) biên soạn và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các quyết định thành lập tổ rà soát CTĐT và kế hoạch của Nhà trường [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề

cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về bộ môn phụ trách học phần, số tín chỉ, thời gian học trên lớp và thời gian tự học ở nhà, mục tiêu của học phần, tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết học phần **[H2.02.02.04]**

Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: CDR học phần, phương pháp dạy - học để có thể và phương pháp kiểm tra đánh giá. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định **[H2.02.02.05]**.

Nội dung các ĐCHP được xây dựng và bao gồm các thông tin thể hiện sự đóng góp của HP đối với CDR CTĐT, như: thông tin chung, MT, CDR HP, nội dung chi tiết, phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo... **[H2.02.02.04]**. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Trong mỗi ĐCHP thể hiện được mức độ đóng góp của các môn học so với CDR của CTĐT **[H2.02.02.06]**.

Trong các năm 2018, 2022 và 2023, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành QTKD **[H2.02.02.07]**. Nội dung các ĐCHP cơ bản cũng đã được điều chỉnh theo hướng phù hợp với CDR của CTĐT **[H2.02.02.08]**. Nhìn chung, các ĐCHP của CTĐT ngành QTKD năm 2018 cung cấp các thông tin liên quan, bao gồm: Tên học phần, số tín chỉ, trình độ, điều kiện tiên quyết, bộ môn phụ trách giảng dạy, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, mô tả vắn tắt nội dung học phần, mục tiêu học phần, tài liệu học tập/ tham khảo, tài liệu học tập, phân bổ thời gian, cá nhân/đơn vị phụ trách. Tuy nhiên, khác với các ĐCHP 2018, ĐCHP 2022 đã có sự điều chỉnh nội dung chi tiết của một số HP và bổ sung thêm các thông tin liên quan khác như: loại học phần, giờ tín chỉ đối với các hoạt động; nội dung chi tiết và phân bổ thời gian theo số giờ tín chỉ, thông tin về giảng viên xây dựng ĐCCT **[H2.02.02.06]**. Tiếp đó, so với các ĐCHP 2018 và 2022, các ĐCHP 2023 đã có những sự cải tiến đáng kể về hình thức và nội dung, cụ thể: các thông tin chung được liệt kê chi tiết; MT được cụ thể hóa bằng các chuẩn đầu ra có thể đo lường được; sự đóng góp của HP đối với CDR CTĐT được mô tả bằng các ma trận; phương pháp và kế hoạch dạy - học, phương pháp kiểm tra được bổ sung để phục vụ việc đánh giá mức đạt được các CDR HP, phục vụ đánh giá mức đạt được CDR CTĐT; danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu học tập chính **[H2.02.02.10]**. Việc xác định CDR của học phần đã giúp người học hiểu rõ vai trò vị trí

của học phần trong CTĐT cũng như sự đóng góp của học phần trong việc đạt được CDR nào của CTĐT. Điểm khác biệt cơ bản giữa ĐCHP năm 2022 và 2023 là CDR và phương pháp đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể để SV đạt CDR của học phần. Đặc biệt, trong quá trình cập nhật ĐCHP 2023, Khoa và Nhà trường đã rất chú ý đến việc lấy ý kiến của các chuyên gia, GV về các nội dung để điều chỉnh phù hợp [H2.02.02.11]. Ngoài ra, việc rà soát ĐCHP được tổ chức thực hiện thường xuyên ở cấp Bộ môn (được đưa vào hoạt động chuyên môn của Bộ môn), qua đó có những báo cáo và điều chỉnh kịp thời đối với những nội dung không phù hợp. Tuy nhiên, việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH, chuyên gia và nhà tuyển dụng (NTD) về ĐCHP vẫn còn hạn chế về quy mô và đối tượng, chưa có sự kết hợp giữa hình thức trực tiếp với gián tiếp.

2. Điểm mạnh

- 100% ĐCHP thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, thể hiện nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực liên quan đến ngành QTKD. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

- Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành QTKD được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CLO môn học và PLO của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành Quản trị kinh doanh tiếng Việt và ngoại ngữ trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực	Ghi chú

				hiện/ hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh.	Nhà trường	Hàng năm	
		Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.	Khoa KTQT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật ĐCCT các học phần hàng năm, truyền thông rộng rãi đến từng SV và giảng viên để thực hiện	Khoa KTQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCHP đến các bên liên quan luôn được Nhà trường xác định đóng vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo chất lượng CTĐT. Toàn bộ hoặc một phần văn bản các nội dung của bản mô tả CTĐT QTKD và ĐCHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm 04 hình thức chủ yếu: (1) Phổ biến trực tiếp cho SV vào đầu khóa học thông qua cố vấn học tập (CVHT) và GV giảng dạy; (2) Lưu hành trong thư viện Nhà trường như tài liệu tham khảo cho SV; (3) Đăng tải trên website đào tạo của Nhà trường và Khoa với quyền truy cập mở cho các đối tượng; (4) Cung cấp trực tiếp đến SV, nhà tuyển dụng, chuyên gia thông qua các chương trình hội thảo do Trường và Khoa tổ chức; **[H2.02.03.01]**. Với các hình thức công khai liệt kê ở trên đã giúp cho SV, GV, nhà tuyển dụng, chuyên gia dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi **[H2.02.03.02]**. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCHP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế

hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; giúp cho GV có cơ sở xây dựng ĐCCTHP và đối soát khả năng đóng góp của các học phần cho CDR của CTĐT; giúp cho các nhà quản lí, nhà sử dụng lao động nắm được các thông tin bao quát về CTĐT, đánh giá được khả năng đáp ứng của CTĐT với nhu cầu xã hội. Các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo - HTQT, lãnh đạo Khoa và Trợ lý Khoa/Bộ môn đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của các ngành học nhằm nắm rõ thông tin về CTĐT và các HP của chương trình, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và SV. Thông qua các hình thức công khai nêu trên, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung chi tiết của bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và CDR của các học phần đó. Đối với người học, ngay khi nhập trường, tuần sinh hoạt đầu khóa, người học đã được CVHT của lớp phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần, định hướng nghề nghiệp cho SV. Trong các cuộc họp giữa SV với CVHT, hoặc buổi tổng kết năm học, CVHT giải thích và hướng dẫn sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trên website của Khoa và Nhà trường. Bản Mô tả CTĐT và các Đề cương học phần định kỳ được rà soát, điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến các bên liên quan đặc biệt là đối với nhà tuyển dụng, SV và cựu SV [H2.02.03.03] [H2.02.03.02]. CBGV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động đều có thể tiếp cận bản Mô tả CTĐT và Đề cương các môn học/học phần một cách dễ dàng, thuận tiện. Những điều chỉnh về bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật trên website của Nhà trường, được lưu giữ tại văn phòng các bộ môn QTKD, giáo vụ khoa, lãnh đạo khoa để CBGV, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT QTKD biết và thực hiện.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP trong CTĐT ngành QTKD cung cấp đầy đủ thông tin, được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng đạt được của SV tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP trong CTĐT thường xuyên nhận được ý kiến đóng góp, xây dựng của tổ soạn thảo CT, GV trong khoa, nhà tuyển dụng lao động, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp. Các kênh thông tin online để công bố bản mô tả CTĐT vẫn mang tính một chiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Việc phổ biến Bản mô tả CTĐT và cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan sẽ thực hiện chuyên nghiệp hơn bằng cách chuyển tải qua các kênh khác nhau: website, trang mạng xã hội, email cá nhân của các bên liên quan, tài liệu phát tay...	Khoa KTQT	Hàng năm	Lồng ghép trong chương trình giao lưu với doanh nghiệp
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát huy các hình thức công khai hiện có	Khoa KTQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trường ĐHHD, Khoa KTQT đã chú trọng xây dựng bản mô tả CTĐT một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước để nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng là tài liệu hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả ĐCCT các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. ĐCCT được thường xuyên rà soát,

cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu. Bản mô tả CTĐT sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin và các ĐCCT học giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT và sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được CĐR.

Tuy nhiên việc truyền thông CTĐT đến các bên liên quan còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở SV và giảng viên, cần đẩy mạnh hơn nữa việc lấy ý kiến của các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, nhà sử dụng lao động, cựu SV.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của chương trình đào tạo. Nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ chương trình. Chương trình đào tạo đảm bảo tính phù hợp, cập nhật qua từng học phần cụ thể cũng như chương trình đào tạo tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Chương trình dạy học ngành QTKD được xây dựng và ban hành năm 2013 và được sửa đổi, rà soát, bổ sung thường xuyên theo đúng quy định theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Hải Dương về hình thức đào tạo theo tín chỉ. Cụ thể chương trình dạy học ngành QTKD của Trường ĐHHĐ đã ban hành từ năm 2018 đến năm 2023 theo các văn bản gồm: Quyết định số 261/QĐ-ĐHHĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018; QĐ 520 QĐ-ĐHHĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019; QĐ 142 QĐ-ĐHHĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022; QĐ 508 QĐ-ĐHHĐ ngày 16 tháng 9 năm

2023 [H3.03.01.01]. Chương trình có CĐR rõ ràng được thiết kế xuất phát từ nhu cầu xã hội, gắn với yêu cầu từ thực tiễn được ban hành tại các văn bản tại minh chứng [H3.03.01.05]. Chương trình dạy học năm 2018 được xây dựng bao gồm hai khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên ngành với 128 tín chỉ với 52 học phần, bao gồm cả Thực tập tốt nghiệp (TTTN), khóa luận tốt nghiệp (KLTN) và các học phần thay thế khi sinh viên không đủ điều kiện viết KLTN). Chương trình được thiết kế theo CĐR rõ ràng [H3.03.01.05], kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành [H3.03.01.01]. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu được phổ biến công khai trên website nhà trường và được lưu trữ tại Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Khoa Kinh tế - Quản trị và được truyền thông tới sinh viên ngành Quản trị kinh doanh và đăng tải công khai trên Website của Trường. [H3.03.02.02].

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động đào tạo và nhu cầu của xã hội, chương trình đã được điều chỉnh nhóm học phần Lý luận chính trị trong tất cả các ngành học trình độ đại học hệ chính quy khoa 9 và các khóa tiếp theo tại Trường Đại học Hải Dương [3.1.01.04- QĐ 520/QĐ-ĐHHD ngày 16 tháng 8 năm 2019]. Năm 2022, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát, cập nhật, sửa đổi và bổ sung CTĐT ngành Quản trị kinh doanh và ban hành CTĐT mới cập nhật theo quyết định số 142/QĐ- ĐHHD ngày 16 tháng 5 năm 2022 [H3.03.01.01]. Chương trình dạy học năm 2022 được điều chỉnh so với năm 2018 còn 120 TC (không tính GDTC và GDQP), trong đó khối giáo dục đại cương 30 TC, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 95 TC; Chương trình dạy học điều chỉnh năm 2023 xây dựng là 125 TC và có điều chỉnh một số học phần trong CTDH [H3.03.01.01]. Việc sửa đổi xuất phát từ yêu cầu đặt ra là hình thức đào tạo và cấu trúc chương trình phải đảm bảo phân bổ đủ thời lượng nhằm hình thành được việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp một cách hệ thống, xuyên suốt chương trình dạy học và chưa nâng cao được năng lực thực hành nghề nghiệp của người học thông qua học tập trải nghiệm và đào tạo tích hợp.

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng chương trình dạy học, Khoa KTQT đã tiến hành điều tra, khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR và khung chương trình đào tạo [H3.03.01.06]. Bên cạnh đó, Khoa KTQT cũng đã tiến hành tham khảo và đối sánh với chương trình ngành Quản trị kinh doanh (hệ chính quy trình độ đại học) của các cơ sở đào tạo khi thiết kế chương trình [H3.03.01.07].

Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD được ban hành theo quyết định số 261/QĐ-ĐHHD ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương và được cập nhật sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 142/QĐ-ĐHHD ngày 16 tháng 5 năm 2022 và quyết định 508 QĐ-ĐHHD ngày 16 tháng 9 năm 2023. Chương trình được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CĐR và ma trận các học phần [H3.03.01.01]. Chương trình cũng bao gồm mô tả vắn tắt các học phần, đề cương chi tiết các học phần, kế hoạch dạy học được thiết kế dựa trên mức độ đáp ứng của từng học phần với CĐR kèm theo. So với chương trình dạy học ngành QTKD trước đây, chương trình dạy học áp dụng từ năm 2022 được thiết kế dựa trên CĐR được thể hiện chi tiết, khoa học hơn, rõ ràng, cụ thể trong các học phần [H3.03.01.01].

Cụ thể, cấu trúc chương trình dạy học hiện nay được thiết kế dựa trên ba khối kiến thức (khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm 2 nhóm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành). Các môn học thuộc khối kiến thức đại cương gồm 34 tín chỉ (TC) trong đó nhóm môn Lý luận chính trị là 11 TC, ngoại ngữ là 09 TC, Khoa học tự nhiên - Toán - Tin 9 TC, nhóm Khoa học xã hội - nhân văn 5 TC, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng 12 TC với các học phần (Triết học Mác- Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tiếng Anh 1,2,3; Pháp luật đại cương, Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Tin học cơ bản, Soạn thảo văn bản...) trang bị cho sinh viên được kiến thức, kỹ năng nền tảng cho người học, quan điểm đúng đắn về các vấn đề xã hội. Các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Marketing căn bản, Luật kinh tế, Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ...) trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về kinh tế, kinh doanh, quản lý. Khối kiến thức chuyên ngành (gồm các học phần Quản kinh doanh, Tâm lý học quản lý, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị dự án đầu tư, Quản trị sản xuất, Quản trị hậu cần kinh doanh, Quản trị tài chính, thực hành nghiệp vụ quản trị kinh doanh...) là các học phần chuyên sâu, giúp người học có năng lực đặc thù của ngành đào tạo QTKD. Tổng thể các học phần trong chương trình đào tạo ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn đạt được những kỹ năng: Kỹ năng hoạch định tư vấn; Kỹ năng lãnh đạo, điều hành, tổ chức; Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm và tạo dựng các mối

quan hệ... cần thiết cho sinh viên ngành QTKD khi ra trường. Việc triển khai tổ chức giảng dạy theo kế hoạch chuẩn bị hợp lý về thời gian và đội ngũ cán bộ, giảng viên của khoa, Nhà trường [H3.03.01.02].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong chương trình được thiết kế chi tiết, hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc đạt CĐR của chương trình. Các phương pháp giảng dạy được xác định trong đề cương chi tiết các học phần trong ngành phù hợp với các CĐR được phân bổ cho học phần [H3.03.01.01], trên cơ sở có sự phân tách giữa các học phần giảng dạy theo hướng tăng cường trải nghiệm thực tế, thực hành, các học phần kỹ năng với các học phần lý thuyết [H3.03.01.01]. Đề cương chi tiết học phần, hồ sơ giảng dạy của giảng viên đều thể hiện đầy đủ các hoạt động thiết kế trong học phần [H3.03.01.04]. Việc kiểm tra đánh giá được thiết kế dựa trên CĐR của từng học phần, đáp ứng CĐR được phân bổ cho học phần. Phương pháp đánh giá phù hợp với thang đo năng lực của CĐR, được thống nhất từ ma trận CĐR. Như vậy, việc đánh giá năng lực người học có sự phù hợp, logic theo chiều dọc của tiến trình đào tạo và tương ứng với nội dung cốt lõi của từng học phần.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHHĐ triển khai xây dựng và phát triển chương trình dạy học một cách khoa học, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã thiết kế chương trình học trình độ đại học ngành QTKD đảm bảo tính cập nhật và có những thay đổi phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Một số chuẩn đầu ra môn học chưa tương thích hoặc chông chéo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Một số học phần trong chương trình đào tạo có CĐR nhiều, chưa thực sự hợp lý trong quá trình triển khai. Chương trình đào tạo ngành QTKD ban hành năm 2022 chưa tiến hành khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- Lấy ý kiến khảo sát, chỉnh sửa CĐR theo hướng chọn lọc năng lực mũi nhọn; từ đó tiếp tục hoàn thiện chương trình dạy học.

- Từ năm học 2023 - 2024, khoa Kinh tế - Quản trị sẽ rà soát qui định về tổ chức đào tạo của chương trình đào tạo hệ chính quy, tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra môn học cho tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5/7)*

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Khung chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế theo cấu trúc logic[H3.03.02.01]. Tất cả các đề cương chi tiết do giảng viên giảng dạy các học phần của ngành QTKD được biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, tương thích về nội dung đào tạo và đáp ứng được CĐR của chương trình.

Dựa trên khung chương trình đào tạo và CĐR chung của ngành QTKD, mỗi đề cương chi tiết của từng học phần đều mô tả đầy đủ, chi tiết bao gồm: Đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, giảng viên, về tổ chức dạy và học; mục tiêu của học phần, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, danh mục tài liệu học tập và tài liệu tham khảo. Các học phần đều nêu rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. CĐR học phần được thể hiện rõ ràng gồm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H3.03.01.04]. Việc giảng dạy thực tế theo nội dung đề cương chi tiết được Khoa Kinh tế - Quản trị và các đơn vị đào tạo kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả đào tạo đạt CĐR nhiệm. [H3.03.02.08].

Hiện nay, ngành QTKD đang áp dụng chương trình đào tạo ban hành năm 2022 đối với khóa K12 và điều chỉnh năm 2023 với khóa K13 với 125 tín chỉ. Việc lựa chọn các học phần cụ thể cần thiết hay không cần thiết trong khung chương trình đã được Khoa Kinh tế - Quản trị tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan. Do đó, đã đảm bảo được tính cần thiết, hợp lý của việc lựa chọn các học phần trong chương trình [H3.03.02.01]. Căn cứ ma trận phân bổ học phần với CĐR của chương trình, CĐR của học phần được xác định và nó làm cơ sở thiết kế chương trình dạy học học phần. Điều này đã làm rõ mức độ cần thiết của các nội dung đồng thời phù hợp với trình độ người

học. Mỗi đề cương khi được xây dựng, chỉnh sửa đều được Khoa nghiệm thu [H3.03.02.07] nhằm đảm bảo sự tương thích về mặt kiến thức theo chiều dọc giữa các học phần theo tiến trình đào tạo, hỗ trợ các học phần khác trong cùng học kỳ giảng dạy và phù hợp với CĐR chung của ngành QTKD [H3.03.02.01]. Các học phần trong chương trình dạy học học thể hiện sự tương thích và mức độ đóng góp cụ thể với CĐR.

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên cũng được thiết kế khoa học trong đề cương chi tiết học phần và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Trong chương trình đào tạo ngành QTKD, các CĐR gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Do đó, CĐR được phân bổ cho các học phần có ảnh hưởng tới việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và đánh giá người học. Trong mỗi học phần, tương ứng với nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy được lựa chọn phù hợp; phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tiểu luận, bài kiểm tra, bài thi tự luận, v.v... nhằm giúp sinh viên đạt được CĐR [H3.03.01.05]. Chương trình dạy học được thực hiện có tính khoa học, hợp lý theo tiến độ được phê duyệt và ban hành [H3.03.02.01].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QTKD, đề cương chi tiết học phần được thông báo trên website cho người học và các bên ngoài cơ sở đào tạo biết [H3.03.02.02]. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các học phần được thực hiện [H3.03.02.05]. Trên cơ sở đó, khoa KTQT đề xuất chỉnh sửa nội dung, phương pháp giảng dạy học phần cho phù hợp.

2. Điểm mạnh

Chương trình được phân bổ hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT được phân bổ hợp lý, khoa học, gắn với CĐR của CTĐT phân bổ cho các học phần. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống logic. Mọi liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của chương trình được thể hiện một cách

rõ ràng; nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của từng học phần bám sát với CDR của học phần và CDR của chương trình phân bổ cho học phần.

3. Điểm tồn tại

Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CDR của Chương trình dạy học ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

- *Khắc phục tồn tại*: Khoa KTQT tiến hành rà soát cách thức đánh giá kết quả học phần của toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo nhằm thể hiện rõ khả năng đạt được của CDR. Dự kiến thực hiện vào năm học 2024 -2025.

- *Phát huy điểm mạnh*: Phòng Tổ chức - Tổng hợp phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra, Khoa KTQT tổ chức hội thảo, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá. Dự kiến thực hiện vào năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Hiện nay, chương trình dạy học của ngành QTKD (K13) được xây dựng với 125 tín chỉ, trong đó có 19 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức đại cương chung chiếm 24%, kiến thức cơ sở ngành chiếm 31,2% và kiến thức chuyên ngành bao gồm cả thực tập TN và KLTN chiếm 44,86% thời lượng chương trình đào tạo [H3.03.02.05]. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý.

Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Người học được trang bị từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu. Chương trình cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.02.03].

Việc tổ chức đánh giá năng lực sinh viên được tiến hành theo trình tự các học phần trong khóa học, đảm bảo sự liên tục, diễn tiến phát triển hợp lý và khoa học [H3.03.02.03].

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.

Tính cập nhật của chương trình trong cấu trúc chương trình cũng như trong các nội dung học phần cụ thể được thể hiện trong việc tiếp thu các chuyên gia tư vấn cho chương trình [H3.03.02.06]. Hiện nay, với chương trình đào tạo đang triển khai áp dụng, Khoa Kinh tế - Quản trị đang tiếp tục rà soát để thay đổi chương trình cho phù hợp.

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Chương trình đào tạo ngành QTKD được thiết kế với nội dung mang tính cập nhật. Để xây dựng chương trình, Khoa KTQT đã thực hiện khảo sát ý kiến từ các bên liên quan [H3.03.01.06]. Khi xây dựng chương trình Khoa QTKD đã có sự phân tích đối sánh với chương trình đào tạo ngành QTKD của một số các trường đại học khác có đào tạo ngành này [H3.03.02.08].

Chương trình đào tạo có tính tích hợp cao khi có sự liên thông với các ngành học khác trong nhóm kinh doanh và quản lý. Với thời gian đào tạo là từ 3,5 năm đến 4 năm với 8 học kỳ, khối lượng học phần 125 tín chỉ và 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, trung bình 17 tín chỉ/1 học kỳ, người học có thể đăng ký và học ngành học thứ hai tại trường. Chương trình có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo; mỗi học kỳ sinh viên có thể đăng ký học tùy theo năng lực và thời gian.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành QTKD có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong chương trình được bố trí hợp lý và được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Chương trình khi được điều chỉnh có tham khảo, đối sánh với các chương trình của các cơ sở khác, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Chương trình dạy học đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Chương trình đào tạo được áp dụng trước khóa K12 còn bố trí ít thời lượng cho hoạt động thực hành, kỹ năng. Chương trình được ban hành mới năm 2022 được thực hiện tuy đã tăng thời lượng thực hành nhưng thời lượng cho các học phần kỹ năng còn ít.

3. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Rà soát cấu trúc, nội dung chương trình dạy học; tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về tăng cường các học phần phát triển kỹ năng người học.

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục đối sánh chương trình đào tạo QTKD của Nhà trường với chương trình ngành này của các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học của ngành QTKD được thiết kế với các học phần đảm bảo bao trùm các CĐR của ngành đào tạo. Kết quả khảo sát ý kiến từ các bên liên quan và có sự đối sánh với các chương trình đào tạo ngành QTKD của các cơ sở đào tạo khác làm căn cứ để Nhà trường điều chỉnh, ban hành chương trình. Khoa KTQT chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình nhằm đảm bảo hình thành năng lực người học theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho sinh viên trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được thiết kế có tính cập nhật, có tham khảo, đối sánh và bám sát CĐR. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng nhằm bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CĐR của một số học phần còn nhiều dẫn đến khó khăn cho giảng viên khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số cách thức đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, CTĐT cũng cần phải rà soát và xem xét điều chỉnh theo hướng tăng cường phát triển kỹ năng người học.

Trong thời gian tới, Nhà trường cần rà soát cấu trúc, nội dung chương trình dạy học; rà soát về CĐR và cách thức đánh giá của một số học phần, tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan, tăng cường các học phần phát triển kỹ năng người học.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn:

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành QTKD đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đạt 5/7điểm.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Trường ĐHHD được hình thành trên cơ sở mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực có kiến thức vững chắc, trách nhiệm với xã hội, tính chính trực và sẵn sàng hội nhập. Mục tiêu này được cụ thể hóa trong CTĐT với các CDR tương ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Định hướng cho các hoạt động dạy và học được thiết kế và thực hiện một cách đa dạng, phù hợp để giúp sinh viên(SV) đạt được CDR, cũng như thúc đẩy SV nâng cao năng lực học tập suốt đời.

Trường ĐHHD theo định hướng ứng dụng nên triết lý giáo dục (TLGD) của Trường và Khoa là “Học để làm được việc”. Khoa đã vận dụng TLGD của Nhà trường phù hợp với thực tiễn của Khoa, chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học, hướng đến đạt được CDR của HP.

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường ĐHHD là “Học để làm được việc” được Hiệu trưởng ký tuyên bố chính thức bằng các văn bản như quyết định ban hành số 279/QĐ-ĐHHD ngày 29 tháng 8 năm 2019 về Chiến lược phát triển Trường ĐHHD giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2020, Nhà trường cũng đã công bố, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi,... Khoa KT-QT thống nhất vận dụng TLGD này để chuyển tải vào các các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, đồng thời đưa vào trong chương trình đào tạo của Khoa [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, SV và các bên liên quan của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. Bên cạnh đó, thông qua trang thông tin điện tử <https://uhd.edu.vn> [H4.04.01.02]. Tài liệu giới thiệu về Trường và những hình ảnh về định hướng mục tiêu giáo dục được thể hiện nhiều nơi. TLGD của Trường được toàn thể cán bộ, lãnh đạo Nhà trường cùng tham gia thảo luận để thống nhất. Dựa trên TLGD của Nhà trường GV, NV của Khoa KTQT cũng đã họp thảo luận để cụ thể hóa và đưa vào

chương trình đào tạo của Khoa, chuyên tải trực tiếp vào các hoạt động dạy, học tập và nghiên cứu.

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau, gồm: đăng tải trên website Trường <https://uhd.edu.vn> [H4.04.01.02], website của Khoa. Ngoài ra, TLGD của Nhà trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường, văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, SV, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Cán bộ, GV đều thấu hiểu TLGD của nhà trường, thể hiện thông qua việc thiết kế môn học, sử dụng phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với triết lý đó, trong đó tỷ trọng đánh giá khả năng làm việc độc lập, tích cực và chủ động của SV khá phù hợp với cách thức triển khai học tập. Đồng hành cùng GV và SV, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của Trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo môi trường để SV có cơ hội gặp gỡ giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với những doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu người học thành đạt, chia sẻ phương pháp học tập và NCKH từ các chuyên gia. Nhìn chung, để đạt được mục tiêu đào tạo, tất cả các tổ chức liên quan đến hoạt động học tập của SV đều thấu hiểu TLGD và tích cực sẵn sàng hỗ trợ mọi khả năng có thể đào tạo môi trường mở và trải nghiệm thường xuyên, đa dạng nhất có thể cho SV [H4.04.01.03].

Khoa đã khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với Triết lý giáo dục của Trường. Kết quả khảo sát CB, VC và NLD, cho thấy: i) tiếp cận những thông tin về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường nhiều nhất qua trang thông tin điện tử của Trường/Khoa (95%);

ii) Đối với mức độ thấu hiểu về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường, 96% CB, GV và NV trả lời hiểu, 2% còn phân vân điều này được thể hiện thông qua các hoạt động như: Xây dựng kế hoạch làm việc của cá nhân hàng năm; Xây dựng kế hoạch, phương hướng của đơn vị hay. Tổ chức dạy và học; thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học [H4.04.01.03].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo/Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng và phù hợp yêu cầu đối với nguồn nhân lực tri thức ngày nay. Hơn thế, triết lý được xây dựng mang

tính tương đồng với văn hóa của Trường. Điều này giúp cho GV, CNV, SV và các bên liên quan dễ dàng thấu hiểu và vận dụng chủ động vào các hoạt động DN.

Nhà trường đã sử dụng nhiều phương tiện đa dạng để truyền thông đến các bên liên quan như trang thông tin điện tử và các tài liệu giới thiệu về Trường.

TLGD của Nhà trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môn học, GV, SV của trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện truyền thông triết lý giáo dục rộng rãi nhưng các hoạt động về kiểm tra đánh giá mức độ hiểu biết về TLGD của các bên liên quan, cụ thể là đối với GV và SV mới thì chưa được thực hiện liên tục dẫn đến mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều gồm GV, SV, các nhà tuyển dụng

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Khoa phối hợp với bộ phận IT của nhà trường xây dựng các công cụ khảo sát trực tuyến thông qua website, cổng tài khoản SV, GV để có cơ sở đo lường mức độ hiểu và áp dụng TLGD của nhà trường	Khoa, IT	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh 1	Khoa phối hợp với Đoàn Thanh Niên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về TLGD của Nhà Trường nhằm lan tỏa TLGD đến từng SV, GV, CBCNV của Trường	Khoa, ĐTN	Từ năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 3	Khoa/Trường tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về TLGD và vận dụng TLGD vào giảng dạy và học tập	Khoa/Trường	1 lần/năm

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã có xây dựng mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường với Doanh nghiệp, Khoa đã thực hiện thỏa thuận với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động thực tiễn, xây dựng các kế hoạch tổ chức chương trình đi thực tế, kiến tập

các bài thu hoạch sau kiến tập cho SV nhằm đa dạng các hình thức học tập, định hướng nghề nghiệp trong tương lai, đồng thời tạo cầu nối giữa Nhà trường với Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng tham gia vào các hoạt động định hướng nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng, cung cấp kiến thức thực tiễn cho SV thông qua các buổi Tọa đàm với SV về khởi nghiệp, Tọa đàm về Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân cho SV, Giao lưu giới thiệu ngành nghề cho SV [H4.04.02.01].

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đóng vai trò là người tổ chức, thiết kế, hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để kích lệ tinh thần học tập như: Hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tra cứu tài nguyên trên thư viện số [H4.04.02.02], thực hiện các đề tài NCKH để người học chủ động tiếp thu kiến thức, hình thành và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp nhằm đạt được CĐR.

Mục 3, 4, 5 trong CĐR các ngành QTKD ban hành theo quyết định số 260/QĐ-ĐHHD, ngày 29 tháng 8 năm 2018 có nêu các yêu cầu của CĐR như: về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí công việc... Bám sát các yêu cầu của Quy định, Khoa KT-QT đã xây dựng nên quá trình học tập, tích lũy của SV qua từng giai đoạn để đạt CĐR của CTĐT [H4.04.02.03].

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng chương trình dạy học, Khoa Kinh tế - Quản trị đã tiến hành điều tra, khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR và khung chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế - Quản trị cũng đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cơ quan, công ty về năng lực của sinh viên sau tốt nghiệp khi đi làm [H4.04.02.04].

Đối với ngành QTKD là lĩnh vực rộng, khi triển khai xây dựng CTĐT, ĐCCT môn học Khoa đã tổ chức hội thảo để trao đổi sáng kiến, kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phong phú, có tham khảo các phương pháp của các trường khác thông qua việc tham gia hội thảo, tập huấn về đổi mới PPDH.

3. Điểm tồn tại

Đối với GV,việc thay đổi phương pháp dạy cũng gặp nhiều khó khăn do khác biệt về thiết kế các hoạt động dạy và học trên môi trường online còn chưa phong phú.

Đối với SV,việc thay đổi phương pháp dạy cũng gặp nhiều khó khăn trong học tập đặc biệt là các sinh viên năm nhất.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Khoa, Phòng ĐT&HTQT tổ chức các buổi tập huấn cho GV về thiết kế và giảng dạy trên phần mềm online	Khoa, P.ĐTHTQT	Từ năm học 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Khoa phối hợp với khoa CNTT đưa các chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, giới thiệu một số các phần mềm về học trực tuyến đến SV	Khoa CNTT, khoa KTQT	Từ năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 1	Trường và KTQT sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, đồng thời xây dựng quy trình và tiêu chí đánh giá chất lượng chuyên môn công tác giảng dạy của GV.	Khoa, Trường	Trong năm 2023

5. Tự đánh giá: Đạt(5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

100% ĐCCT học phần trong CTĐT ngành QTKD sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu và CĐR của học phần. Trên cơ sở ma trận liên kết nội dung học phần với CĐR học phần, khoa, GV thực hiện các hoạt động dạy và học phù hợp: hoạt động nhóm, đóng vai,dự án,thực tập,thực hành,trải nghiệm thực tế ngoài doanh nghiệp,...để giúpSV hình thành, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm[H4.04.03.01].

Tất cả đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành QTKD đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học để đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT; 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều quy định cụ thể nội dung tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Trong khung CTĐT đã bổ sung các môn về kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp,... Trong ĐCCT môn học các hoạt động dạy và học hướng tới CĐR định hướng cho NH rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp nâng cao khả năng học tập suốt đời cụ thể hóa trong [H4.04.03.03].

Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. Bên cạnh đó, sinh viên có thể tra cứu tài nguyên trên thư viện số góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu, tự học của NH [H4.04.03.02]

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề thảo luận... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình. Đối với các học phần kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp, NH luôn được hướng dẫn các nội dung để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà, một số GV chưa áp dụng các PPGD đa dạng đặc biệt là GV thỉnh giảng và GV mới. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, giáo viên chủ nhiệm về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tham khảo nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động học tập, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập. [H4.04.03.05].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của NH và cựu NH về PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. [H4.04.03.04].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học cho sinh viên ngành QTKD được thực hiện khoa học, đảm bảo đạt được các CDR và mục tiêu CTĐT. Với thời lượng thực hành, thực tập khá lớn, các yêu cầu tự học của sinh viên rõ ràng trong ĐCCT các học phần đã góp phần định hướng khả năng tự học; Phương pháp giảng dạy mới hiện nay xem NH là trung tâm đã khuyến khích NH ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Trong công tác giảng dạy, do đặc thù của nhiều môn học mà việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực còn hạn chế. Ngoài ra, việc đánh giá các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên chưa được thực hiện tốt.

Việc đăng ký học ngoài giờ của NH là thấp, chưa phát huy hiệu quả

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Khoa chủ động tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề về phương pháp giảng dạy, tổ chức dự giờ đối với GV thỉnh giảng, giảng thử đối với GV mới.	Khoa	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường/ khoa tiếp tục triển khai các hoạt động tổ chức giảng dạy đa dạng, thường xuyên rà soát các ĐCCT học phần để bổ sung cập nhật, đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển của xã hội	Khoa Phòng ĐTDH	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Văn bản về Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài trường trên các phương tiện truyền thông. Khoa KTQT đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT, giúp người học tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn; Xây dựng công

thông tin học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho người học, kết hợp giữa mô hình truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến; người học thể hiện sự hài lòng với các PPGD của GV.

Trường và Khoa có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc thực hiện truyền thông triết lý giáo dục rộng rãi nhưng Khoa chưa đo lường sự thấu hiểu của các bên liên quan, cụ thể là đối với GV và SV mới. Trong đó, mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều (gồm GV, SV, các nhà tuyển dụng), mức độ hiểu và áp dụng TLGD của NTD trên thực tế chưa hiệu quả.

Khi áp dụng học online sinh viên chưa nắm bắt kịp nên còn gặp nhiều bỡ ngỡ. Số HP áp dụng hình thức KTĐG kết thúc học phần thông qua thi vấn đáp chưa được áp dụng để đánh giá tổng quát các kỹ năng của NH, đặc biệt là kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR của ngành, đảm bảo mục tiêu đã đặt ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cũng cung cấp cho Nhà trường, các thông tin có giá trị đo lường được về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế và ban hành một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CĐR của CTĐT. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV, được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá, các phương pháp

đánh giá sử dụng đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, rõ ràng, minh bạch và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học công khai, minh bạch, các quy định về phúc khảo, khiếu nại có quy định rõ ràng giúp người học có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của người học. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học ngành QTKD thực hiện đúng quy trình theo quy định của Nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, phù hợp nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập người học của ngành QTKD được thực hiện theo kế hoạch cụ thể với quy trình chặt chẽ từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được CĐR, dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hải Dương. Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hải Dương đã ban hành Quy trình đánh giá kết quả học tập; Quy định đào tạo Đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ; CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD trường ĐHHĐ, đề cương chi tiết các học phần và hàng năm rà soát lại CTĐT; Quy định chấm khóa luận tốt nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng của ngành [H5.05.01.01; H5.05.01.02; H5.05.01.03; H5.05.01.04].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho người học sau khi trúng tuyển và học tập ngành QTKD được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Hải Dương [H5.05.01.01]. Đánh giá kết quả học tập của người học ngành QTKD được thiết kế logic, khoa học cho tất cả các học phần dựa trên mục tiêu và CĐR CTĐT, trong đó chỉ rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.05.01.02].

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm thảo luận, bài tập, thuyết trình nhóm, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, thực hành... tùy theo yêu cầu của từng học phần và CĐR tương ứng [H5.05.02.01], [H5.05.02.06].

Phòng Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) là đơn vị chuyên trách thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.04]. Thông qua Phòng ĐBCL Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học

tập, quy định về việc ra đề thi [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]. Đối với ngành QTKD, việc đánh giá kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ các học phần được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập 10%, điểm thi giữa học phần 20%, điểm thi kết thúc học phần 70%.

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện CTĐT theo tiếp cận CDIO, thực hiện quá trình đổi mới nâng cao chất lượng CĐR và khung CTĐT theo tiếp cận CDIO cho các khóa đào tạo ngành QTKD được ban hành và áp dụng cho các khóa từ K12 [H5.01.01.01]. Dựa trên CĐR CTĐT, CĐR các học phần cụ thể được xây dựng, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo quy trình chặt chẽ trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH, các quy định của Nhà trường với nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá rõ ràng [H5.05.01.01], [H5.05.01.03]. phù hợp với mức độ đạt được CĐR của ngành học, các nội dung học tập của từng học phần. Từ khóa K13 việc quy định trọng số của các học phần cũng có sự điều chỉnh và thay đổi rõ ràng nhằm tăng cường đánh giá năng lực người học, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập và đánh giá giữa kỳ) chiếm tỉ trọng 40%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỉ trọng 60% [H5.05.02.01]. Đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm, tự luận..., đánh giá cuối kỳ được lựa chọn và đề xuất bởi các bộ môn phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng học phần đáp ứng CĐR. ĐCCT được xây dựng đảm bảo có đủ các điểm thành phần, quy định về trọng số điểm, trong đó chỉ rõ các nội dung đánh giá học phần, hình thức,... với các CĐR tương ứng [H5.05.02.06].

Các quy định thi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo đúng Quy định, quy chế về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường, đảm bảo tính tin cậy, công bằng [H5.05.03.02]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành QTKD được xây dựng một cách khoa học dựa trên các văn bản hướng dẫn xây dựng đề thi nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp CĐR [H5.05.03.03]. Dữ liệu kết quả chấm thi được thể hiện trong Kết quả chấm thi các đợt thi của các kỳ học và được công bố cho sinh viên kịp thời [H5.05.03.08]

Kết quả đánh giá được thông báo tới người học bằng hình thức bảng điểm, được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc thực tập [H5.05.04.04] và thông báo về Cảnh báo kết quả học tập các học kỳ cho sinh viên [H5.05.04.02].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với người học được thực hiện theo đúng quy trình quy định, được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần. Việc đổi mới về quy định kiểm tra đánh giá, quy định về tỉ trọng của các thành phần điểm phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong CĐR, nhằm tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với người học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá đa dạng với nhiều thành phần đáp ứng nhiều CĐR khác nhau sẽ gây khó khăn cho người dạy trong quá trình thực hiện đặc biệt là các học phần trong ngành QTKD có sự kết hợp giữa lý thuyết, bài tập, tiểu luận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, thảo luận hướng dẫn việc đánh giá kết quả người học đảm bảo các quy chế được triển khai tốt đến người dạy và các bên liên quan.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Hoàn thành 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá. Thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CĐR của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập đối với người học tại Trường Đại học Hải Dương đã được Nhà trường ban hành trong quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.021], [H5.05.01.01]. Các quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H5.05.01.01], trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần; được thông báo công khai cho người học về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập trên Website của Nhà trường, Sổ tay sinh viên và ĐCCT các học phần cho người học [H5.05.02.01][H1.02.02.04], [H1.02.02.06].

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần được quy định theo thang điểm chữ từ A đến F tương ứng với mức từ 0 đến 10 trong thang điểm 10 và mức từ 0 đến 4 trong thang điểm 4. Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần theo các công thức:

- Đối với học phần không có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.7$$

- Đối với học phần có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + \left(\frac{a_3 \times m + a'_3 \times n}{m + n} \right) \times 0.7$$

Trong đó:

a : điểm học phần;

a_1 : điểm chuyên cần;

a_2 : điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

a_3 : điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

a'_3 : điểm phần thực hành, thí nghiệm;

m : số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, semina);

n : số tiết thực hành, thí nghiệm.

(điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm cũng đã được Nhà trường quan tâm thực hiện từ rất sớm, đảm bảo sự an toàn, minh bạch và tiện lợi. Các công thức tính điểm được Nhà trường sử dụng trong phần mềm quản lý điểm CMC với những quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đánh giá: đánh giá học phần, giữa kỳ, hình thức, phương pháp và các vấn đề liên quan một cách rõ ràng, chặt chẽ [H5.05.02.03], [H5.05.01.02]. Tuy nhiên việc đánh giá một số nội dung, học phần Thực hành thí nghiệm còn chưa được quy định với các tiêu chí rõ ràng, chi tiết nên việc đánh giá còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó sự phát triển của xã hội yêu cầu các cơ sở giáo dục phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung CTĐT với các tiêu chí, CDR cần được đánh giá cụ thể. Do vậy, từ khóa đào tạo thứ 12 (tuyển sinh năm 2022), nhà trường thực hiện đổi mới chương trình theo định hướng tiếp cận CDIO, các quy định về đánh giá kết quả học tập có sự thay đổi theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, đánh giá quá trình trên cơ sở CDR của CTĐT và học phần. Các hình thức đánh giá khách quan được áp dụng và trọng số điểm đánh giá quá trình được tăng lên 40%, [H5.05.02.01], [H5.05.02.02][H5.05.02.06].

Căn cứ kế hoạch thời gian đào tạo và thời gian xét công nhận tốt nghiệp, thời gian thi kết thúc học phần được Phòng Đảm bảo chất lượng lên kế hoạch, được Nhà trường phê duyệt sau đó thông báo bằng văn bản cho các khoa viện đào tạo và các phòng ban liên quan để phối hợp tổ chức kỳ thi, đồng thời thông báo lịch thi trên website của Nhà trường và tài khoản cá nhân để sinh viên biết thực hiện. Bộ môn phụ trách môn học yêu cầu cán bộ giảng dạy nhập điểm quá trình (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (10 ngày sau khi thi kết thúc học phần) hoàn thành bảng điểm và công bố công khai cho người học. Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế phản hồi kết quả học tập đối với người học, bao gồm hướng dẫn thực hiện quy định đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá. Các vấn đề liên quan đến ý kiến của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp thời và thông tin tới người học theo đúng quy trình và thời gian quy định [H5.05.01.02], [H5.05.01.05].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác theo các quy định đã ban hành [H5.05.01.02], [H5.05.01.05], bởi các giảng viên, hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Phòng ĐBCL, Phòng Đào tạo và lưu

trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường; được thông báo kịp thời và công khai đến người học: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, khoa đào tạo và qua tài khoản SV [H5.05.02.04].

Định kỳ Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, kết quả khảo sát cho thấy người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập và hài lòng với các quy định, quy trình kiểm tra đánh giá của Trường [H5.05.02.05][H1.01.03.04][H3.03.01.03].

2. Điểm mạnh

Các quy định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường quy định rõ ràng, cụ thể; việc đánh giá được sự kiểm tra, giám sát của trưởng bộ môn, Trung tâm ĐBCL và các bộ phận chuyên trách liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn bằng cả hệ thống lưu trữ bảng điểm giấy có đầy đủ chữ ký xác nhận và trên phần mềm quản lý điểm chuyên dụng CMC thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phương pháp đánh giá trong một số học phần đặc thù của ngành kỹ thuật như đồ án thiếu các tiêu chí thống nhất thể hiện sự gắn kết liên mạch trong toàn bộ CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần thực hành, đồ án của ngành với các tiêu chí thống nhất, cụ thể.	TTĐBCL/ Bộ môn/GV	Hoàn thành vào năm 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học.	TTĐBCL/ Bộ môn/GV	Hàng năm	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Nhà trường [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03] được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01].

Nhà trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập (10%); đánh giá giữa kì (20%) và thi kết thúc học phần (70%). Hình thức kiểm tra đa dạng: tự luận, trắc nghiệm vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.01]

Thực hiện đổi mới chương trình theo tiếp cận CDIO được Nhà trường triển khai từ năm 2022, các quy định về đào tạo hệ đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ với những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đã được ban hành theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy. ĐCCT các học phần theo tiếp cận CDIO của ngành QTKD đã được triển khai thực hiện, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực. Các quy định đã chỉ ra những thay đổi cụ thể như tăng trọng số điểm đánh giá quá trình lên 40% bằng việc bổ sung điểm hồ sơ học phần và giảm trọng số điểm đánh giá cuối kỳ xuống còn 60%. Các hướng dẫn, quy định cụ thể về các hình thức thi, cách xây dựng ngân hàng đề thi, bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bảo phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi cũng được Nhà trường hướng dẫn, quy định bằng các văn bản cụ thể [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Thực hiện triển khai các quy định và hướng dẫn của nhà trường, từ năm 2017, ĐCCT các học phần theo tiếp cận CDIO của ngành QTKD đã được triển khai thực hiện, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR

học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực, cụ thể như trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ (trọng số 20%) được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần ngoại trừ các học phần đồ án [H1.01.01.03][H1.01.02.09]. Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần, hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần (ma trận câu hỏi thi học phần, ngân hàng câu hỏi thi học phần và bộ tiêu chí đánh giá học phần) của các học phần được xây dựng và nghiệm thu trong các đề tài CDIO [H1.01.02.09], các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên, các BM đã tổ chức nhiều buổi seminar đề thống nhất về tiêu chí đánh giá, đây là một trong những cơ sở để hoạt động đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

Quy trình xây dựng đề thi của các học phần được thực hiện theo Quyết định số 103/QĐ-ĐHHD ngày 09/03/2023 của Trường Đại học Hải Dương, quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng đề thi; Quyết định số 18/QĐ-ĐHHD ngày 13/03/2023 của Trường Đại học Hải Dương, quy định về xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án cho các học phần đào tạo trình độ đại học [H5.05.03.03]

Các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên trong các phiên họp Bộ môn [H5.05.03.04], [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Các tiêu chí đánh giá học phần đều được giảng viên thông báo công khai cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy, giảng viên tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng Khoa, giảng viên báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [H5.05.03.01]. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phối hợp với cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HSSV phải bám sát quá trình học tập của người học để thực hiện quá trình giảng dạy và đánh giá người học.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [H5.05.03.06] [H1.01.02.07].

Hàng năm, Trường tổ chức rà soát, chỉnh sửa và ban hành CTĐT [H5.05.03.04]. Tổng hợp kết quả chấm thi, phúc khảo, tổng hợp điểm trung bình các học kỳ và đưa ra cảnh

báo cho người học, giúp người học chủ động phần đầu học tập [H5.05.03.08] [H5.05.03.09]. Việc đánh giá kết quả học tập nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan [H5.05.03.10].

Việc rà soát tình trạng đề thi theo kế hoạch của Trường được tiến hành theo từng học kỳ với các học phần đang triển khai giảng dạy; các khâu coi thi, chấm thi, đánh giá người học được thực hiện công bằng, minh bạch và nghiêm túc theo quy định của Nhà trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình với các quy định, hướng dẫn cụ thể của Nhà trường và Phòng ĐBCL-TT, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp còn chưa được thực hiện đặc biệt là các học phần thực hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát, khảo sát và phân tích sự phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần, đặc biệt là các học phần thực hành.	BM/Phòng ĐBCL-TT	Thực hiện hàng năm/học kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO). Phối hợp với Phòng ĐBCL-TT hoàn thiện và thực hiện tốt việc đánh giá người học.	Trường/Phòng ĐBCL-TT/Bộ môn/Cán bộ GD	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Việc thông báo kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường quy định cụ thể trong các văn bản, quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Các quy trình đánh giá được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch, kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học đảm bảo người học có điều kiện cải thiện kết quả học tập. Theo quy định, đối với điểm đánh giá quá trình, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho tất cả sinh viên biết trước khi gửi điểm về văn phòng của các Khoa; đối với điểm đánh giá cuối kỳ, nhà trường quy định ngay sau khi thi kết thúc học phần, Phòng ĐBCL-TT phải tổ chức dọn túi, cất phách, và chuyển giao bài cho tổ bộ môn để các giảng viên tiến hành chấm bài và công bố kết quả cho người học chậm nhất 20 ngày sau khi thi.

Thông báo kết quả đánh giá được thực hiện công khai dưới nhiều hình thức: Trực tiếp từ giảng viên, qua giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập. [H5.05.04.04]. Mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học được Nhà trường nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan [H5.05.04.03]

Bên cạnh việc xử lý hồ sơ giấy tờ, Nhà trường đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin từ rất sớm, đặc biệt là trong quản lý đào tạo, với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý CMC việc lưu trữ quản lý kết quả người học được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi đảm bảo phản hồi kết quả đến người học chính xác, kịp thời [H5.05.04.04].

Từ năm 2022 với việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, kiểm tra giữa kỳ của các học phần được chuyển sang hình thức trắc nghiệm khách quan, đặc biệt với ngành QTKD việc đánh giá cuối kỳ của nhiều học phần được xây dựng hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận... việc đánh giá kết quả người học được tiến hành khách quan. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với người học định kỳ hàng năm [H5.05.04.02] nhằm thông tin cho người có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho người có thể học lại và học cải thiện điểm để cho người học đạt kết quả học tập tốt nhất [H5.05.04.01].

Để nắm tình hình học tập của người học và hỗ trợ người học trong quá trình học Khoa đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp SV, các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các SV [H5.05.04.03]. Định kỳ trong năm học trợ lý Quản lý

HSSV và TLĐT thực hiện rà soát danh sách SV thuộc diện cảnh báo, Hội đồng Khoa học - Đào tạo Khoa tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ SV cải thiện việc học tập [H5.05.04.06]. Mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học được Nhà trường, Khoa thu thập đánh giá thông qua việc lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từng học kỳ trên cổng thông tin điện tử của người học, Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên. Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của người học và GV [H5.05.04.07][H1.01.03.03] [H3.03.01.03][H3.03.02.05]. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được Viện KT&CN đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.08].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình. Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý kết quả học tập của người học đảm bảo kết quả được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho người học

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có quy định về việc công bố kết quả đối với người học trong quá trình giảng dạy nhưng vẫn chưa hoàn thiện cơ chế kiểm soát việc công bố và phản hồi kết quả của người học đối với GV. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem kết quả trên phần mềm quản lý đào tạo còn bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS trên cổng thông tin LMS, canbo.vinhuni.edu.vn hỗ trợ việc quản lý kết quả học tập người học, đảm bảo việc thực hiện chính xác, an toàn và đồng bộ.	Trường/ TTCNTT	Năm 2021	Đang thực hiện

		Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và người học trong quản lý kết quả của người học.	Trường/ TT CNTT	Năm 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong việc tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho người học. Chủ động theo dõi, thống kê, đánh giá quá trình học tập của người học để có báo cáo Nhà trường và cảnh báo học tập cho sinh viên. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cho từng sinh viên thực hiện chế độ giám sát, lưu trữ.	Trường/ Phòng ĐBCL-TT.	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, minh bạch theo quy định của Nhà trường. Nhà trường, Khoa tạo điều kiện tốt nhất để người học dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Khi có yêu cầu khiếu nại về kết quả học tập, người học thực hiện theo quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi đã được nhà trường ban hành rõ ràng trong các văn bản quy định, hướng dẫn [H5.05.05.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04] theo đó quy trình thực hiện công bố kết quả học tập và khiếu nại được thực hiện như sau:

- Đối với điểm quá trình (điểm chuyên cần thái độ và kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học, người học có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần khi công bố điểm, giảng viên phụ trách học phần phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới người học. Kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được giảng viên nhập vào Sổ lên lớp hệ thống quản lý điểm của Nhà trường theo tài khoản cá nhân [H5.05.05.02], báo cho Trường bộ

môn kiểm tra, xác nhận, xuất bản in chuyên cho văn phòng Khoa/ Phòng Đào tạo. Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ trên bảng điểm lớp từ giáo viên bộ môn hoặc từ cố vấn học tập. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ giảng dạy có thể đề nghị sửa lại điểm cho người học theo quy định [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

- Đối với kết quả đánh giá kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn thông qua Phòng ĐBCL-TT. Thời hạn người học phản ánh sai lệch điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết. Kết quả phúc khảo, kiểm tra phải được thực hiện chậm nhất 10 ngày khi hết hạn nhận đơn, Phòng ĐBCL-TT phối hợp với Khoa thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa thông báo cho người học. Phòng ĐBCL-TT cử cán bộ đảm nhận việc sửa điểm, cập nhật điểm trên hệ thống [H5.05.05.01].

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên Khoa, Sổ tay sinh viên [H5.05.05.02].

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học, hằng năm được TT ĐBCL thống kê. Việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Viện KT&CN và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục. Năm 2015- 2020, Viện KT&CN không có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của người học ngành QTKD [H5.05.05.06]. Nhà trường Viện KT&CN đã tổ chức lấy ý kiến định kỳ đánh giá quy trình khiếu nại kết quả học tập và việc xử lý các khiếu nại về kết quả học tập được thực hiện, kết quả cho thấy sự hài lòng của người học và các bên liên quan [H5.05.05.07], [H1.01.03.04], [H3.03.01.03].

2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo kết quả khiếu nại về kết quả học tập cho người học được thực hiện bằng văn bản, chưa được tích hợp vào hệ thống thông tin điện tử của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tích hợp hệ thống thông báo kết quả khiếu nại lên website của Nhà trường vào địa chỉ cá nhân của người học	Phòng ĐBCL-TT/ Khoa	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của người học.	Phòng ĐBCL-TT/Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả người học theo CTĐT ngành QTKD được thực hiện theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã trình bày trong các tiêu chí nhưng nhìn chung việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, minh bạch, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo và mục tiêu của CTĐT; tập trung vào đánh giá năng lực của người học với việc đo lường được mức độ đạt được CĐR của môn học và CTĐT. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học; được quản lý, lưu trữ, được thông báo kịp thời, chính xác và an toàn đến người học. Những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học được Nhà trường ban hành và công bố rộng rãi giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường Đại học Hải Dương có sứ mạng “là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò

là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước"

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị này, Nhà trường và Khoa chuyên môn đã tập trung vào việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các hội đồng nghiệm thu các đề tài các cấp.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Đội ngũ GV, NCV của Trường tham gia vào thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học là đội ngũ có quy mô lớn về số lượng và mạnh về chất lượng. Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích GV, NCV đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ GV, NCV đã chuẩn hóa về bằng cấp từ thạc sĩ trở lên [**H6.06.01.01**], có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV, NCV 100% đạt trình độ ngoại ngữ B trở lên, có chứng chỉ tin học đạt chuẩn và sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng GV cơ hữu tham gia CTĐT trình độ ĐH của Trường là 346 GV, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các HĐ nghiệm thu các đề tài các cấp. Họ có đủ

trình độ và năng lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc được giao; có đóng góp rất lớn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH ..., góp phần hoàn thành tốt các kế hoạch của Nhà trường. Để có được đội ngũ GV, NCV hùng hậu như trên là nhờ Nhà trường đã chú trọng và quan tâm đến công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV, NCV để bảo đảm đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH... của Nhà trường. Việc quy hoạch được thực hiện đồng bộ từ cấp Trường đến các đơn vị trực thuộc. Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV bao gồm những nội dung chủ yếu như: Kế hoạch phát triển đội ngũ; chính sách thu hút, tiếp nhận, bố trí, quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV được xác định, trên cơ sở các báo cáo nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong Nhà trường [H6.06.01.02], đánh giá nhu cầu hoạt động đào tạo thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm [H6.06.01.03], dự kiến mở ngành mới, các kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm [H6.06.01.04]. Năm 2018, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển nhân sự giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược về nhân sự tại phần quy hoạch đã chỉ rõ: *về số lượng là đến năm 2020 tổng số nhân sự của Trường khoảng 350 người, trong đó có 250 giảng viên cơ hữu; Về trình độ, Trường định hướng tăng nhanh cán bộ giảng dạy có chức danh GS, PGS và 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 35% có trình độ tiến sĩ)* [H6.06.01.05]. Trong Chiến lược phát triển nhân sự giai đoạn 2018-2025 [H6.06.01.06]. Năm 2017, Nhà trường xây dựng và phê duyệt “Đề án vị trí việc làm” và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và đến năm 2023, sau khi thực hiện sáp nhập, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 – 2026 trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Trong đó đã mô tả rõ nét yêu cầu cụ thể cho các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 3 nhóm chức danh: (A) Công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: *Lãnh đạo, quản lý và điều hành các hoạt động chung của Trường theo chế độ thủ trưởng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tất cả các hoạt động của Trường;* (B) Công việc hoạt động nghề nghiệp: *Thực hiện công tác giảng dạy sinh viên, học viên; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao tri thức và dịch vụ khoa học trong lĩnh vực liên quan;* (C) Công việc hỗ trợ, phối hợp: *Công tác hành chính, tổng hợp, điều phối, phục vụ* [H6.06.01.07].

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, NCV Nhà trường được tiếp tục nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 [**H6.06.01.08**]. Nội dung nghị quyết nêu rõ ‘đến năm 2025, toàn Trường có 25% GV có trình độ TS, 100% GV có trình độ ThS. Tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính đạt 5- 10% trên tổng số GV. Mỗi năm cử 3 – 10 GV đi NCS và học tan nâng cao trình độ lý luận chính trị các cấp’. Giai đoạn 2018-2022, Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Gần nhất, Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển đội ngũ GV, NCV giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển cụ thể đối với từng đối tượng như cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên.

Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới, thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi phòng TC- TH tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, trên cơ sở đó nhà trường lập kế hoạch nguồn nhân lực cho cả năm và trung hạn.

Về tuyển dụng nhân sự, từ năm 2011 khi nâng cấp lên đại học, Nhà trường đã tuyển đủ số lượng GV, NV, LD cho quy mô đào tạo theo Đề án nâng cấp trường. Tuy nhiên trên thực tế đào tạo đại học các năm gần đây gặp nhiều khó khăn, nhu cầu học đại học chuyên nghiệp giảm, quy mô đào tạo của các trường đại học nói chung và của Nhà trường nói riêng giảm mạnh, dẫn đến tình trạng thừa GV. Đến thời điểm hiện tại, hàng năm Nhà trường đang thực hiện tinh giản biên chế, tận dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học hiện đại. Vì vậy, giai đoạn từ 2017 đến 2021 Nhà trường không thực hiện tuyển dụng mới. Đến năm 2022, Nhà trường đã xây dựng Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động [**H6.06.01.09**] nhằm hướng tới mục tiêu thu hút thêm nhiều nhân lực có trình độ cao về làm việc và củng cố đội ngũ cho Nhà trường.

Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể: Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 24/02/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý [**H6.06.01.010**]; Thông tư quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 số 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành

đào tạo [**H6.06.01.11**]. Hướng dẫn về công tác rà soát, bổ sung và quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các chi bộ tổ chức đoàn thể và đơn vị của trường Đại học Hải Dương tại văn bản số 125-HĐ/ĐU ngày 24/12/2021 [**H6.06.01.12**]. Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy và Ban Giám hiệu ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng của nhà trường, cụ thể: Quy chế thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý-quản trị Trường ĐHHĐ, giai đoạn 2017-2020 và 2020-2025; Nghị quyết của Đảng ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương VI khóa XII trong việc tái cơ cấu nguồn lực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương lao động tại văn bản số 547-NQ/ĐU ngày 06/12/2018; Quyết định số 185/QĐ-ĐHHĐ về việc phê duyệt quy hoạch chức danh Trưởng, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường Đại học Hải Dương, giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030; Quyết định số 12-QĐ/ĐU về việc Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư chi bộ giai đoạn 2022-2025 và 2025-2027 của ĐH Hải Dương; Kế hoạch số 02/KH-ĐHHĐ ngày 05/1/2024 về xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các khoa, phòng, trung tâm trường thực hành sư phạm, nhiệm kỳ 2021-2026 và 2026-2031 về việc triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031; Sau khi thực hiện quy hoạch, Nhà trường có công văn báo cáo Bộ Giáo dục- Đào tạo, UBND tỉnh để phê duyệt kết quả xây dựng quy hoạch Ban Giám hiệu nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2025. Đối với CBQL các đơn vị, thực hiện hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2016-2021, nhà trường đã ban hành quyết định phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025. Đối với các chức danh lãnh đạo, Nhà trường xây dựng Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo theo từng giai đoạn.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHHĐ ngày 23/01/2014 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHHĐ [**H6.06.01.13**] và các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2021, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản

lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường. Quy định này là cơ sở để nhà trường chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các đơn vị tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của GD-ĐT. Trong giai đoạn 2018 -2023, Hiệu trưởng nhà trường đã ký các quyết định bổ nhiệm các trưởng khoa, Phó trưởng khoa, GĐTT, PGĐTT **[H6.06.01.14]**. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ thạc sĩ trở lên. Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của nhà trường tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ GD-ĐT; được phổ biến và gửi đến từng đơn vị, cán bộ, GV viên chức qua đường công văn, hộp thư điện tử của cán bộ GV.

Hàng năm, căn cứ phân tích và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của các khoa, phòng, trung tâm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVCNLD **[H6.06.01.15]** và Kế hoạch kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đó **[H6.06.01.16]**. Căn cứ kế hoạch, nhà trường đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và người lao động đi tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cố vấn học tập, bồi dưỡng Cấp ủy cơ sở. Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV Nhà trường, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 **[H6.06.01.17]**. Giai đoạn 2021-2023, Hội đồng trường đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của nhà trường, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động **[H6.06.01.18]**.

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể có trong hồ sơ lưu trữ tại Phòng TC-TH về hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động; các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ GV tương đối đủ về số lượng, có trình độ cao về chuyên môn, giỏi ngoại ngữ, có khả năng NCKH, đáp ứng được các yêu cầu đối với công việc của Nhà trường. Nhà trường có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác quy hoạch phát triển đội ngũ. Nhà trường có xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, có triển khai thực hiện kế hoạch, có điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS về làm công tác giảng dạy tại Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

CBGV tại các Phòng, khoa, Trung tâm, các trường thực hành trong Nhà trường sẽ có cơ chế làm việc đảm bảo quy định, phối hợp hoạt động nhưng cũng có sự linh hoạt, hỗ trợ tối đa cho các hoạt động của CBGV, SV Nhà trường. Đặc biệt, chính mỗi GV của nhà trường bên cạnh phát triển hoạt động chuyên môn thì cũng cần tu dưỡng đạo đức để tạo ra môi trường làm việc, học tập ngày càng tốt hơn - là một trong những lý do có thể thu hút thêm nhiều GV có chất lượng, có tâm với nghề về làm việc tại Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018. Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Nhà trường và các khoa còn mời các GV từ các trường đại học có tiếng như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh doanh và TM ... và một số doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy, NCKH nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện đại và thực tiễn công việc từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề

nghiệp sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, căn cứ các quy định của các bộ, ngành, Nhà trường ban hành quy định chế độ chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.01], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý). Từ năm 2018 đến 2022, định mức giảng dạy của GV là 270 giờ chuẩn/năm học, năm học 2023 – 2024, sau khi Nhà trường thực hiện sáp nhập, có nhiều hệ đào tạo từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT, đại học, cao học. Vì vậy định mức giảng dạy của cán bộ, giảng viên, giáo viên được nâng lên là 300 giờ chuẩn/ năm học. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động NCKH của GV tại các đơn vị thuộc Nhà trường, từ đó làm cơ sở tính khối lượng và kết quả NCKH cho GV [H6.06.02.02].

Đầu mỗi năm học, căn cứ Dự kiến phân công nhiệm vụ giảng dạy của các đơn vị, Nhà trường ra Quyết định giao nghĩa vụ giảng dạy năm học. Cuối năm học, thực hiện nghiệm thu năm học, căn cứ kết quả nghiệm thu của các đơn vị gửi về, những trường hợp giảng dạy vượt định mức được thanh toán số giờ vượt định mức theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Đối với trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng vượt định mức theo quy định [H6.06.02.03].

Về công tác giám sát, bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo của GV do phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra chịu trách nhiệm. Đầu năm học, phòng BĐCL – TT ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng và Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐH HD [H6.06.02.04], trong đó có kế hoạch hoạt động cho các mảng công tác sinh viên, thanh tra giám sát thi, thanh tra giám sát quá trình đào tạo, thanh tra giám sát hồ sơ lên lớp, hồ sơ đào tạo... Căn cứ Kế hoạch, phòng BĐCL - TT tổ chức thực hiện theo thời gian đã định. Trong quá trình thực hiện, phát hiện lỗi ở khâu nào, cán bộ phòng BĐCL - TT có trách nhiệm lập biên bản sự việc [H6.06.02.05], tùy mức độ nghiêm trọng của sự việc để báo cáo lãnh đạo Trường ra phương án xử lý. Các lỗi vi phạm trên được thông báo về khoa chuyên môn để khoa hợp kiểm điểm đánh giá chất lượng công tác của GV trong tháng và thông báo về Thường trực Hội đồng xét thu nhập tăng thêm Nhà trường để phạt trừ thu nhập tăng thêm của GV đó. Công tác thanh tra, bảo đảm chất lượng được thực hiện nghiêm đã góp phần chính cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo của GV, kịp thời chỉ ra những điểm tồn tại, hạn chế, các lỗ hổng trong quá trình tổ chức đào tạo để Nhà trường ngày một hoàn thiện hơn, phục vụ tốt hơn cho người học, uy tín Nhà trường được khẳng định.

Song song với hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường hết sức coi trọng. Hoạt động NCKH của Nhà trường được thực hiện theo các quy định chung của Bộ, ngành và quy định riêng của Trường. Từ năm 2016, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác NCKH cấp trường [H6.06.02.06]. Đến 20/8/2018 Nhà trường đã sửa đổi bổ sung Quy định hoạt động khoa học công nghệ cho phù hợp với thực tiễn [H6.06.02.07]. Hàng năm phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KHCN năm học trình Hiệu trưởng ký duyệt [H6.06.02.08]. Đầu năm học, GV các đơn vị trong trường đăng ký đề tài NCKH gửi về phòng KHCN – TT- TV tổng hợp trình Hiệu trưởng duyệt. Trong đó, ngoài các đề tài cấp trường, cấp tỉnh, hầu hết GV tại các khoa đăng ký đề tài cấp khoa là hoàn thiện các giáo trình, bài giảng hay hệ thống bài tập... [H6.06.02.09]. Đến cuối năm học, Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá đề tài NCKH, thành viên hội đồng chủ yếu là các tiến sĩ có kinh nghiệm trong GD, NCKH thực hiện đánh giá các đề tài của GV. Sau khi có thông báo kết quả của Hội đồng, Hiệu trưởng phê duyệt QĐ công nhận tên đề tài NCKH đối với những đề tài được đánh giá đạt trở lên [H6.06.02.10]. Công tác NCKH của GV, NV toàn trường được thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch được phê duyệt, kết quả này được tính vào nghĩa vụ NCKH đối với GV, khuyến khích GV nâng cao tinh thần kết hợp đưa NCKH vào giảng dạy, chất lượng đào tạo của Nhà trường được cải thiện dần theo từng năm học.

Để chất lượng, uy tín Nhà trường ngày một nâng cao, công tác đào tạo, NCKH phải gắn liền với các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để định hướng cho các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của CBGV, năm 2020 Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHHĐ [H6.06.02.11], thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2020 - 2021 và 2021 -2022 [H6.06.02.12]; Kế hoạch các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng các năm học 2021-2022 [H6.06.02.13]. Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, các đơn vị chủ động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi do Nhà trường và các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”, quỹ nhân đạo chất độc màu da cam ... Tuy nhiên, Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa được thuận lợi. Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Nhà trường giao về

giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc có đánh giá của đơn vị và gửi Nhà trường phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, lao động của các đơn vị hàng năm [H6.06.02.14]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, 100% GV đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của nhà trường trung bình trong 5 năm giai đoạn 2018-2023: đạt 16% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 62% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 17% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Thông qua hội nghị cán bộ viên chức [H6.06.02.15] và các báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường [H6.06.02.16], GV không có phàn nàn, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của các đơn vị và Nhà trường về các công việc GV đã thực hiện.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, tỷ lệ người học/GV, khối lượng công việc cũng như định mức giờ chuẩn của GV Trường được xác định rõ ràng và có văn bản quy định. Cơ bản, GV cơ hữu của nhà trường đều hoàn thành khối lượng công việc theo định mức chuẩn hoặc vượt định mức giờ chuẩn về giảng dạy cũng như NCKH. Việc thực hiện công việc của GV đều có sự đôn đốc, nhắc nhở từ phía lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo nhà trường tại các cuộc họp bộ môn, họp khoa định kỳ hay các cuộc họp giao ban cũng như có sự giám sát của nhiều phòng ban thể hiện tính công khai, minh bạch

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng chưa thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TC- TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: (1) *Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành);* (2) *Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn;* (3) *Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H6.06.03.01].* Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H6.06.03.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, *Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức – Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ.* Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, *Phòng TCNS ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H6.06.03.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh*

đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H6.06.03.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức.

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức – Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.*

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trưởng/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành khung năng lực, bản mô tả công việc theo từng vị trí việc làm và được triển khai từ năm 2017 để làm cơ sở cho công tác bổ nhiệm, điều động viên chức quản lý. Quy định này được phổ biến đến toàn thể đội ngũ GV, nhân viên của Nhà trường và được công khai trên website. Việc bổ nhiệm đội ngũ GV được thực hiện theo đúng quy hoạch, quy trình, công khai, minh bạch. Các quy định về tiêu chí đánh giá, tuyển chọn GV đều được Hội đồng tuyển chọn thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai. Điều này thể hiện tính khách quan, công khai, minh bạch trong công tác tuyển chọn của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Từ năm 2011, để thực hiện nâng cấp Trường lên đại học, Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng đủ số lượng cán bộ, giảng viên. Trong quá trình đào tạo đại học từ 2011 đến nay, do tình hình khó khăn về tuyển sinh của các trường cao đẳng, đại học nói chung và Trường Đại học Hải Dương nói riêng, quy mô đào tạo Nhà trường giảm, đồng nghĩa với việc phải tinh giản bộ máy, tinh gọn đội ngũ. Nên từ 2014 đến Nhà trường chưa điều chỉnh lại và cũng chưa xây dựng mới Quy định về tuyển dụng viên chức. chỉ thực hiện tận dụng đội ngũ sẵn có, khuyến khích học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm .

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TC- TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS, TS về làm GV cơ hữu của Nhà trường [H6.06.03.05].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Tiêu chuẩn năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường được mô tả trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H6.06.04.01], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên của Trường Đại học Hải Dương [H6.06.04.02] trong giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.03], trong đó tiêu chuẩn năng lực, mô tả công việc đã được xác định theo từng vị trí, nhóm công việc, cụ thể: Đề án vị trí việc làm đã xác định rõ các vị trí phân theo 3 nhóm gồm: *Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành vị trí; Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệpvị trí; Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ vị trí.*

Với nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành bao gồm: *Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng khoa (hoặc tương đương), Phó trưởng khoa (hoặc tương đương), Trưởng phòng (hoặc tương đương), Phó phòng (hoặc tương đương), Trưởng bộ môn, Phó bộ môn, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường thực hành* với nhóm này tiêu chuẩn năng lực được quy định cụ thể cho từng vị trí, ví dụ đối với vị trí Hiệu trưởng được quy định cụ thể như sau: (1) *Về hiểu biết: Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý;* (2) *Về trình độ: Trình độ Tiến sĩ*

(hoặc Thạc sĩ với một số phòng) trở lên, trình độ quản lý hành chính Nhà nước, sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ; (3) Về yêu cầu khác: Đã có kinh nghiệm công tác từ Trưởng bộ môn trở lên, có năng lực điều hành, có năng lực quản lý tổ chức, năng lực chuyên môn, có năng lực quản lý [H6.06.04.04].

Với nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp bao gồm các vị trí thực hiện công tác giảng dạy như: giảng viên các Bộ môn, giảng viên hướng dẫn thực hành, giáo viên chủ nhiệm các lớp. Tiêu chuẩn năng lực của nhóm công việc này được quy định chi tiết với 3 năng lực chính: (1) Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành); (2) Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn; (3) Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy.

Căn cứ theo quy định hiện hành, phòng TC- TH kết hợp với các khoa chuyên môn, các trường thực hành đã quy định nghĩa vụ về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.05]. Theo đó, hàng năm các đơn vị đều căn cứ vào kế hoạch thi đua của Trường và lập hồ sơ đăng ký thi đua và xét thi đua hàng năm của GV (bản tự đánh giá, biên bản họp xét thi đua) [H6.06.04.06] và có kết quả đánh giá, phân loại GV hàng năm [H6.06.04.07]. Căn cứ kết quả đánh giá viên chức [H6.06.04.08] và bình xét thi đua của Hội đồng thi đua Trường, đối chiếu với quy định của Nhà trường, của tỉnh và Trung ương, Nhà trường ra văn bản đề nghị cùng báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị cấp trên (Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, Thủ tướng chính phủ) tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong năm học, ghi nhận năng lực, động viên tinh thần nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên.

Hàng năm, Bộ môn/Khoa đều lập kế hoạch dự giờ giảng định kỳ từ đó nhằm có những ghi nhận, góp ý, trao đổi nhằm đẩy mạnh hơn chất lượng giảng dạy đối với GV [H6.06.04.09]. Đối với các GV có kế hoạch GD học phần mới, trước học kỳ Nhà trường lập kế hoạch tổ chức đánh giá năng lực giảng dạy đối với GV [H6.06.04.10]. Theo kế hoạch, phòng Tổ chức - Tổng hợp ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá [H6.06.04.11], tổ chức đánh giá và ra kết quả đánh giá năng lực [H6.06.04.12]. Hồ sơ đánh giá năng lực giảng dạy được thực hiện đúng theo quy định của Nhà trường.

Mỗi năm học, bộ phận quản lý chất lượng của Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về năng lực giảng dạy của giảng viên [H6.06.04.13]. Trong những

năm vừa qua, kết quả đánh giá của người học đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học [H6.06.04.14]. Công tác bình xét thi đua khen thưởng hàng năm thông qua quy trình các bước giúp các GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Trường, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV được đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể, rõ ràng thể hiện thông qua giờ giảng, giờ NCKH, chất lượng giảng dạy. Kết quả đánh giá dựa theo quy chế làm việc tại Trường, được báo cáo và thể hiện rõ vào cuối mỗi năm học. Các phòng/ban, Khoa, Trung tâm, các trường thực hành đã thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chí đánh giá năng lực của GV.

3. Điểm tồn tại

Kết quả về đánh giá năng lực của GV chưa thấy rõ được hiệu quả của công tác quản lý tại các đơn vị. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường đối với một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Khắc phục tồn tại: Phối hợp các đơn vị tiếp tục nghiên cứu bổ sung lượng hóa các tiêu chí trong quá trình đánh giá GV cho phù hợp với các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ các điểm tồn tại trong hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phát huy điểm mạnh: Năng lực của đội ngũ GV của nhà trường được xác định và được đánh giá thường xuyên hàng năm, với quy trình rõ ràng và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Chiến lược công tác tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ giai đoạn 2018-2025 [H6.06.05.01] đã đặt ra mục tiêu “Về trình độ, Trường định hướng trên 95% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 50% có trình độ tiến sĩ); 100% giảng viên được

đào tạo, bồi dưỡng để sử dụng các công nghệ dạy học hiện đại; 85% cán bộ viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm”. Sau hai năm thực hiện Chiến lược, năm 2020, Nhà trường đã tiến hành sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, từ năm 2018-2020 [**H6.06.05.02**].

Nhà trường cũng xác định rõ yêu cầu cấp thiết về phát triển chuyên môn của đội ngũ GV lên trình độ TS trong xu thế hội nhập và trong bối cảnh đã mở 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế và ngành Kế toán (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2015) cũng như chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030 theo hướng mở thêm ngành đào tạo mới..... Quy trình lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được thực hiện theo quy định của Trường về công tác đào tạo bồi dưỡng. Đơn vị sử dụng, quản lý CBVC xác định nhu cầu và chủ động đề xuất, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị gửi về Phòng TC-TH vào cuối năm [**H6.06.05.03**]. Phòng TC-TH tổng hợp nhu cầu của các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [**H6.06.05.04**] trình Hiệu trưởng phê duyệt; phối hợp với các đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt các hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng của CBVC (hồ sơ dự thi/dự tuyển; hồ sơ xin đi đào tạo, bồi dưỡng; hồ sơ gia hạn thời gian học tập) [**H6.06.05.05**]. Về quy trình giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: đơn vị sử dụng, quản lý CBVC phối hợp với phòng TC-TH trong việc theo dõi, quản lý CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Phòng TC-TH tham mưu, đề xuất giải quyết các chế độ có liên quan cho CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; tham mưu [**H6.06.05.06**], đề xuất hình thức xử lý CBVC vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng; đề xuất mức đền bù chi phí và thu hồi chi phí theo quy định; lưu trữ, cập nhật và quản lý hồ sơ CBVC đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; hàng năm, báo cáo Hiệu trưởng và các cơ quan cấp trên về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBVC [**H6.06.05.07**]. Các CBVC được cử đi học ThS, TS phải thực hiện việc gửi báo cáo tiến độ định kỳ 1 năm/lần về đơn vị quản lý trực tiếp và phòng TC-TH [**H6.06.05.08**]. Nhà trường còn tổ chức các buổi gặp gỡ các CBVC đi học bị quá hạn để cùng trao đổi, tìm hướng tháo gỡ khó khăn. Trong những năm qua, Trường đã có nhiều hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng hiệu quả những yêu cầu đặt ra trong đào tạo cử nhân và thạc sĩ ngành KT và QLKT, bồi dưỡng đội ngũ GV trẻ, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV học tập nâng

cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Trong đó có 07 nghiên cứu sinh, có 4 tiến sĩ hoàn thành chương trình đào tạo, gần 100 giảng viên đi học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), giảng viên Đại học. 05 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị, 37 giảng viên học Trung cấp Lý luận chính trị.

Bên cạnh đó từ năm 2018 đến 2020 Nhà trường đã cử 150 lượt cán bộ, nhân viên tham gia tập huấn về nghiệp vụ, chuyên môn theo từng lĩnh vực do Bộ GD&ĐT cũng như các cơ quan liên quan tổ chức, chẳng hạn như: tập huấn về nghiệp vụ Thuế, về Tuyển sinh, về Đào tạo, về Giảng dạy, về công tác HSSV, phòng cháy chữa cháy... **[H6.06.05.09]**. Nhằm nâng cao bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn tại Trường cũng như phối hợp với đơn vị tổ chức khóa học về phương pháp dạy học tích cực cho 200 lượt giảng viên; năm học 2018-2019 đã mời các diễn giả có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy đại học đến chia sẻ kinh nghiệm với toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường về phương pháp giảng dạy đại học, cũng như việc thích ứng của giáo dục đại học trong thời đại 4.0. Kết quả của việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hàng năm **[H6.06.05.10]**

Nhà trường đã có điều chỉnh một số chính sách hỗ trợ về tài chính cho NCS như: được miễn định mức giảng dạy và NCKH, hỗ trợ lương trong thời gian ở trong nước để GV yên tâm nghiên cứu. Các GV còn được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học, các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề GV hạng I, II và III (cho GV hạng 1, 2 và 3), lớp bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho GV do Nhà trường tổ chức **[H6.06.05.11]**. Nhà trường cũng khuyến khích các GV trẻ đi thực tế tại các doanh nghiệp ở địa phương, tham dự các hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng các bài giảng, các nghiên cứu của mỗi GV **[H6.06.05.12]**. Nhà trường cũng khuyến khích các GV có trình độ chuyên môn cao tham gia hướng dẫn tập sự, đào tạo cho các GV trẻ bằng cách cho trợ giảng. Đặc biệt, năng lực của đội ngũ GV còn được nâng cao khi thực hiện các công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế **[H6.06.05.13]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành các chính sách và quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian

để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo quy hoạch. Đội ngũ GV có trình độ SDH được phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu phát triển Đào tạo - NCKH – Phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Nhiều GV trẻ có kế hoạch học tập NCS tập trung cùng một lúc trong giai đoạn này gây ra tình trạng căng thẳng về nhu cầu nhân lực trong giảng dạy. Các GV vừa nghiên cứu vừa phải tham gia giảng dạy cũng như các hoạt động khác dẫn đến việc kéo dài tiến độ học tập.

4. Kế hoạch hành động

- Trường tiếp tục có các chính sách quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo đúng quy hoạch.

- Đội ngũ GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký học các lớp bồi dưỡng nhằm đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy và NCKH, mở rộng kết nối hợp tác trong nước và quốc tế.

- Nhà trường có giải pháp điều phối công việc thích hợp, có giải pháp ưu tiên thời gian, hỗ trợ các NCS ở giai đoạn cuối hoàn thành việc nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Định mức thời gian dành cho giảng dạy, NCKH và thực hiện các công tác khác của GV được thực hiện theo quy định về chế độ làm việc đối với GV [H6.06.06.01]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả GV [H6.06.06.02]. Nhà trường có các quy định, quy trình tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động CBVC dựa trên các tiêu chí cụ thể với các mức xếp loại: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H6.06.06.03]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn [H6.06.06.04]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho CBVC có ý thức trách nhiệm hơn

trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến **[H6.06.06.05]**.

Hoạt động NCKH được Nhà trường khuyến khích. Trong Quy định về thu nhập tăng thêm, Nhà trường đã đưa vào tiêu chí cộng điểm cho GV có công trình được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước, quốc tế uy tín (SCI, SCIE, ISI, Scopus). Hoặc GV có thể lựa chọn quy đổi công trình khoa học sang nghĩa vụ NCKH của năm theo Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên. Ngoài ra các GV có thành tích xuất sắc sẽ được giới thiệu, đề nghị cấp trên tặng thưởng cho các danh hiệu khen thưởng cao hơn như Bằng khen của Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND Tỉnh. Trong 5 năm trở lại đây, có GV của trường được nhận Bằng khen của Chính Phủ, có nhiều GV được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng của UBND tỉnh, Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn giáo dục Việt Nam và nhiều GV được nhận bằng khen các cấp **[H6.06.06.07]**. Ngoài các hình thức khen cao, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh ... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy khen và thưởng tiền kèm theo cho những cán bộ, giảng viên có thành tích cao trong các mặt công tác **[H6.06.06.08]** động viên, khích lệ thành tích của cán bộ, giảng viên.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của GV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV **[H6.06.06.08]**. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, NV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho NV Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen

thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có mẫu khảo sát ý kiến GV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến GV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các hoạt động NCKH của GV trong Trường được thực hiện theo qui định. Trong đó các hoạt động KHCN của Trường đã được xác lập với những hoạt động cụ thể hướng tới phát triển KHCN, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hoạt động NCKH cho GV, SV [H6.06.07.01]. Hoạt động NCKH bao gồm các hoạt động: thực hiện đề tài, dự án các cấp, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH, tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, tham gia các seminar học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về NCKH, phản biện bài báo khoa học,... Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện thống kê và xác định rõ ràng, Phòng BĐCL-TT giám sát và đánh giá tổng kết vào cuối mỗi năm học và công bố tại Báo cáo tổng kết năm học [H6.06.07.02]. Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của Trường: GV đăng ký đề tài NCKH với Khoa theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của Phòng NCKH- Thông tin thư viện; Hội đồng Khoa học tổ chức xét duyệt tên các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh của đề tài của chủ nhiệm đề tài; Phòng NCKH- Thông tin thư viện thẩm tra các đề tài đề xuất trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học Trường [H6.06.07.03]. Hoạt động NCKH được triển khai, bắt

đầu từ cấp BM đến Khoa, đến Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện; chú trọng từ khâu nắm bắt, đề xuất ý tưởng và nhu cầu từ thực tiễn công việc, cho đến việc tham gia tuyển chọn, viết thuyết minh và triển khai thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN. Điều này được thể hiện trong các báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện hàng tháng, hàng năm của các đơn vị và Nhà trường. Các kết quả NCKH cũng được thống kê hàng năm để lưu trữ, công bố trên web của Nhà trường để truyền thông, cũng như làm cơ sở để BM, Khoa đánh giá thi đua hàng năm và cải tiến chất lượng hoạt động NCKH. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường có 630 đề tài các cấp; Số giáo trình, sách chuyên khảo 08 cuốn; Số bài báo khoa học là 34 bài, trong đó có 10 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Tổ chức được 05 Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường và 02 giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh [H6.06.07.04]. Mặc dù còn khá non trẻ số GV dưới 45 tuổi chiếm hơn 60%, số đề tài/ dự án các cấp đã được triển khai trong 5 năm gần đây đã thể hiện được năng lực NCKH của các GV trong Nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động KHCN hiện vẫn chủ yếu tập trung vào một vài GV lâu năm, có trình độ cao cùng với nhóm nghiên cứu. Trường đã tổ chức các hội thảo khoa học cấp Trường, hợp tác tổ chức hội thảo khoa học quốc gia [H6.06.07.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH ngày càng được quan tâm đẩy mạnh do Lãnh đạo các đơn vị có năng lực và rất tâm huyết với NCKH. Đặc biệt, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế của các GV sẽ gia tăng do nhu cầu công bố trong nước và quốc tế của các NCS.

3. Điểm tồn tại

Số lượng công bố quốc tế còn khiêm tốn. Việc kết nối tạo các nhóm nghiên cứu liên ngành trong việc tổ chức, triển khai viết thuyết minh, thực hiện các đề tài/ dự án KHCN với các đơn vị trong và ngoài Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Lãnh đạo các đơn vị tiếp tục giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của các GV trong đơn vị, khuyến khích các GV xuất bản các bài báo khoa học đăng trong các tạp chí của trường, trong nước và quốc tế.

- Nhà trường tăng cường triển khai, tạo kết nối với các Khoa, Viện, Trung tâm trong và ngoài Trường để hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, đồng thời phát triển các định hướng NCKH, đề tài trong thời gian tới

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy được đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhiều GV có trình độ và kinh nghiệm lâu năm trong giảng dạy và NCKH. Công tác quy hoạch đội ngũ nguồn nhân lực GV được chú trọng và gắn với định hướng phát triển của Trường trong dài hạn. Các quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện công khai theo quy định, phù hợp với chuẩn chung của các trường đại học, Luật Giáo dục đại học và theo định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế. Các chính sách hỗ trợ, hình thức khen thưởng của Trường khá đa dạng, có tác dụng khuyến khích GV chủ động phát triển năng lực và tham gia NCKH, góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của Trường ĐH HD. Công tác quản lý GV của nhà trường được thực hiện theo quy định, phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ. Trường đã ban hành các chính sách về quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành việc học NCS theo đúng quy hoạch đề ra.

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,4/7 điểm.

+ Tỷ lệ số tiêu chí Đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường và Khoa luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực với thành phần bao gồm cả đội ngũ giảng viên, NCV và đội ngũ nhân viên [H7.07.01.01].

Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ chuyên viên các phòng chức năng, nhân viên kỹ thuật hầu hết đã chuẩn hóa về bằng cấp từ Đại học trở lên [H7.07.01.02], có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có tuổi đời trẻ, trung bình dưới 40 tuổi, 100% đạt trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn.

Năm 2017 Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017. Đến năm 2023, sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập Trường, đề phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm, giai đoạn 2023 - 2026 [H7.07.01.03]. Trong đó quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn tối thiểu từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Về quy hoạch đội ngũ. Năm 2022, Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/TU ngày 30/3/2022 và Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 30/3/2022 của Tỉnh uỷ về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020 - 2025, 2021 -2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2025 - 2030, 2026 - 2031, Đảng uỷ đã họp bàn ra thống nhất về kế hoạch rà soát, quy hoạch chức danh Trưởng, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc trường và quy hoạch chức danh Bí thư, Phó bí thư chi bộ thuộc Đảng bộ Trường Đại học Hải Dương. Kế hoạch nêu rõ các tiêu chí,

đối tượng và nguyên tắc đánh giá, lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch. Trong đó đối tượng chuyên viên, nhân viên cũng như viên chức quản lý, giảng viên đều thuộc đối tượng được đánh giá. Việc rà soát và lấy tín nhiệm quy hoạch được triển khai từ cấp cơ sở đơn vị, chi bộ. Danh sách nhân sự được tín nhiệm quy hoạch tại đơn vị cơ sở được tổng hợp trình xin ý kiến tại Hội nghị của Đảng uỷ Nhà trường. Trong Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý cấp đơn vị và Chi bộ. Kết quả quy hoạch, có 7/81 lượt quy hoạch vào chức danh Trưởng, Phó đơn vị là Chuyên viên, Nhân viên đang công tác tại các phòng, trung tâm thuộc Trường. [H7.07.01. 04], [H7.07.01. 05].

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, để chuẩn bị cho công tác rà soát quy hoạch lại cán bộ, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-ĐHHD ngày 05/01/2024 về việc xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các phòng, khoa, trung tâm, trường thực hành sư phạm nhiệm kỳ 2021-2026, 2026 -2031.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên của Nhà trường hầu hết có trình độ, năng lực chuyên môn từ đại học trở lên, tuổi đời còn trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trên thực tế, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, có trình độ cao, đây là một thuận lợi cho công tác quy hoạch đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Như đã nêu trên phần Điểm mạnh, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, đảm nhiệm cả công tác giảng dạy và công tác chuyên môn tại các phòng, khoa, trung tâm. Một số vị trí có nhiều nhiệm vụ, dẫn đến chưa chín chu trong các mảng công việc.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục khuyến khích đội ngũ chuyên viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ.
- Xây dựng bổ sung quy định về chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên.
- Đề án Vị trí việc làm mới khi được phê duyệt và thực hiện sẽ giảm bớt được tình trạng kiêm nhiệm chông chéo nhiệm vụ cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: (1) *Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành);* (2) *Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn;* (3) *Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H7.07.02.01].* Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H7.07.02.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, *Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức – Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, Phòng TCNS ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H7.07.02.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong*

Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H7.07.02.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức:

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức – Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.*

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trưởng/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H7.07.02.05].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển chọn để điều chuyển, bổ nhiệm của Nhà trường đầy đủ, rõ ràng và đầy đủ cho các đối tượng từ cán bộ, giảng viên, giáo viên đến chuyên viên, nhân viên. Điều này phần nào thúc đẩy được sự cố gắng, nỗ lực, chí tiến thủ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay Nhà trường chưa xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục triển khai xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. Bên cạnh đó tiếp tục rà soát, đối chiếu quy định về tiêu chuẩn đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, trình độ chính trị đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Từ đó thực hiện tinh giản đối với những vị trí không hiệu quả để có kế hoạch tuyển dụng mới, làm mới đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Hải Dương và Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, Phòng Tổ chức nhân sự, nay là Phòng Tổ chức - Tổng hợp là đơn vị được giao phụ trách công tác đánh giá chất lượng công việc cán bộ, giảng viên, nhân viên lao động, với chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]

Năm 2019 Nhà trường ban hành Bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên [H7.07.03.03], Bộ tiêu chí đánh giá được xây dựng để đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 4 nhóm: (1) Lãnh đạo Khoa, (2) Lãnh đạo Phòng, (3) Giảng viên, (4) Nhân viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng, chi tiết:

Phiếu đánh giá nhân viên bao gồm 4 tiêu chí với tổng điểm 100: *Yêu cầu chung (bao gồm chấp hành nội quy, tác phong, hoàn thành công việc) 20 điểm; Năng lực và phương pháp làm việc 30 điểm; Phẩm chất và thái độ 30 điểm; Kết quả làm việc 20 điểm.*

Năm 2023, theo đặc điểm tình hình mới sáp nhập, Nhà trường đã ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, lao động.

Định kỳ tháng 6 hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên theo quy trình cụ thể sau: (1) Phòng Tổ chức soạn thảo Kế hoạch/Hướng dẫn, mẫu phiếu đánh giá đánh giá trình Hiệu trưởng duyệt và ban hành cho các đơn vị thuộc trường [H7.07.03.04]. (2) Cá nhân tự đánh giá (3) Quản lý cấp trên đánh giá theo từng đơn vị, lãnh đạo đơn vị tổng hợp kết quả gửi về Phòng Tổ chức nhân sự; (4) Phòng Tổ chức nhân sự tổng hợp kết quả đánh giá từ các đơn vị để trình Hội đồng thi đua khen thưởng Trường xét duyệt [H7.07.03.05]; (5) Kết quả xét duyệt của Hội đồng được thông báo gửi bằng văn bản tới các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.03.06].

Sau mỗi đợt đánh giá của từng năm học, Phòng Tổ chức nhân sự được giao trách nhiệm lưu trữ phiếu đánh giá, dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá, hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, bằng bản cứng và bản mềm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ, viên chức, lao động đầy đủ, cụ thể. Công tác tổ chức đánh giá hàng năm được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch, bài bản, đúng quy trình.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên, nhân viên khi thực hiện góp ý, phê bình cho đồng nghiệp và tự phê bình bản thân đôi khi còn cả nể, hời hợt, dẫn đến kết quả đánh giá chưa thực sự chính xác.

Nhà trường chưa thực hiện khảo sát về độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá nhân viên.
- Năm học 2023 - 2024 Nhà trường đã tiến hành xây dựng Phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát đo độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên Nhà trường và đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu này. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng [H7.07.04.01]. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xác định qua hai kênh. Kênh thứ nhất xuất phát từ nguyện vọng đăng ký được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân. Khi có nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, cá nhân nhân viên làm đơn/tờ trình xin đi học nâng cao trình độ/bồi dưỡng chuyên môn,

nghiệp vụ gửi lãnh đạo Nhà trường xét duyệt. Trên cơ sở ý kiến xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi nhân viên làm việc, lãnh đạo Nhà trường xét thấy việc đi học/ bồi dưỡng là cần thiết và chính đáng thì duyệt đồng ý và chuyển sang Phòng TC-TH ra quyết định cử đi học hoặc đi bồi dưỡng. Kênh thứ hai xuất phát từ phía Nhà trường cử nhân viên đi học tập/tập huấn/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Khi có các khóa/lớp tập huấn/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, Nhà trường cử đích danh nhân viên đi học. Đối với các viên chức trong nguồn quy hoạch, Nhà trường đã liên kết mời giảng viên và cử người đi học lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đối tượng Trưởng, Phó phòng và tương đương. Công tác bồi dưỡng được nhà trường hết sức quan tâm [H7.07.04.02]. Nhà trường luôn tạo điều kiện về mọi mặt (thời gian, nhân lực, kinh phí) để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Đối với các khóa học/bồi dưỡng/tập huấn/thi nâng ngạch ngắn hạn, Nhà trường đều có chính sách hỗ trợ kinh phí học tập, đi lại, ăn, ở từ đến 100% học phí/lệ phí/chi phí tùy thuộc vào địa điểm học, số lượng nhân viên đi học của mỗi đợt, tính chất cần thiết, quan trọng của khóa học. Các trường hợp này, kinh phí được hỗ trợ ngay khi đi học/bồi dưỡng/tập huấn theo quy định và thực tế công việc. Đối với các trường hợp xin đi học dài hạn nâng cao trình độ (cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ), Nhà trường hỗ trợ kinh phí đào tạo theo mức quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.04.03]. Trong các trường hợp này, kinh phí hỗ trợ cho nhân viên sau khi có bằng tốt nghiệp báo cáo về Trường. Từ năm 2018 đến năm 2023, Nhà trường đã cử trên 150 lượt nhân viên đi học tập/đào tạo/bồi dưỡng từ ngắn hạn đến dài hạn [H7.07.04.04]. Điều này đã làm cải thiện đáng kể trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, tạo động lực cho đội ngũ này phấn đấu và cống hiến nhiều hơn trong công tác.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo/bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thể hiện qua việc đồng ý và hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện về thời gian để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai thực hiện trên thực tế.

3. Điểm tồn tại

Vì những điều kiện khách quan và chủ quan, Nhà trường chưa thật sự chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong

diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ để họ có thể thích ứng tốt với công việc sau khi được bổ nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

- Từ đầu năm học 2023- 2024, Nhà trường sẽ quan tâm triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ.

- Phòng TC-TH; Phòng HC- QT; các phòng chức năng; Các trung tâm... khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

- Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-TH; Phòng HC- QT; các phòng chức năng; các trung tâm... chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 - 2026 của Trường Đại học Hải Dương [H7.07.05.01] đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Việc đánh giá NV được Nhà trường quy định cụ thể [H7.07.05.02]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả CBGVNVLĐ [H7.07.05.03]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động của NV dựa trên các đánh giá nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng của đơn vị. Cuối năm, căn cứ mức độ đánh giá các tháng, đơn vị họp và bình xét, đánh giá cho NV theo các mức: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H7.07.05.04]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn được quy định tại Quy định về Thi đua, khen

thưởng của Nhà trường. **[H7.07.05.05]**. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho đội ngũ NV có ý thức trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến **[H7.07.05.06], [H7.07.05.07]**

Ngoài các hình thức thi đua, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh ... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy khen và thưởng tiền kèm theo cho những CBGVNV có thành tích cao trong các mặt công tác **[H7.07.05.08]** động viên, khích lệ thành tích của CBGVNV.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các NV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của NV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV **[H7.07.05.09]**. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, NV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho NV Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các tiêu chí đánh giá, phân loại lao động, các hình thức khen thưởng đa dạng đến từng đối tượng như GV, NV, LD.

- Quy định về thu nhập tăng thêm của Nhà trường là một động lực thúc đẩy NV hăng say công tác, cố gắng thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát ý kiến NV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động của NV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho NV trong mọi lĩnh vực công tác.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến NV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên các phòng, khoa, trung tâm, các đơn vị trực thuộc Trường hỗ trợ tham gia vào thực hiện CTĐT của Trường đủ về số lượng, mạnh về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, nhiệt tình, tận tụy với công việc. Với cách tổ chức và điều hành bài bản, khoa học, có hệ thống, từ công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đến công tác đánh giá, xếp loại, công nhận, khen thưởng đã tạo ra đội ngũ nhân viên có chất lượng, đủ sức thực hiện và hoàn thành tốt các kế hoạch, nhiệm vụ của Nhà trường. Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Nhà trường thừa nhận vẫn còn một số hạn chế nhất định trong công tác cán bộ đối với đội ngũ nhân viên như công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ còn ở mức khiêm tốn; chưa sâu sát đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch; tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá nhân viên còn chung chung, mang tính định tính, chưa được lượng hóa thật cụ thể. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ sớm khắc phục những hạn chế này để đội ngũ nhân viên thực sự vững mạnh, yên tâm công tác và cống hiến, góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác đào tạo, NCKH ...

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn Đạt, mức 4,5/7 điểm.

+ Tỷ lệ số tiêu chí Đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 có ghi rõ quy mô đào tạo, thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất. Trong mục các thông tin của năm tuyển sinh đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi và phương thức tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định rõ ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo. Hồ sơ và thời gian, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển và học phí dự kiến với sinh viên chính quy, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt

bổ sung trong năm cũng được quy định rõ ràng [H8.1.01]. [H8.01.02]. [H8.01.03]. [H8.01.04].

Các đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh hàng năm. Cụ thể như Đề án tuyển sinh năm 2023 có ghi rõ 4 phương thức tuyển sinh chính quy trình độ đại học. Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.01.01.10]. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo thống kê tuyển sinh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong báo cáo thống kê có ghi rõ số sinh viên tuyển mới, quy mô tuyển sinh chia năm theo chương trình đào tạo, thống kê tốt nghiệp có ghi rõ phân loại tốt nghiệp theo các loại: xuất sắc, giỏi, khá, trung bình. [H8.01.02]. Đồng thời, hàng năm sau khi kết thúc tuyển sinh, Nhà trường đều báo cáo tổng hợp danh sách thí sinh trúng tuyển - nhập học theo các chương trình/hình thức đào tạo. Trong báo cáo có ghi rõ số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học tại các ngành đào tạo. [H8.1.02.01- H8.1.02.02]. Điểm trúng tuyển đại học chính quy hàng năm theo các phương thức cũng được công khai, công bố rõ ràng [H8.1.02.03].

Chính sách tuyển sinh được cập nhật kịp thời. Trước khi thông báo tuyển sinh, Nhà trường có ban hành kế hoạch Tư vấn tuyển sinh, trong đó phân công rõ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, các phương án thực hiện, ví dụ như bản mềm thông tin tuyển sinh được dùng quảng bá trên mạng xã hội và lập các trang Fanpage cấp khoa/trung tâm... để phục vụ công tác tuyển sinh [H8.1.03.01]. Thông báo tuyển sinh có ghi rõ phương thức xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, cơ hội việc làm trong quá trình học tập và sau tốt nghiệp. [H8.1.03.02- H8.1.03.04]. Sau khi có kết quả tuyển sinh, Nhà trường tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác tuyển sinh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học tiếp theo. Ban Giám hiệu nhà trường có phân công Trung tâm tuyển sinh tổng hợp các số liệu tuyển sinh trong 3 năm gần nhất để làm dữ liệu đánh giá, đối sánh. Hội nghị cũng chỉ rõ tồn tại của công tác tuyển sinh là một số ít đơn vị chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ công tác tuyển sinh. [H8.1.03.05]. Từ đó đề ra phương hướng phát triển các chương trình đào tạo mới, ngành học mới và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm sau [H8.1.03.06].

2. *Điểm mạnh:* Các văn bản liên quan đến tuyển sinh được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định.

3. *Điểm tồn tại:* Một vài đơn vị trong Nhà trường còn chưa thực sự chú trọng đến công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tập trung chú trọng vào công tác tuyển sinh	Các khoa chuyên môn	Tháng 4 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển sinh	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng trong Đề án và kế hoạch tuyển sinh. Các phương thức tuyển sinh được quy định phù hợp, Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.01.01.10].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cũng được rà soát và đánh giá hàng năm. Điều này được thể hiện ở Hội nghị đánh giá công tác tuyển sinh. Hội nghị đã phân tích và đánh giá thực trạng mức độ tuyển sinh, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong công tác tuyển sinh, có đối sánh với 3 năm gần nhất để đề ra phương án tuyển sinh năm tiếp theo. [H8.1.03.01]. Không chỉ thể hiện trong Hội nghị tuyển sinh hàng năm, tại các cuộc họp của khoa chuyên môn cũng thảo luận, trao đổi và có ý kiến góp ý về các phương án tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả. [H8.1.03.02].

3. Điểm tồn tại: Chưa tiến hành khảo sát về chất lượng sinh viên của các ngành đào tạo để đánh giá chính xác công tác tuyển chọn người học hàng năm

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát chất lượng sv các ngành đào tạo	Phòng CTSV-VL, các khoa chuyên môn	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho phù hợp với năm học mới	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

Mô tả

Nhà trường có bộ phận cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Quy trình giám sát sự tiến bộ của người học được ban hành ngay từ đầu năm học. [H8.3.01.01]. Hệ thống giám sát người học được quy định theo từng cấp, từ trưởng các phòng Đào tạo, Công tác sinh viên. Tại các phòng chức năng trên có phân công cụ thể cán bộ nhân viên phòng phụ trách theo dõi sinh viên từng khoa, từng ngành. [H8.3.01.02]. *(Danh sách CBNV được phân công giám sát)* Đầu năm học, nhà trường ban hành Quyết định giao nhiệm vụ chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập. Trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên cũng ghi rõ: Chủ nhiệm lớp học sinh, sinh viên hỗ trợ, quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học sinh, sinh viên. Đồng thời, Nhà trường cũng quy định hàng tháng các chủ nhiệm lớp gửi báo cáo tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên các lớp về phòng Công tác sinh viên – Việc làm, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm tập hợp báo cáo Lãnh đạo trường. Vì thế nên việc chấn chỉnh tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên được thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả. [H8.3.01.03 - H8.3.01.06]. Nhà trường cũng ban hành quyết định phân công Hội đồng đánh giá rèn luyện sinh viên. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện việc đánh giá rèn luyện sinh viên theo đúng quy trình: Cấp cá nhân sinh viên, cấp lớp, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm rà soát trình Hội đồng họp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên [H8.3.01.07 - H8.3.01.09]. Không chỉ có quy định đánh giá rèn luyện sinh viên theo học kỳ, vào cuối khóa học, khi xếp loại kết quả tốt nghiệp của sinh viên, căn cứ vào kết quả học

tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng đề xuất Hội đồng khen thưởng những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc [H8.3.01.10]

Hệ thống giám sát của nhà trường phù hợp với kết quả học tập và khối lượng học tập của người học. Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ. Trong đó có xây dựng chương trình đào tạo và thời gian học tập. Việc đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học cũng được quy định rõ ràng [H8.3.01.10.12]. Trong Quy chế đào tạo của Nhà trường có quy định rõ thời gian cảnh báo học vụ của sinh viên được thực hiện theo từng học kỳ, sau khi có kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập nhằm giúp sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Các diện buộc thôi học và quy trình cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với sinh viên cũng được quy định rõ ràng [H8.3.01.10.15]. Những sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ được ghi tên kèm kết quả học tập, ban hành thành văn bản gửi về các khoa chuyên môn và chủ nhiệm lớp để sinh viên được biết. [H8.3.01.11]. Từ đó các em có kế hoạch và phương pháp cố gắng trong học tập. Trong các cuộc họp giữa Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các trưởng khoa chuyên môn, chủ nhiệm lớp, Bí thư đoàn thanh niên, Hội sinh viên cũng nêu rõ tình hình học tập và rèn luyện của các lớp sinh viên, cùng trao đổi, thảo luận và đề ra biện pháp quản lý, giám sát sinh viên cho phù hợp [H8.3.01.12]. Sau mỗi học kỳ, khi có kết quả học tập và rèn luyện, Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên gửi kết quả về các khoa chuyên môn để Chủ nhiệm lớp thông báo cho các sinh viên được biết. [H8.3.01.13]. [H8.3.01.14]. Sự phản hồi về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cũng được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tháng của chủ nhiệm lớp gửi về phòng Công tác sinh viên – việc làm tập hợp trình Ban Giám hiệu nhà trường, từ đó có sự chỉ đạo và uốn nắn kịp thời từ cấp trên [H8.3.01.03 - H8.3.01.06]. Trong mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng sinh viên đều tiến hành họp, đối sánh với kết quả của năm trước để đề ra chỉ tiêu cho năm tiếp theo. Tuy nhiên thực tế cho thấy còn có những sinh viên chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện, chưa xác định rõ mục tiêu học tập nên còn thờ ơ với kết quả khi được thông báo.

Bảng 2.2: Bảng đối sánh kết quả học tập

Lớp	Xếp loại HT	Năm 2020-2021		Năm 2021-2022		Năm 2022-2023	
		Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
	Giỏi	0	50%	0	0	0	0
	Khá	100%	50%	0	100%	50%	50%

	Trung bình	0	0	0	0	50%	50%
	Yếu	0	0	0	0	0	0
	Kém	0	0	0	0	0	0
K10. NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0
	Giỏi	0	11,76%	22,2%	12,5%	0	0
	Khá	50%	11,76%	55,5%	50%	16,67%	50%
	Trung bình	16,67%	29,4%	11,1%	25%	50%	50%
	Yếu	33,33%	47,08%	11,1%	12,5%	33,33%	0
	Kém	0	0	0	0	0	0
	K9. KTĐ	Xuất sắc	0	0	0	0	0
Giỏi		0	0	4,76%	0	9,5%	0
Khá		17,4%	56,5%	76,2%	19%	61,9%	85,7%
Trung bình		78%	34,8%	14,28%	71,5%	23,8%	9,5%
Yếu		4,6%	8,7%	4,76%	9,5%	4,8%	0
K9. QTKD	Xuất sắc	0	0	4,17%	0	17,4%	
	Giỏi	0	3,57%	12,5%	8,33%	13%	
	Khá	18,5%	35,7%	62,5%	37,5%	34,8%	
	Trung bình	55,55%	21,4%	12,5%	20,83	30%	
	Yếu	0	39,33%	4,17%	16,66	0	
	Kém	0	0	0	0	0	
	Khá	0	5%	7%	8,6%	7%	%
	Trung bình	69%	16,67%	28,6%	42,9%	0	14%
	Yếu	0	58,33%	14,4%	28,5%	14%	14%
	Kém	31%	0	00	0	29%	15%

Nguồn: Phòng CTSV

Bảng 2.3: Bảng đối sánh điểm học tập

Lớp	Xếp loại HT	Năm 2020-2021		Năm 2021-2022		Năm 2022-2023	
		Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
K9.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0
	Tốt	50%	50%	100%	50%	50%	50%
	Khá	50%	50%	0	50%	50%	50%
	Trung bình	0	0	0	0	0	0
	Yếu	0	0	0	0	0	0
K10.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0
	Tốt	10%	40%	37,5%	16%	33%	17%
	Khá	90%	60%	62,5%	84%	77%	83%

	Trung bình	0	0	0	0	0	0
	Yếu	0	0	0	0	0	0
K9.KTĐ	Xuất sắc	4,5%	4,5%	4,7%	0	14%	14%
	Tốt	54,5%	22,7%	38%	19%	38%	33%
	Khá	41%	72,8%	47,6%	81%	48%	47,6%
	Trung bình	0	0	9,7%	0	0	5,4%
	Yếu	0	0	0	0	0	0
K9.QTKD	Xuất sắc	0	0	0	0	13%	0
	Tốt	29%	29%	25%	12,5%	21,7%	22%
	Khá	46%	71%	75%	54,2%	65,3%	78%
	Trung bình	25%	0	0	33,3%	0	0
	Yếu	0	0	0	0	0	0
K10.CNTT	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0
	Tốt	0	12,5%	0	14%	28%	28%
	Khá	100%	87,5%	100%	86%	44%	72%
	Trung bình	0	0	0	0	28%	0
	Yếu	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Phòng Đào tạo ĐH và HTQT

Qua đối sánh cho thấy lớp K9.QTKD có tiên bộ trong học tập và rèn luyện. Lớp K10.NNA có xu hướng đi xuống. Hội đồng nhắc nhở Chủ nhiệm lớp và khoa chuyên môn cần quan tâm hơn nữa tới phong trào học tập và rèn luyện các lớp sinh viên.

2. *Điểm mạnh*: Hệ thống giám sát được quy định rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát mức độ tiên bộ của người học.

3. *Điểm tồn tại*: Một số sinh viên còn chưa thực sự quan tâm đến kết quả học tập nên không kịp thời trong việc học lại, thi lại, kéo dài thời gian tốt nghiệp.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm, tăng	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm	Trong năm học 2023-2024	

		cường giáo dục tư tưởng cho sv	lớp, các khoa chuyên môn		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự liên kết giữa các đơn vị trong giám sát sự tiến bộ của sv	Các phòng ban chức năng: Đào tạo ĐH, CTSV – VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

Mô tả

Nhà trường ban hành Quy chế công tác sinh viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trong Quy chế có nêu rõ nội dung hỗ trợ và dịch vụ sinh viên. Cụ thể: tư vấn học tập: Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực về học thuật, tài chính, kỹ thuật... nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.3.01.07.10]. Chủ nhiệm lớp sinh viên có trách nhiệm hỗ trợ quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp sinh viên. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo [H8.3.01.07.12]. Ngay từ đầu năm học Nhà trường ra quyết định giao nhiệm vụ Chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập, trong quyết định phân công chủ nhiệm lớp kiêm cố vấn học tập là một giảng viên chuyên trách của từng khoa chuyên môn [H8.4.01.01].

Về việc làm của sinh viên, Quy chế Công tác học sinh, sinh viên năm 2023 đã ghi rõ tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. [H8.4.02.01.12]. Để thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn việc làm cho sinh viên, ngay từ đầu năm học và trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, Hiệu trưởng nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng Công tác sinh viên - Việc làm chủ động kết nối với các doanh nghiệp tìm việc làm cho sinh viên. [H8.4.02.01.13]. Năm vừa qua, phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã phối hợp với

nhiều công ty, doanh nghiệp để tìm việc làm cho nhiều sinh viên, kể cả sinh viên tốt nghiệp và đang theo học tại trường. Năm 2023 Nhà trường đã ký hợp tác với công ty JoBoKo giới thiệu việc làm cho sinh viên trên phạm vi toàn quốc, phối hợp với Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh để đảm bảo thường xuyên công việc cho sinh viên. Việc phối hợp với các doanh nghiệp không những tạo cơ hội việc làm cho sinh viên mà còn thu hút được nhiều gói học bổng có ý nghĩa với sinh viên. [H8.4.02.02]. Ban Giám hiệu nhà trường giao cho Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành lập Câu lạc bộ gia sư để giới thiệu việc làm cho các sinh viên ngành sư phạm, nội quy hoạt động của Câu lạc bộ cũng được xây dựng cụ thể. Những năm gần đây, Câu lạc bộ Gia sư của nhà trường đã được nhiều học sinh, phụ huynh và sinh viên tin tưởng [H8.4.02.03]. Đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên về tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe. Cụ thể, Quy chế công tác sinh viên ghi rõ: tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh, sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý xã hội; tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho học sinh, sinh viên; tổ chức cho học sinh, sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho học sinh, sinh viên. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch Công tác y tế trường học. Sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác y tế, Nhà trường cũng đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể. Từ đó xây dựng các giải pháp và nội dung hoạt động [H8.4.03.04]. Sau khi xây dựng Kế hoạch, Nhà trường đã phối hợp cùng Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh Hải Dương tiến hành khám và chữa bệnh ban đầu cho sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. Ngoài việc hỗ trợ tư vấn học tập và tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, Quy chế công tác sinh viên quy định rõ việc hỗ trợ tài chính. Cụ thể là Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân trao học bổng cho học sinh, sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H8.4.02.01.12]. Trong những năm gần đây nhà trường đã phối hợp với nhiều công ty, doanh nghiệp trao học bổng cho sinh viên như Công ty TNHH YJM trao học bổng Yeonam, Công ty bảo hiểm Cathay Life trao học bổng thịnh trí thành tài, Công ty thép Hòa Phát trao học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn... [H8.4.02.07]. [H8.4.02.08]. Bên cạnh đó Nhà trường còn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, học sinh, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Trong mỗi học kỳ, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm phối hợp cùng Phòng Tài chính kế toán làm thủ tục miễn giảm học phí cho các sinh viên thuộc diện con thương binh, bệnh binh, con của người có công với cách mạng,

sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số, sinh viên dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, con mồ côi cha mẹ, sinh viên tàn tật, khuyết tật. [H8.4.02.09]. Thực hiện mục tiêu bổ sung kiến thức cho sinh viên, giúp các em có thêm các kỹ năng mềm trong học tập và rèn luyện, vào đầu năm học, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp cùng Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch Tổ chức đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Trong các buổi học, sinh viên được bổ sung các kỹ năng học tập bậc đại học, kỹ năng sống, phát triển sự nghiệp của bản thân và khởi nghiệp. Ngay tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng phỏng vấn việc làm... từ đó các em có định hướng đúng đắn trong học tập. [H8.4.02.10]. Ngay từ tuần sinh hoạt công dân - Sinh viên đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh gặp gỡ, trao đổi với sinh viên, qua đó các em nắm bắt được các cơ hội việc làm [H8.4.02.11]. Trong năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng phối hợp với các ngân hàng phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp [H8.4.02.12], chủ động liên kết với doanh nghiệp để liên hệ thực tập cho sinh viên [H8.4.02.13]. Hàng năm, nhà trường cũng ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên đi thực hành, thực tập và tuyển dụng việc làm [H8.4.02.13], [H8.4.02.14], [H8.4.02.14], [H8.4.02.14].

Tuy nhiên, còn có số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập. Nhà trường cũng tiến hành khảo sát với các sinh viên đã ra trường về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy 85% số người học hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm mà Nhà trường thực hiện [H8.4.02.14]. Song song với việc khảo sát cựu sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng khảo sát về tình trạng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

Bảng 2.4: Bảng đối sánh việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2023

DVT: %

Ngành đào tạo	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm
Kế toán	96,3	3,7	86,02	13,8	70,09	29,01	91,53	8,47	93,81	6,19	76,19	23,81
Kỹ thuật điện	95,6	4,4	73,85	22,15	68,42	31,58	94,44	5,56	90,91	9,09	100	0

Quản trị kinh doanh	86,1	13,9	100	0	40,91	59,09	88,89	11,11	100	0	100	0
Tài chính - Ngân hàng	96,2	3,8	93,75	6,25	75	25	91,67	8,33	100	0	100	0
Công nghệ thông tin	92,9	7,1	100	0	50	50	100	0	90,91	9,09	100	0

2. **Điểm mạnh:** Các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua phong phú, thúc đẩy việc học tập của sinh viên.

3. **Điểm tồn tại:** Một số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập

4. **Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm lớp trong việc đôn đốc sv tham gia các hoạt động ngoại khóa	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới đa dạng các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên	Phòng CTSV - VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn, Đoàn TN, Hội Sv	Trong năm học 2023-2024	

5. **Tự đánh giá:** Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân

Mô tả

Nhà trường có môi trường cảnh quan tạo điều kiện cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của cá nhân. Từ năm 2018 đến năm 2022 Nhà trường có 2 cơ sở là Hải Tân và Liên Hồng. Cơ sở Hải Tân có hơn 30 phòng học được bố trí trong khuôn viên sạch sẽ,

thoáng mát. Trong các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, Wife, loa mic để phục vụ tốt cho việc giảng dạy và học tập. Các phòng, khoa, trung tâm được bố trí ngay trong khuôn viên sân trường thuận lợi cho việc phối hợp công việc giữa các đơn vị. Trong các phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính và các phương tiện vật chất khác. Cán bộ nhân viên phòng ban, trung tâm luôn tận tình, chu đáo với phụ huynh và sinh viên cũng như các cá nhân và đơn vị ngoài trường đến liên hệ công tác. Khu ký túc xá nhà trường được bố trí ngay cạnh phòng y tế thuận lợi cho việc chăm sóc sức khỏe của sinh viên. Bên cạnh giảng đường là thư viện được trang bị các sách báo, giáo trình, tài liệu đầy đủ, sạch sẽ. Cán bộ thư viện luôn có thái độ nhiệt tình, ân cần. Tại cơ sở Hải Tân có trang bị 2 phòng vi tính phục vụ cho sinh viên học thực hành. Hội trường rộng rãi với hệ thống âm thanh sân khấu hiện đại đảm bảo cho các buổi hội nghị, tập huấn và các buổi lễ, các hoạt động phong trào được thuận lợi. Sân vận động được bố trí hợp lý tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động thể thao. Khuôn viên nhà trường được trồng nhiều hoa và cây xanh đẹp mắt đem lại cho người học không khí thoải mái, dễ chịu. Tại địa điểm Liên Hồng rộng 27 ha có 4 tòa ký túc xá được xây dựng hiện đại, mỗi phòng đều được bố trí khép kín, thoáng mát, sạch sẽ. Tại cơ sở này, nhà trường đầu tư trang bị sân vận động rộng rãi rất thuận lợi cho sinh viên học các môn thể dục, quốc phòng và tổ chức các giải bóng đá, thể thao. Nhà bảo vệ, nhà để xe được bố trí hợp lý, an toàn. Bên cạnh khu ký túc xá sinh viên là khu hiệu bộ rộng 27 ha, trong đó nhà Hiệu bộ được xây dựng hiện đại, hợp lý. Các phòng làm việc được bố trí khoa học rất tiện lợi cho quá trình làm việc. [H8.5.01.01]. Các cán bộ nhân viên nhà trường luôn lấy tinh thần trách nhiệm, tận tình với người học. Vì thế nên nhà trường được phụ huynh và sinh viên Đại học Hải Dương luôn tin tưởng.

Bên cạnh môi trường cảnh quan thì môi trường tâm lý, xã hội của nhà trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của người học. Cụ thể là cảnh quan sư phạm của nhà trường luôn sạch sẽ, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Sức khỏe của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường luôn là vấn đề mà Ban Giám hiệu nhà trường đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy y tế học đường được đặc biệt chú trọng. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ khám chữa bệnh cho cán bộ giảng viên và sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. [H8.5.02.01]. Công tác y tế học đường được thực hiện tốt nên sức khỏe của cán bộ giảng viên, sinh viên nhà trường được đảm bảo. Đây cũng là một trong những điều kiện cần thiết để hoạt động dạy, học, NCKH của nhà trường ngày một hiệu quả.

Bên cạnh việc chú trọng công tác y tế học đường, Nhà trường rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, tạo tâm lý thoải mái, hứng khởi cho người dạy và người học. Quy tắc ứng xử văn hóa nơi công sở và quy tắc văn hóa học đường được Nhà trường ban hành và phổ biến đến toàn thể các cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên cùng thực hiện.. [H8.5.02.02]. [H8.5.02.03]. Để đảm bảo an toàn trong môi trường làm việc, nhà trường đã phối hợp với cơ quan công an tỉnh Hải Dương thường xuyên kiểm tra việc phòng cháy chữa cháy [H8.5.02.04]. Tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của nhà trường, phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã tiến hành khảo sát sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy 95% sinh viên hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội; 92% sinh viên hài lòng về môi trường cảnh quan của nhà trường [H8.5.02.05].

2. *Điểm mạnh:* Công tác xây dựng môi trường cảnh quan thực hiện tốt, tinh thần và thái độ phục vụ người học của cán bộ giảng viên nhân viên nhà trường được chú trọng.

3. *Điểm tồn tại:* Do Nhà trường có nhiều cơ sở nên việc giám sát thực hiện môi trường cảnh quan còn chưa được nhất quán.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác giám sát thực hiện môi trường cảnh quan ở tất cả các cơ sở	Ban Giám hiệu, Phòng Quản trị Hành chính	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thực hiện văn hóa trường học	Toàn thể CBGV và sinh viên nhà trường	Trong năm học 2023-2024	

5. *Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng cụ thể, rõ ràng và đúng quy định. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học được phân cấp rõ ràng. Các hoạt động

ngoại khóa hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên được tổ chức phong phú, đa dạng. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường trong công tác phục vụ người học rất phong phú.

Tuy nhiên phần khảo sát đánh giá công tác tuyển chọn người học còn chưa thường xuyên, sâu sát ở tất cả các ngành học.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường Đại học Hải Dương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh. Hiện tại, Nhà trường đang quản lý 4 cơ sở với tổng diện tích 35,5 ha [H9.01.08]. Hiện nay, Trường ĐHHD đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Nhà trường sử dụng các cơ sở 1, 3 với tổng diện tích sàn xây dựng 28.211 (m²): Trong đó, số phòng làm việc là 96 phòng, số phòng họp, hội trường 5; Số phòng học 63; Số phòng thực hành 17[H9.01. 09][H9.01.10][H9.01.11] để đào tạo các ngành Kinh tế, Kỹ thuật, Ngoại ngữ, Chính trị và xã hội: cơ sở 1 tại khu đô thị phía Nam, Thành phố Hải Dương (Liên Hồng - TP Hải Dương) chia làm hai khu: khu ký túc xá có 28 phòng học lý thuyết và 12 phòng thực hành (có ký hiệu H và T) dành cho SV ngành kỹ thuật điện và khu hành chính hiệu bộ có 04 phòng học (có ký hiệu ĐN) phục vụ đào tạo tin học (có 02 phòng thực hành máy tính 02 phòng học lý thuyết); cơ sở 2 tại khu 8 - Phường Hải Tân - Thành phố Hải Dương có 33 phòng học lý thuyết (có ký hiệu A, D), 3 phòng dành cho đào tạo ngoại ngữ, tin học, kế toán máy (có ký hiệu B) (có 02 phòng thực hành máy tính).

Tổng cộng Cơ sở 1 và 3 của Nhà trường có 63 phòng học, 5 hội trường lớn và 17 phòng thực hành, thí nghiệm. Trong đó có 26 phòng có sức chứa từ 30 đến 40 người, 34 phòng có sức chứa từ 50 đến 60 người, 03 phòng có sức chứa từ 300 đến 400 người. Như vậy, với số lượng người học hiện có (6 m²/1 sinh viên) tại trường thì số phòng học sau khi bố trí hết thời khoá biểu cho các lớp, còn có thể dùng để đáp ứng những sinh hoạt khác như: phòng sinh hoạt đoàn, hội, sinh hoạt lớp, tổ chức ngoại khóa... Ngoài ra, Nhà trường còn có khu nhà thể thao, phòng bóng bàn, sân bóng rổ, bóng chuyền, sân bóng đá cỏ nhân tạo để người học rèn luyện sức khỏe, phát huy tối đa năng khiếu và sở trường [H9.01.11]. Tại các

phòng học, hội trường đều được trang bị tivi, máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt, đèn... và đặc biệt hệ thống máy lạnh được trang bị đầy đủ tại các phòng học khu nhà A1, A2, C, ĐN. TTB trong các phòng thực hành, thí nghiệm đều được trang bị phù hợp theo học phần của SV ngành kỹ thuật điện [H9.03].

Bảng 2.5: Thống kê số lượng phòng làm việc, thực hành, phòng học cơ sở 1 và cơ sở 3 của Trường

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp, hội trường	Số phòng học	Số phòng thực hành
Ký túc xá Liên Hồng (H, T)	15.230	24		33	3
Hành chính hiệu bộ (ĐN)	4.244	33	3	28	12
Hải Tân (A, B, C, D)	8.737	39	2	2	2
Tổng cộng	28.211	96	5	63	17

Nguồn: Phòng Hành chính - Quản trị

Ngoài ra, để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên Nhà trường bố trí hội trường, có sân khấu đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường. Trường còn có các phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Bảo đảm chất lượng thanh tra, Phòng Công tác sinh viên và việc làm... với diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi cùng các dãy ghế cho GV và SV ngồi đợi khi đến làm việc. Hiện tại, khoa Kinh tế - Quản trị, khoa Kế toán - Tài chính, khoa Kỹ thuật - Công nghệ, khoa Ngoại ngữ đang sử dụng phòng học, giảng đường gồm các dãy nhà A1, A3, B1, B2, B3, B4, D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 [H9.01.09][H9.01.10][H9.01.11]. Hầu hết các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Trường cung cấp cho Khoa KTQT 03 phòng làm việc với diện tích là 100 m², khoa Kế toán - Tài chính 03 phòng làm việc với diện tích là 80m², khoa Kỹ thuật - Công nghệ 06 phòng làm việc với diện tích là 150 m², khoa Ngoại ngữ 02 phòng làm việc với diện tích là 30m² và phòng chức năng được bố trí ở khu nhà Hiệu bộ, dãy nhà A1[H9.01.10]. Phòng làm việc của các Khoa được trang bị tủ đựng tài liệu, máy tính, máy

in, điều hòa, bàn ghế làm việc, bàn quỳ cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa. Với điều kiện trang thiết bị đã được cung cấp, Khoa đã vận hành để giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của Khoa cũng như đánh giá về tình hình CSVC&TTB và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất nhà trường mua sắm mới CSVC&TTB [H9.01.06], Phòng Hành chính – Quản trị tập hợp đề xuất của các khoa lập kế hoạch, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp, mua sắm mới cơ sở vật chất báo cáo lãnh đạo nhà trường[H9.01.06]. Nhà trường giao cho Phòng Hành chính – Quản trị tăng cường quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030" là sử dụng ổn định, hiệu quả của các CSVC đã trang bị[H9.01.02]. Kết quả khảo sát trên SV về thực trạng CSVC & TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cho thấy, đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn, chỉ có 15% GV cho rằng chưa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy. Tùy theo năng lực thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cũng như tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H9.01.06] [H9.01.07]. Hàng năm, trên cơ sở của các đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Nhà trường có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị bảo đảm cho việc triển khai CTĐT và thực hiện rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu CTĐT của Khoa [H9.01.06] [H9.01.07]. Ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học và trang thiết bị cho thấy, 81% người học cho rằng CSVC của nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu dạy và học, chỉ 19% cho rằng CSVC của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu của người học. Từ kết quả này, nhà trường tổ chức họp các đơn vị và có biện pháp khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm tích cực [H9.01.13].

2. Điểm mạnh:

Trường Đại học Hải Dương tại cơ sở 1, cơ sở 3 đào tạo khối ngành kinh tế, Kỹ thuật, ngoại ngữ .. có diện tích rộng(314716,2 m²) đã đáp ứng đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Nhiều phòng học được trang bị điều hòa, diện tích phòng học rộng rãi, thoáng mát.

3. Điểm tồn tại:

04 dãy nhà cấp 4 D1, D3, D4, D6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

4. Kế hoạch hành động:

- Lắp đặt điều hòa cho các phòng học chưa có.
- Duy trì và sửa chữa thường xuyên ổn định đáp ứng nhu cầu dạy và học
- Kế hoạch xây dựng 02 giảng đường mới(100 tỷ) tại cơ sở Liên Hồng đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường ĐHHD có thư viện, CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Hệ thống thư viện của trường được quản lý bằng mạng máy tính giúp cho bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, khu ký túc xá SV được trang bị các thiết bị nghe - nhìn, máy chiếu đa phương tiện (*multimedia projector*), ti vi phục vụ giảng dạy và học tập.

Thư viện là bộ phận quản trị nguồn lực học tập của Trường ĐHHD, từng giai đoạn với các tên gọi và trực thuộc các đơn vị khác: Trung tâm Thông tin - Thư viện; Trung tâm Thư viện... [H9.02.01]. Hiện nay Thư viện là một bộ phận trực thuộc phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin- Thư viện ; được thành lập theo QĐ 285/QĐ-ĐHHD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD V/v thành lập Phòng Khoa học công nghệ - Thông tin- Thư viện (thay thế QĐ 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019) [H9.02.02].

Thư viện của Nhà trường hiện đang trong KH đầu tư dài hạn với tổng diện tích sàn 2.696 m² theo các QĐ phê duyệt, điều chỉnh phê duyệt của UBND tỉnh Hải Dương về Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường ĐHHD [H9.02.03].

Thư viện với tổng diện tích 340m² được bố trí: 01 phòng đọc mở, 01 phòng kho; 01 phòng gồm 10 máy tính có kết nối Internet để bạn đọc có thể truy cập, tra cứu; được trang bị 25 bộ bàn ghế chuyên dụng để phục vụ nhu cầu đọc tại chỗ cùng lúc cho khoảng 50 bạn đọc. Hệ thống các phòng được bố trí liền kề nhau, có điều hòa làm mát và ánh

sáng đầy đủ thuận lợi cho việc phục vụ bạn đọc [H9.02.04]. Hiện tại, thư viện có 5.563 đầu tài liệu với 65.624 bản (*bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử*) [H9.02.05]; với hệ thống trang thiết bị tại các phòng về cơ bản được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu mượn, đọc, tra cứu tài liệu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên cao học.

Nội quy phòng đọc được quy định chặt chẽ về thời gian đóng mở cửa phục vụ bạn đọc, vào mùa thi, Thư viện mở cửa cả ngày nghỉ, giờ nghỉ để phục vụ SV ôn tập hoặc theo yêu cầu của Hiệu trưởng Nhà trường [H9.02.09]. Thư viện có sổ đăng ký, ghi chép lượt bạn đọc để phục vụ cho công tác quản lý và theo dõi của Nhà trường, được trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy [H9.02.20].

Thư viện luôn nỗ lực trong việc lập KH, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện: lên KH bổ sung tài liệu hằng năm; thực hiện các công việc nghiệp vụ và phục vụ bạn đọc, quản lý thư viện tại QĐ số 20/QĐ-ĐHHD ngày 02/3/2016 của Trường ĐHHD về việc ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Thư viện [H9.02.06]. Bên cạnh đó, thư viện còn có nhiệm vụ xây dựng chính sách, định hướng phát triển Thư viện phù hợp với CLPT của Nhà trường trong từng giai đoạn với các mục tiêu và giải pháp cụ thể [H9.02.01.07].

Để phát huy hiệu quả hoạt động của thư viện, hằng năm thư viện tổ chức các lớp bồi dưỡng "Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện", SV sẽ được phổ biến các quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện vào tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H9.02.07].

Theo Đề án số 399/ĐA-ĐHHD ngày 21/12/2018 về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ CB, GV, nhân viên, lao động Trường ĐHHD [H9.02.08] và theo QĐ số 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 Phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin được biên chế 04 người, bộ phận thư viện có biên chế là 01 CB chuyên trách đúng chuyên ngành có trình độ Thạc sỹ ngành Khoa học Thư viện - Thông tin trực tiếp làm công tác Thư viện [H9.02.02]. Hiện nay theo QĐ 307/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023, Phòng KH-CN-TT-TV được sắp xếp 08 người, trong đó có 03 người có chuyên môn Thư viện từ Đại học trở lên;

Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội quy, quy định được cụ thể hóa đối với từng đối tượng bạn đọc; từng loại hình tài liệu [H9.02.09]. Tuy nhiên, do số lượng CB làm công tác thư viện ít, công việc chưa được chuyên môn hóa,... nên đôi khi công tác bảo trì, đánh giá các nguồn lực học tập còn chưa kịp thời; chưa có TVĐT; chưa có

kết nối với Thư viện tỉnh Hải Dương và các trường bạn trên địa bàn để phát huy hiệu quả nguồn lực học tập.

Hằng năm, căn cứ vào chỉ tiêu KH và nhu cầu thực tế của các đơn vị. Nhà trường có chủ trương đầu tư, phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu của GV, SV. Trên cơ sở đó, thư viện phối hợp với các khoa chuyên môn lập KH lựa chọn các đầu sách cần bổ sung cho từng năm học; phối hợp với phòng TCKT cân đối nguồn tài chính bổ sung tài liệu theo dự toán ngân sách hằng năm. Tổng kinh phí đã đầu tư cho nguồn học liệu, CSDL và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy từ năm 2018 đến 2022 là: 198.596.600đ (2018: 190.890.000đ; 2019: 3.460.000; 2021: 4.624.000đ) [H9.02.10], chủ yếu là sách giáo trình phục vụ giảng dạy các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật, quản trị kinh doanh và một số tài liệu tham khảo phục vụ mở ngành đào tạo mới.

Thư viện được Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp CSVN và mua bổ sung tài liệu, phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH. Từ năm 2018 đến 2022, viện bổ sung 196 đầu sách tổng số lượng 1.985 quyển. Hiện nay, Thư viện có tổng 5.563 đầu sách với 65.624 cuốn chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh của Nhà trường; trong đó giáo trình, đề cương bài giảng là 2.707 cuốn; sách tham khảo là 57.849 cuốn; 342 đề tài NCKH; 981 cuốn khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp của SV; luận văn, luận án của CB GV là 128 cuốn và 342 cuốn của HV cao học ngành Kế toán khóa 1, khóa 2, khóa 3 [H9.02.11]. Ngoài ra, Thư viện luôn cập nhật bổ sung tài liệu thông qua các báo cáo đề xuất của các khoa chuyên môn về việc in ấn giáo trình, tập bài giảng hằng năm.

Xuất phát từ nhu cầu hiện đại hóa Thư viện, Nhà trường ban hành QĐ số 59/QĐ-ĐHKTKT ngày 02/3/2013 về việc giao nhiệm vụ cho CB, GV khoa CNTT, Trung tâm CNTT xây dựng hệ thống thông tin quản lý thư viện. Đến tháng 12/2013 đề tài “Xây dựng phần mềm quản lý Thư viện Trường ĐHHĐ” được Hội đồng nghiệm thu đánh giá theo QĐ số 815/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/12/2013 với tổng kinh phí 100.000.000 đồng. Phần mềm được nghiệm thu, đưa vào sử dụng giúp cho việc tìm kiếm và quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả [H9.02.12]. Hằng năm, Thư viện luôn chủ động xây dựng KH bảo trì các nguồn lực học tập: tài liệu, sách, giáo trình, bài giảng, đĩa CD - Rom, phòng máy, hệ thống mạng Internet... [H9.02.13] luôn được cập nhật để GV, người học có thêm dữ liệu để nghiên cứu và lựa chọn tài liệu phù hợp.

Hàng năm, Nhà trường dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu. Đối với từng khoản kinh phí đầu tư mới cho nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ luôn được thực hiện sau khi dự toán ngân sách được duyệt. Đặc biệt là chi cho đội ngũ CB, GV của thực hiện công tác bảo trì, nâng cấp phần mềm quản lý hệ thống thông tin thư viện. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đầu tư cho Thư viện với tổng kinh phí lên tới 198.596.600đ. Giáo trình sử dụng trong giảng dạy, học tập tại Trường được viết mới và in ấn bằng nguồn kinh phí thường xuyên. Kết quả công tác đổi mới giáo trình tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào báo cáo tổng kết năm của thư viện [H9.02.14]. Công tác bổ sung tài liệu in, tài liệu nội sinh để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện KH giảng dạy [H9.02.15]. Tài nguyên số nội sinh được xây dựng dựa trên các sản phẩm của GV, SV và có số lượng tăng ổn định hàng năm [H9.02.04].

Việc tiếp nhận, xử lý các tài liệu từ nguồn tài trợ, quyên góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân để đưa vào thư viện được phát động hàng năm để hưởng ứng “Ngày sách Việt Nam” [H9.02.16]. Các nguồn cơ sở dữ liệu được thông báo công khai đến bạn đọc đã quyên góp thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp. Hàng năm, Nhà trường cũng tăng cường thêm các thiết bị và máy móc để phục vụ cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua hệ thống sổ theo dõi, sử dụng thiết bị hỗ trợ giảng dạy [H9.02.17]. Với những tính năng của phần mềm đã đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm tài liệu, thông tin nhanh chóng, chính xác và tiện lợi. Ngoài ra, Thư viện còn có nguồn cơ sở dữ liệu toàn văn để tham khảo; có hệ thống bài giảng, giáo trình; luận văn, luận án và khóa luận tốt nghiệp phục vụ cho SV đọc, tra cứu tại Thư viện.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của thư viện được tiến hành thường xuyên thông qua kết quả khảo sát với SV và GV [H9.02.18]; báo cáo tổng kết hàng năm [H9.02.14]. Qua kết quả khảo sát đối với SV trong 3 năm gần đây nhất: 2017 (85SV), 2018 (78SV) và 2019 (65SV) cho thấy:

Tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 76%.

Về chất lượng nguồn học liệu và vốn tài liệu của thư viện đầy đủ có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của SV từ 78% trở lên.

Đặc biệt, SV hài lòng về thái độ phục vụ của CB thư viện khi cung cấp dịch vụ thông tin. Tuy nhiên, đối với chất lượng của hệ thống tra cứu; tài liệu PVCD, giải trí thì tỷ lệ hài lòng (*khá đáp ứng nhu cầu sử dụng trở lên*) chỉ đạt hơn 50% là do Nhà trường chú trọng đầu tư vào các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu.

Đối với GV, qua kết quả khảo sát 3 năm gần đây: 2018 (67 GV); 2019 (72 GV); 2020 (67 GV); 2021 (56 GV); 2022 (55GV) cho thấy tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 77%. Nguồn học liệu, mức độ cập nhật nội dung tài liệu của Thư viện về cơ bản cũng đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của GV một cách đầy đủ, kịp thời và phù hợp, đạt tỷ lệ 80% .

Căn cứ vào số liệu thống kê qua hệ thống sổ mượn trả tài liệu [H9.02.19]; số lượt bạn đọc đến đọc tại đến học tập, nghiên cứu và khai thác thông tin trung bình 1.080 lượt/năm [H9.02.20] và danh mục bổ sung tài liệu các năm [H9.02.11]. Thư viện phối hợp với các khoa, tổ bộ môn, rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ người đọc... từ đó theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và thông qua email, phiếu khảo sát về nhu cầu và chất lượng phục vụ của thư viện vào chuyên đề trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H9.02.07]. Thư viện tiến hành rà soát, kiểm kê hằng năm nhằm thanh lý, thanh lọc những tài liệu hết giá trị sử dụng và bổ sung được những tài liệu có chất lượng cho thư viện. Đồng thời cũng luôn thường xuyên vệ sinh, lau dọn, sắp xếp kho sách, cơ sở dữ liệu luôn được làm mới. Từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của công tác thư viện [H9.02.13].

Căn cứ vào thống kê số lượt mượn, trả tài liệu hàng năm [H9.02.19]; thống kê số lượt bạn đọc đến đọc tại thư viện hàng năm [H9.02.20] và danh mục tài liệu bổ sung các năm [H9.02.11], Thư viện phối hợp cùng các khoa rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ bạn đọc [H9.02.19]; các GV, tổ trưởng bộ môn, CB, HV, SV... có quyền và nghĩa vụ theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và góp ý cho thư viện giúp cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện.

Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã đề ra các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa phục vụ [H9.02.06];

Về nguồn học liệu hằng năm được viết mới và được bổ sung thường xuyên, năm năm 2018 là 1.729 cuốn; năm 2019 đến 2021: 256 cuốn là chủ yếu là giáo trình, tài liệu

tham khảo nhằm phục vụ GV, SV các khoa trong Trường. Trong đó, nhiều nhất là sách kế toán, kỹ thuật; tài liệu tham khảo vẫn còn hạn chế;

Phòng đọc và phòng máy tính trước đây chỉ sử dụng kết nối internet dây nay đã được kết nối internet không dây....Hệ thống quạt, điều hòa, ánh sáng được trang bị đầy đủ đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu khai thác, sử dụng của CB, GV, SV.

Tuy nhiên, thực tế công tác phối hợp, rà soát của các khoa với Thư viện chưa được chặt chẽ nên dẫn đến việc đánh giá hiệu quả nguồn học liệu chưa cao.

Công tác bổ sung nguồn học liệu của Thư viện được thực hiện hàng năm [H9.02.10]; cập nhật vào dữ liệu của Thư viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD, thu hút nhiều người dùng tin đến Thư viện để nghiên cứu tài liệu.

Từ năm 2018 đến 2022, tổng kinh phí đầu tư cho nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy là: 198.596.600đ. Nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu không chỉ phục vụ CB, GV, SV, HV trong nhà trường còn phục vụ các bạn đọc ngoài nhà trường. Trường ĐHHD đã ký kết các hợp đồng phối hợp đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh với các Trường THPT trong Tỉnh nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh, SV ở cả 02 trường: “*tổ chức bồi dưỡng lý thuyết, thực hành và tuyển sinh, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT...; sử dụng chung thư viện...*” [H9.02.22].

Cơ sở dữ liệu (*chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh*) luôn được cập nhật, bổ sung vào bộ sưu tập. Xử lý, tiếp nhận các tài liệu được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân tặng để bổ sung vào vốn tài liệu của thư viện [H9.02.16].

Tuy nhiên, kho tài nguyên điện tử của Thư viện còn chưa phong phú nên khả năng đáp ứng nhu cầu tin trong thời đại công nghệ 4.0 còn thấp.

2. *Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7*

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu

1. *Mô tả*

Nhà trường đã giao Khoa Kỹ thuật và công nghệ (trước đây là do Trung tâm Thực hành kỹ thuật điện tử quản lý) theo dõi, quản lý và cho sinh viên thực hành bao gồm: các phòng thực hành chia theo các phân môn; các thiết bị và panel thực hành phục vụ hoạt động đào tạo (hoạt động dạy và học), nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch thực hành hàng năm; các qui định về nội qui trong phòng thí nghiệm thực hành, hướng dẫn

sử dụng, quản lý, sử dụng, phục vụ giảng viên giảng dạy và sinh viên học tập các môn chuyên ngành bảo đảm việc thực hành được thực hiện thống nhất trong Nhà trường.

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 11 phòng thực hành ở cơ sở H1 khu kí túc xá Liên Hồng. Các phòng thực hành được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Khoa KTQT căn cứ vào nhu cầu thực tế về việc thực hành các môn học đào tạo của ngành QTKD để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành các phòng thực hành máy tính.

Thông qua kế hoạch đào tạo để xây dựng, triển khai, duy trì các phần thực hành theo các môn học. Giáo viên có trách nhiệm phối hợp với Khoa trong việc quản lý, vận hành, khai thác các thiết bị máy tính qua Sổ theo dõi nhật kí phòng thực hành.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành tại các phòng thực hành, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị thực hành, bộ phận quản lý các phòng thực hành lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị thực hành cho năm tiếp.

2. *Điểm mạnh:* Các văn bản liên quan đến thực hành được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng thực hành phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. *Điểm tồn tại:* Hiện một số panel và các thiết bị thực hành đã cũ, lỗi thời.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sửa chữa các panel thực hành đã bị hỏng, đầu tư mua thêm các linh kiện, thiết bị thực hành cần thiết	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các thiết bị thực hành hiện có	Khoa Kỹ thuật và công nghệ	Thường xuyên	
---	--------------------	--	----------------------------	--------------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường đã giao Trung tâm Tin học – Ngoại Ngữ (tiền thân là Trung tâm Tin học) [H9.04.01] theo dõi, quản lý và triển khai công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: hệ thống công nghệ thông tin trong Nhà trường; các phòng máy phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; hệ thống đào tạo trực tuyến (Goggle Meet, MS Team); xây dựng kế hoạch CNTT hàng năm; các qui định về xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống CNTT và bảo đảm nguồn nhân lực CNTT được thực hiện thống nhất trong Nhà trường

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 05 phòng máy ở các cơ sở (với tổng số lượng 150 máy tính) tại các cơ sở trong toàn trường [H9.04.02]. Các phòng máy được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ căn cứ vào nhu cầu thực tế về sử dụng trang thiết bị CNTT và ứng dụng CNTT [H9.04.03] của các đơn vị trong Nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành, trang bị CNTT định kỳ [H9.04.03] theo quy định [H9.04.04].

Nhà Trường tổ chức xây dựng, triển khai, duy trì các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm đào tạo trực tuyến dùng chung; quản trị hệ thống mạng Lan, mạng Internet, hệ thống an ninh mạng, an toàn dữ liệu, bảo trì, bảo dưỡng, theo dõi, đánh giá hiệu quả hệ thống CNTT trong Nhà trường [H9.04.05]. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với bộ phận quản lý CNTT trong việc quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống CNTT qua Sở theo dõi báo hỏng và bảo trì máy tính.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị tin học tại các đơn vị, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc

thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, bộ phận quản lý CNTT lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng cho năm tiếp.

2. *Điểm mạnh:* Các văn bản liên quan đến CNTT được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng máy phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. *Điểm tồn tại:* Hiện máy móc, các thiết bị CNTT đã cũ, lỗi thời.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao cấu hình các phòng máy, đầu tư thêm hạ tầng CNTT	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các hệ thống thông tin hiện có	Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	Thường xuyên	

5. *Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7*

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong Trường. Phòng Hành chính là đơn vị chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch và sự điều hành bộ phận đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường, Phòng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác môi trường, vệ sinh công cộng [H9.09.05.01].

Phòng Y tế có Tủ thuốc, giường y tế và đầy đủ thuốc, vật tư trang thiết bị y tế thiết yếu với 01 y sĩ và 01 dược sĩ phục vụ công tác sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban

đầu cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành Chính theo đề án số 399/ĐA- ĐHHD về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, lao động Trường Đại học Hải Dương, bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành chính [H9.09.05.02].

Mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch công tác y tế học đường, báo cáo công tác y tế vào cuối năm học Hàng năm, phòng Y tế lập dự trù kinh phí mua thuốc, vật tư, trang thiết bị Y tế phục vụ công tác sơ cấp cứu, khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, sinh viên [H9.09.05.03]. Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về việc tham gia bảo hiểm y tế đối với sinh viên, quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên thuộc gia đình chính sách, khuyết tật. Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, giảng viên và lao động trong Trường, khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên [H9.09.05.04]. Trong thời gian có dịch Covid-19, Nhà trường tích cực chung tay với cộng đồng thực hiện các biện pháp phòng chống: thành lập Ban chỉ đạo phòng chống covid-19, thành lập tổ phòng chống covid-19, mua thuốc, vật tư y tế phòng chống covid-19 cho cán bộ, viên chức lao động và người học.[H9.09.05.05].

Lực lượng bảo vệ chịu trách nhiệm công tác an ninh trật tự trong trường đủ về số lượng và được đào tạo nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp. Để đảm bảo NH được an toàn trong khuôn viên Trường cũng như khu Ký túc xá, Trường thành lập Trung đội Tự vệ và Bộ phận bảo vệ chuyên trách của Trường trực thuộc biên chế của phòng Hành chính, có quân số đảm bảo tuần tra bảo vệ các cơ sở 24/24. Nhà trường cũng kiện toàn ban Chỉ đạo xây dựng mô hình “Trường Đại học an toàn về an ninh, trật tự” [H9.09.05.06].

Đội phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thành lập và thực hiện rà soát, kiện toàn hàng năm. Nhà trường ban hành các quy định và phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. [H9.09.05.07]

Hàng năm, bộ phận môi trường và vệ sinh công cộng xây dựng kế hoạch kế hoạch kiểm kê, cải tạo, bổ sung, thay thế, chăm sóc, vệ sinh môi trường tại hai cơ sở. Việc xử lý rác thải sinh hoạt trong trường đều có hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị kết hợp tư vấn và xử lý rác thải sinh hoạt tại 02 cơ sở. [H9.09.05.08]

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường; về chất lượng môi trường học tập, các chính sách phục vụ cộng đồng , về công tác đảm bảo an ninh trật tự

trong Nhà trường. Kết quả khảo sát các năm học cho thấy mức độ hài long về vấn đề sức khỏe, an toàn môi trường trong Nhà trường đều đạt trên 80%. [H9.01.01.13]

Điểm mạnh

Trường có cán bộ y tế và lực lượng bảo vệ chuyên trách, không gian nhà trường rộng và phủ nhiều cây xanh.

Điểm tồn tại

Việc khảo sát và phỏng vấn người học về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được thực hiện trên diện rộng.

Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác môi trường, sức khỏe, an toàn cho toàn thể cán bộ, giảng viên, HSSV trong toàn Trường	Các đơn vị trong toàn Trường	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị và triển khai trên diện rộng việc khảo sát và phỏng vấn CBQL, GV, NH các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật đáp ứng yêu cầu CTĐT của ngành ĐHKT	Phòng CTHSSV Phòng QLĐT Các đơn vị liên quan	Hàng năm

5. Tự Đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Trường đã trang bị đầy đủ CSVG, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Tuy nhiên, Các trang thiết bị cho mô hình lớp học thông minh chưa đáp ứng đủ để đưa vào giảng dạy chính thức trong các CTĐT của Trường nói chung và KTTTT nói riêng. Tài liệu tham khảo nước ngoài cho các HP các ngành còn hạn chế. Một số HP chỉ mới có tài liệu trong nước mà không có tài liệu nước ngoài bằng tiếng

Anh. Các công cụ nghiên cứu hiện nay của phòng thực hành, thí nghiệm của ngành còn thô sơ chỉ mới đáp ứng yêu cầu chủ yếu cho chuyên ngành. Việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 1 lần/năm, công tác này mới được thực hiện năm 2019. GV chưa khai thác hết các tính năng của phần mềm nội bộ. Thiết kế cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn chưa được chú trọng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9: 5/7

Số tiêu chí đạt 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Để thiết kế và phát triển chương trình Đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị kinh doanh (QTKD), Nhà trường và khoa Kinh tế - Quản trị đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các bên liên quan gồm: doanh nghiệp sử dụng lao động, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà khoa học. Về quy trình lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện theo Quyết định ban hành Quy định về công tác Lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ viên chức và các bên liên quan của Trường Đại học Hải Dương [**H10.10.01.01**]. Trên cơ sở đó theo định kỳ các Phòng, Khoa sẽ triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nhiều mặt, trong đó có nội dung về CTĐT của ngành QTKD.

Về khảo sát sinh viên năm cuối được Khoa Kinh tế - Quản trị tiến hành hàng năm trước khi ra trường. Thông thường Khoa sẽ gửi phiếu khảo sát đến sinh viên vào học kỳ 2 của năm học cuối. Khoa lập kế hoạch khảo sát và gửi phiếu khảo sát trực tiếp cho sinh viên. Sau đó sẽ tổng hợp kết quả khảo sát. Nội dung khảo sát tập trung chủ yếu đến CTĐT, CTDH, ... Bên cạnh đó, **Khoa cũng xây dựng mạng lưới liên kết** với sinh viên bằng các công cụ mạng xã hội như nhóm zalo để trao đổi với sinh viên về CTĐT, về học tập và các hoạt động của Khoa [**H10.10.01.02**].

Về khảo sát ý kiến của cựu sinh viên do Khoa Kinh tế - Quản trị thực hiện trước khi tiến hành rà soát CTĐT. Phiếu điều tra được gửi trực tiếp, qua mail hoặc gọi điện thoại cho cựu sinh viên. Cùng với đó, các thầy cô trong khoa Kinh tế - Quản trị cũng luôn duy trì liên lạc với cựu sinh viên của Khoa để lắng nghe, trao đổi với các em những kiến thức, kinh nghiệm và thực tế. Từ đó góp phần xây dựng và phát triển CTĐT, CHDH phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của các em sau khi ra trường. [**H10.10.01.03**].

Khảo sát nhà tuyển dụng thường được khoa Kinh tế - Quản trị thực hiện trước khi tiến hành rà soát, phát triển CTĐT, CTDH. Tổ rà soát CTĐT ngành Quản trị kinh doanh sẽ lập kế hoạch khảo sát, gửi phiếu khảo sát gửi trực tiếp hoặc qua mail đến các doanh nghiệp đang sử dụng lao động là sinh viên của ngành Quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên liên lạc qua điện thoại để thu thập thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp về nhu cầu lao động. Đồng thời, Khoa tổ chức những buổi tọa đàm mời đại diện các doanh nghiệp về trao đổi, giao lưu với giảng viên và sinh viên của Khoa. Thông qua những buổi tọa đàm đó, đại diện doanh nghiệp chia sẻ những kiến thức và kỹ năng mà sinh viên cần phải có để đáp ứng yêu cầu của công việc **[H1010.01.04][H1010.01.05]**.

Mỗi lần rà soát CTĐT khoa tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên của Khoa và Nhà trường. Phiếu khảo sát được gửi trực tiếp đến cho các giảng viên và được tổ rà soát tổng hợp **[H10.10.01.06]**. Bên cạnh đó Khoa cũng xin ý kiến của các nhà khoa học cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học những nhận xét, phân biện về CTĐT, CTDH hiện hành **[H10.10.01.07]**.

Những thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Khoa kinh tế - Quản trị và tổ rà soát tổng hợp, phân tích bằng các bản báo cáo cụ thể. Trên cơ sở quyết định thành lập tổ rà soát, thông báo rà soát, các tổ rà soát CTĐT sẽ tổng hợp thành bản báo cáo thống kê những góp ý và nhu cầu của các bên liên quan để làm căn cứ rà soát, phát triển CTĐT **[H10.10.01.08]**. Cho đến nay, CTĐT ngành QTKD đã được rà soát năm 2018, 2022, 2023. Kết quả CTĐT, CTDH ngành Quản trị kinh doanh qua mỗi lần rà soát đã có sự thay đổi, điều chỉnh.

Năm 2022 so với năm 2018, CTĐT thay đổi như sau: số tín chỉ giảm từ 129 còn 120 tín chỉ, kiến thức về toán học được giảm bớt từ 5 tín chỉ còn 2 tín chỉ, bỏ học phần kinh tế lượng, học phần dự báo kinh tế và kinh doanh, bổ sung học phần Thực hành nghiệp vụ quản trị kinh doanh (2TC) và kỹ năng mềm (2TC), thay học phần quản trị kinh doanh công nghiệp bằng học phần Quản trị bán hàng (2TC). Tăng học phần Quản trị sản xuất từ 2TC lên thành 3TC. Năm 2023 so với năm 2022, CTĐT tăng từ 120 lên 125 tín chỉ. Trong đó, học phần pháp luật đại cương và tin học đại cương giảm từ 3 TC còn 2TC. Học phần tiếng anh giảm từ 9 TC còn 7 TC. Tăng học phần thực tế cơ sở ngành, thực hành nghiệp vụ quản trị kinh doanh từ 2 TC lên thành 3TC. Bổ sung học phần Trách nhiệm xã hội và quản trị kênh phân phối vào học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp **[H10.10.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng Phòng, Khoa. Trên cơ sở đó các bộ phận chịu trách nhiệm đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để tiến hành rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi được tiến hành thường xuyên và theo định kỳ dựa trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Nhà trường; được lập kế hoạch và tổng hợp kết quả để làm căn cứ điều chỉnh, phát triển qua mỗi lần rà soát CTĐT, CTDH.

3. Điểm tồn tại

Quy mô khảo sát còn ít. Khảo sát sinh viên năm cuối mới chỉ tiến hành đối với sinh viên Đại học chính quy, chưa thực hiện đối với sinh viên đại học liên thông. Quy mô khảo sát doanh nghiệp và cựu sinh viên còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa sẽ phối hợp với Phòng công tác Học sinh sinh viên, Phòng Đảm bảo Chất lượng - Thanh tra tiếp tục xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó sẽ tăng quy mô khảo sát các doanh nghiệp, cựu sinh viên, các nhà khoa học để làm căn cứ thiết kế, phát triển CTĐT, CTDH của ngành Quản trị kinh doanh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Để tiến hành rà soát, phát triển CTĐT, Nhà trường đã ban hành các quyết định quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Cụ thể là năm 2018, Nhà trường ban hành quyết định số 325/QĐ-ĐHHD ngày 31/12/2018 về quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương. Theo đó quy trình rà soát, phát triển CTĐT gồm có 10 bước. Năm 2023, Trường Đại học Hải Dương ban hành Quy định về chương trình đào tạo; Xây dựng thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ Đại học tại Trường Đại học Hải Dương. Ngoài ra quy trình rà soát, phát triển CTĐT cũng được thể hiện trong thông báo rà soát CTĐT năm 2023 [H10.10.02.01].

Trong quá trình thực hiện rà soát, phát triển CTĐT, các tổ rà soát nhận thấy có một số bất cập như: Quy trình rà soát, phát triển CTĐT có nhiều bước, các buổi họp Hội đồng khoa học để rà soát có nhiều tổ rà soát ở khác ngành khác nhau sẽ gây phân tán và mất nhiều thời gian. Vì vậy các tổ rà soát đã đề xuất trực tiếp với Hội đồng khoc học để điều chỉnh quy trình rà soát, xây dựng CTĐT trong các buổi họp. Nhà trường cũng lấy

ý kiến phản hồi của các giảng viên, các cán bộ quản lý của Trường để làm căn cứ điều chỉnh quy trình rà soát, hoàn thiện CTĐT [H10.10.02.02].

Trên cơ sở những ý kiến phản hồi và khảo sát, Nhà trường đã cải tiến quy trình thực hiện rà soát, phát triển CTĐT theo hướng đơn giản, phù hợp và nhanh chóng. Cụ thể là năm 2023 nhà trường ban hành Quyết định Số 473/QĐ – ĐHHD ngày 28/8/2023 quy định về chương trình đào tạo; Xây dựng thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ Đại học tại Trường Đại học Hải Dương để thay thế cho quyết định số 325/QĐ-ĐHHD. Năm 2023, khi tiến hành rà soát CTĐT nhà trường đã ban hành thông báo rà soát CTĐT, trong đó có nêu rõ quy trình thực hiện rà soát CTĐT cho năm 2023. Theo đó quy trình rà soát giảm xuống còn 4 bước thay vì 10 bước như quy định cũ [H10.10.02.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình thực hiện rà soát và hoàn thiện CTĐT, tiến hành khảo sát, lấy ý kiến và tiến hành cải tiến quy trình rà soát và hoàn thiện CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Quy mô khảo sát lấy ý kiến phản hồi còn ít, chưa xin ý kiến nhận xét của của các nhà khoa học về quy trình rà soát và hoàn thiện CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Khoa Kinh tế - Quản trị phối hợp với nhà trường để tục tiến hành khảo sát, xin ý kiến của các nhà khoa học về quy trình rà soát và phát triển CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên, Trường Đại học Hải Dương ban hành các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Quá trình dạy và học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được thực hiện trên cơ sở Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.01] và quy trình đánh giá kết quả học tập của Trường ĐHHD [H10.10.03.02].

Trên cơ sở những quy định của nhà trường, các Phòng ban và Khoa đã triển khai rà soát, đánh giá về động giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá kết quả học tập

của sinh viên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT như sau:

Về hoạt động giảng dạy và học tập của Khoa Kinh tế - Quản trị thực hiện theo quy định Nhà trường là cần có đầy đủ hồ sơ bài giảng được Khoa ký duyệt trước khi lên lớp. Trong hồ sơ bài giảng gồm có đề cương, bài giảng và kế hoạch lên lớp **[H10.10.03.03]**. Hàng năm Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học để đánh giá chất lượng giảng dạy của từng học phần và từng giảng viên. Kết quả khảo sát giờ giảng của giảng viên giảng dạy các học phần của ngành Quản trị kinh doanh do Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra thực hiện và thông báo đến các Khoa **[H10.10.03.04]**. Với mỗi năm học, Khoa Kinh tế - Quản trị cũng thực hiện dự giờ giảng và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của các giảng viên. Trên cơ sở kết quả của phiếu đánh giá giờ giảng và khảo sát giảng viên, Khoa sẽ lập các biên bản tổng hợp và tổ chức họp góp ý với các giảng viên về thực hiện giảng dạy trên lớp đối với mỗi học phần nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **[H10.10.03.05]**. Việc đánh giá quá trình giảng dạy của giảng viên giảng dạy các học phần ngành Quản trị kinh doanh còn được thực hiện thông qua phản hồi của sinh viên qua khảo sát sinh viên năm cuối trước khi ra trường **[H10.10.01.02]**. Tất cả các ý kiến phản hồi đều được Khoa thu thập tổng hợp để xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy, đảm bảo sự phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Ngoài ra để nâng cao chất lượng giảng dạy, Nhà trường quy định với những giảng viên giảng học phần mới cần thực hiện giảng báo cáo. Nhà trường cũng tổ chức các chương trình Hội thi giáo viên giỏi, hội thao.... **[H10.10.03.06]**. Đây là một hoạt động có ý nghĩa giúp cho giảng viên Nhà trường nói chung, giảng viên Khoa Kinh tế - Quản trị nói riêng từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập những phương pháp giảng dạy mới, rút kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện giảng dạy cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Đồng thời qua đó, giúp Khoa sẽ đánh giá được sự phù hợp về phương pháp giảng dạy nhằm điều chỉnh chuẩn đầu ra trong CTĐT. Ngoài ra để giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế, Khoa Kinh tế - Quản trị còn thường xuyên tổ chức cho sinh viên đi thực tế và giao lưu với đại diện của các doanh nghiệp thông qua các buổi tọa đàm. Qua đó sinh viên học tập được nhiều kỹ năng cần thiết về nghề nghiệp. Từ đó đảm bảo thực hiện các chuẩn đầu ra của CTĐT **[H10.10.03.07]** **[H10.10.01.05]**.

Về phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thể hiện cụ thể trong đề cương các học phần của CTĐT. Mỗi học phần được đánh giá dựa vào điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm thi kết thúc học phần. **[H10.10.01.09]**. Về thi kết thúc học phần được dựa trên quy định của Nhà trường ban hành về biên soạn, quản

lý và sử dụng đề thi; quy định tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. **[H10.10.03.08]**. Kết thúc mỗi học kỳ và cuối năm, Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế gửi bảng điểm tổng hợp của sinh viên cho các Khoa. Trên cơ sở bảng điểm tổng hợp của sinh viên, Khoa Kinh tế - Quản trị tiến hành họp đánh giá, phân loại sinh viên. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên, nhất là những sinh viên cá biệt, sinh viên có kết quả học tập yếu, kém. Đồng thời Khoa cũng tổ chức họp đề rà soát, đánh giá về kết quả học tập của các học phần. Từ đó thảo luận và đề xuất các phương pháp giảng dạy và học tập đạt hiệu quả cao, đảm bảo thực hiện CĐR của CTĐT **[H10.10.03.09]**. Đối với sinh viên năm cuối để hoàn thành chương trình học tập cần đi thực tập, viết báo cáo và khóa luận tốt nghiệp. Căn cứ vào điểm báo cáo và khóa luận tốt nghiệp của sinh viên hàng năm, Khoa sẽ họp đánh giá và rút kinh nghiệm về quá trình sinh viên thực tập, viết báo cáo, khóa luận **[H10.10.03.10]**.

Kết hợp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, Khoa Kinh tế - Quản trị thường xuyên liên kết với doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tế, tổ chức tọa đàm với đại diện doanh nghiệp để các em có thêm kiến thức thực tế nghề nghiệp, nâng cao sự tự tin, có động lực và chủ động trong học tập, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau khi ra trường. Sinh viên đến doanh nghiệp thực tế sẽ phải hoàn thành bài báo cáo và được giảng viên giảng dạy học phần Thực tế cơ sở ngành đánh giá và chấm điểm. Kết quả của bài báo cáo thể hiện một phần nào kiến thức và kết quả học tập của các em. Đó cũng là cơ sở để Khoa Quản trị kinh doanh đánh giá và hoàn thiện CĐR của CTĐT. **[H10.10.03.11], [H10.10.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm Nhà trường và Khoa tiến hành đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên thường xuyên. Khoa tổ chức cho sinh viên đi thực tế, tọa đàm để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Hàng năm, Phòng đào tạo - hợp tác quốc tế kết hợp với Khoa tiến tổng hợp và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học, đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra chưa thực sự được chú trọng nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Khoa sẽ kiến nghị Nhà trường ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để làm cơ sở thực hiện đánh giá sự tương thích của hoạt động giảng dạy, học tập đánh giá kết quả học tập của sinh viên phù hợp với chuẩn đầu ra. Khoa tiếp tục tiến hành dự giờ giảng của giảng viên mở rộng đến các học phần do giảng viên ngoài khoa giảng dạy; tăng

cường tổ chức họp chuyên môn để thảo luận về phương pháp giảng dạy tích cực; tổ chức lấy ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Khoa khuyến khích các giảng viên đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên; khuyến khích các giảng viên xây dựng các bài thực hành mang tính ứng dụng gắn với thực tế để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện trong năm học theo quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trường Đại học Hải Dương [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Theo đó, trong năm học mỗi GV phải giành tối thiểu 1/3 thời gian cho NCKH (tương đương với 200 giờ chuẩn quy đổi). GV có thể tham gia hoạt động KHCN với nhiều hình thức khác nhau như: thực hiện dự án/đề tài/nhiệm vụ KHCN; viết và công bố bài báo khoa học; biên soạn sách/giáo trình; phát minh/sáng chế/sáng tạo KHCN/sáng kiến; tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo, seminar khoa học các cấp; nghiên cứu ứng dụng và CGCN; hướng dẫn NH tham gia các hoạt động KHCN. Để GV thuận tiện trong quá trình tham gia các hoạt động KHCN Nhà trường đã xây dựng sổ tay NCKH.

Việc đăng ký xét duyệt đề tài khoa học các cấp được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo đúng quy định. Căn cứ năng lực chuyên môn, MTCL của Khoa, GV đăng ký các nhiệm vụ KHCN [H10.10.04.04], Hội đồng khoa học cấp Khoa và cấp Trường xét chọn có sự tham gia của nhóm tác giả và các chuyên gia có chuyên môn liên quan đến đề tài [H10.10.04.05]. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng xét chọn đề tài [H10.10.04.04]. Những đề tài triển khai thực hiện phải được báo cáo theo tiến độ và được Hội đồng nghiệm thu nhận xét đánh giá theo đúng quy trình, quy định [H10.10.04.08].

Kết quả, 100% GV tham gia hoạt động KHCN, 100% các đề tài do Khoa chủ trì được nghiệm thu và hoàn thành đúng hạn. Giai đoạn 2018-2022, Khoa có khoảng hơn 26 bài báo khoa học, bài hội thảo (tăng 60,86% so với năm học 2017 - 2018), trong đó có 03 bài đăng tại các tạp chí được tính điểm, 03 bài hội thảo quốc gia. Trung bình 2,23 bài/GV cơ hữu, đạt mục tiêu phát triển khoa học công nghệ khoa Kinh tế - Quản trị giai

đoạn 2019-2023. Điều này thể hiện năng lực NCKH của đội ngũ GV khoa Kinh tế - Quản trị ngày một nâng cao [H10.10.04.07]. Ngoài các bài báo, báo cáo công bố trong, trong giai đoạn 2018-2022 khoa còn thực hiện 02 đề tài cấp bộ/tỉnh; hơn 35 đề tài cấp cơ sở; và các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, sáng tạo khoa học cấp cơ sở [H10.10.04.08]. Hoạt động KHCN hằng năm đã được Nhà trường/Khoa đánh giá, tổng kết và đối sánh để cải tiến hoạt động KHCN như sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý hoạt động KHCN nhằm khuyến khích cán bộ, GV, NH tham gia NCKH; đa dạng hóa các loại hình NCKH để tăng số lượng các công trình KHCN được công bố [H10.10.04.10].

Giai đoạn 2018-2022, hoạt động KHCN của GV khoa KTQT đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng và phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp theo bản mô tả công việc của GV Tuy nhiên, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí ngành được tính điểm trong nước, tạp chí quốc tế còn ít.

Điểm mạnh

Nhiều GV đã công bố các công trình NCKH trên các tạp chí trong và ngoài trường; trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm.

Điểm tồn tại

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí ngành được tính điểm trong nước, tạp chí quốc tế còn ít.

Kế hoạch hành động

Năm học 2023 - 2024, khoa KTQT sẽ giao nhiệm vụ cho GV thực hiện viết và công bố các công trình khoa học trên các tạp chí ngành được tính điểm trong nước, tạp chí quốc tế.

Tự đánh giá: đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

Mô tả

Thư viện của Nhà trường có diện tích 200m², bao gồm các chức năng: 01 phòng Đọc - Tra cứu tài liệu (100m²), 01 phòng Giao lưu học tập (50 m²), 02 phòng Học liệu (50m²), [H10.10.05.02]. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của GV và NH. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên

tính, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm của các khoa đều được bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của GV, NH.

Thư viện có quy định, hướng dẫn bạn đọc khai thác sử dụng như: quy chế hoạt động thư viện, thủ tục quy trình mượn tài liệu, sổ theo dõi nguồn học liệu, trang thiết bị. Từ đó có cơ sở đề xuất mua sắm bổ sung nguồn học liệu mới và thanh lý tài liệu cũ [H10.10.05.03]. [H10.10.05.10].

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ nguồn học liệu (giáo trình, tài liệu, sách tham khảo...) phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV và NH. Hiện tại, thư viện có 3.320 đầu sách với 50.126 bản, trong đó nhóm ngành QTKD có 1.802 đầu sách với 20.070 bản và 66 đầu tài liệu điện tử được lưu trữ dạng bản cứng và file mềm có bản quyền về sở hữu trí tuệ, 55 đầu giáo trình chính với 385 cuốn; 212 đầu tài liệu tham khảo với 890 cuốn phù hợp với CTĐT để cán bộ, GV và NH tra cứu, khai thác. Phòng Dữ liệu số được bố trí 10 máy tính với phần mềm.

Nguồn học liệu được cập nhật hằng năm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Khi có sự điều chỉnh CTĐT, ĐCCT học phần, hội đồng khoa học và đào tạo các khoa đề xuất nguồn tài liệu, học liệu cần mua bổ sung để phục vụ biên soạn, cập nhật ĐCCT cũng như quá trình học tập, NCKH của cán bộ, GV và NH. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa, phòng QLĐT lập kế hoạch mua sắm bổ sung thêm sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho thư viện [H10.10.05.14], [H10.10.05.15], [H10.10.05.16].

Để theo dõi, đánh giá hoạt động của thư viện, Nhà trường đã có sổ theo dõi mượn tài liệu thư viện, thực hiện thống kê số lượng NH học tập, nghiên cứu tại thư viện và lấy ý kiến phản hồi của GV, NH và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả có trên 90% ý kiến hài lòng. Bên cạnh đó hiệu quả hoạt động thư viện luôn được đánh giá, phản ánh kịp thời thông qua hội nghị đối thoại giữa đại biểu NH với lãnh đạo Nhà trường [H10.10.05.12], [H10.10.05.13]. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2018-2022 việc cập nhật bổ sung sách cho thư viện Khoa, mới chỉ đề xuất 1 lần/năm học.

Điểm mạnh

Trung tâm thông tin thư viện có đủ các phòng chức năng với không gian mở, có nguồn học liệu phong phú, được cập nhật; tại trung tâm thực hành, thực nghiệm được bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của GV, NH.

Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2018-2022 việc cập nhật bổ sung sách cho thư viện, Khoa mới chỉ đề xuất 1 lần/năm học. Chưa có thư viện số của Nhà trường chưa được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, căn cứ vào CTĐT và số lượng NH, khoa KTQT đề xuất Nhà trường bổ sung, cập nhật sách cho thư viện theo học kỳ để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, NH, và triển khai thư viện số, kết nối các thư viện khác cùng hệ thống giáo dục trên toàn quốc để trao đổi thông tin, tài liệu. Xây dựng không gian phòng đọc to đẹp tiện ích khang trang hơn.

Tự đánh giá: đạt, mức 4/7.

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và bố trí đủ các phòng thực hành, thực nghiệm cho các ngành học phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Ngành QTKD có 02 phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị đầy đủ máy tính và các phần mềm phù hợp với CTĐT [H10.10.05.19], [H10.10.05.18].

Hàng quý, Nhà trường đều có kế hoạch và thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị cho các trung tâm thực hành thực nghiệm, đảm bảo hệ số sẵn sàng trên 90%. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã đầu tư trên 250 triệu đồng cho việc mua sắm trang thiết bị mới phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H10.10.05.19],

Phòng thực hành, thực nghiệm đều bố trí NV phụ trách, có hướng dẫn khai thác, sử dụng [H10.10.05.18]. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý việc sử dụng trang thiết bị để làm cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng [H10.10.05.18]. Thông tin theo dõi tình trạng hoạt động thiết bị được tập hợp, báo cáo giao ban đào tạo, giao ban quản lý thường kỳ.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH của phòng thực hành, thực nghiệm và các trang thiết bị, tỷ lệ hài lòng của NH trên 90%; của cán bộ, GV trên 95% [H10.10.05.18]. Tuy nhiên, việc khai thác trang thiết bị ngoài giờ học của GV, NH còn hạn chế.

Điểm mạnh

Có đủ các phòng thực hành cho các ngành học. Các phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị máy tính, phần mềm, phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hệ số sẵn sàng phục vụ đào tạo và NCKH.

Điểm tồn tại

Việc khai thác trang thiết bị ngoài giờ học của GV, NH còn hạn chế. Các phòng còn nhỏ, trang thiết bị cũ, chưa hiện đại

Kế hoạch hành động

Trong năm 2022, khoa xây dựng kế hoạch khai thác trang thiết bị ngoài giờ học tại trung tâm thực hành, thực nghiệm. Cần trang bị máy tính, phần mềm tiên tiến hơn phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Xây dựng phòng thực hành thực nghiệm hiện đại, đầy đủ tiện nghi hơn

Tự đánh giá: đạt, mức 4/7.

Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu).

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường trang bị hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ GV, NH trong hoạt động đào tạo và NCKH. Hiện tại, toàn trường có hơn 200 máy tính (trong đó khoa Kinh tế - Quản trị có 2 máy tính), 15 máy chủ; 48 điểm phát wifi; 4 đường truyền internet đường truyền tốc độ cao (1 đường truyền với tốc độ 200 Mbps; 3 đường truyền với tốc độ 80 Mbps) để phục vụ cán bộ, GV, SV giảng dạy, học tập và nghiên cứu. 100% máy tính đều được kết nối internet thông qua mạng LAN, wifi và sử dụng nhiều phần mềm như: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý giảng dạy, phần mềm thi trắc nghiệm,... Ngoài ra, Nhà trường còn trang bị các phần mềm dùng cho GV điều khiển và quản lý lớp, phần mềm phục vụ dạy và học ngoại ngữ; phần mềm kế toán MISA, IBM SPSS21, AmosGraphi, STATA16 [H10.10.05.04]. [H10.10.06.21]

Hệ thống CNTT có NV chuyên môn phụ trách để quản lý và thường xuyên sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật kịp thời đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H10.10.05.06], Giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã đầu tư 350 triệu đồng (năm 2021 là 285 triệu đồng) để cập nhật, nâng cấp hệ thống CNTT. Tuy nhiên, có thời điểm do nhu cầu sử dụng mạng internet, wifi của cán bộ, GV, NH cao nên hệ thống mạng internet hoạt động có lúc không ổn định.

Trong từng năm học Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, NH và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT, để từ đó có cơ sở cải tiến, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT nhằm hỗ trợ tốt hơn hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tỷ lệ hài lòng của GV, NV và NH trên 90% [H10.10.05.04]. [H10.10.06.15]

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT đã được Nhà trường ứng dụng mạnh mẽ và hỗ trợ tích cực, kịp thời, đáp ứng các hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Mạng wifi có thời điểm hoạt động không ổn định. Kết nối mạng wifi cho sinh viên sử dụng miễn phí và kết nối trong toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Quý I/2024, phòng Quản trị đề xuất kế hoạch nâng cấp đường truyền internet và bổ sung điểm truy cập wifi để phục vụ tốt hoạt động đào tạo, nghiên cứu học tập cho sinh viên và giảng viên

5. Tự đánh giá: đạt, mức 4/7.

Các tiêu chuẩn về y tế, môi trường sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn như:

Nội quy ra vào cơ quan; Nội quy quản lý các phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thực nghiệm, ký túc xá có lưu ý đến nhu cầu của của người khuyết tật. Xây dựng thực hiện quy định theo tiêu chí “5S”: S1-Sàng lọc, S2-Sắp xếp, S3-Sạch sẽ, S4-Sẵn sàng, S5-Sẵn sàng [H10.10.05.20].

Các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được Nhà trường triển khai thực hiện thông qua nhiều hoạt động:

Hàng ngày NV phục vụ duy trì nề nếp vệ sinh toàn bộ mặt bằng trước 7^h00’ buổi sáng và sau 17^h30’ buổi chiều. Ngoài ra, để tăng ý thức và trách nhiệm giữ gìn vệ sinh

môi trường nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn cho cán bộ, GV, NV, NH, Nhà trường giao khu vực tự quản cho các đơn vị và duy trì tổng vệ sinh vào chiều thứ Năm hàng tuần, ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường & Đô thị Hải Dương thu gom và vận chuyển rác thải về nơi tập kết, xử lý theo quy định. Hội đồng an toàn và vệ sinh lao động duy trì lịch kiểm tra an toàn vệ sinh lao động hằng ngày. Ban 5S duy trì kiểm tra, đánh giá 5S định kỳ hằng tháng nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh, qua đó giữ gìn vệ sinh và sức khỏe cho mọi người [H10.10.05.21]. Tuy nhiên, việc phân loại rác thải tại trường có lúc, có nơi chưa được thực hiện nghiêm túc.

Hoạt động trồng bổ sung, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh, cây cảnh, cây bóng mát đều có kế hoạch thực hiện hằng năm. Các công trình cũ, xuống cấp không đảm bảo an toàn được Nhà trường đầu tư cải tạo nâng cấp.[H10.10.06.22].

Nhà trường duy trì hoạt động của Trạm y tế để thường xuyên kiểm tra, thăm khám sức khỏe cho CB, GV, NH; 100% NH nhập học được kiểm tra sức khỏe; định kỳ hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho CBVC [H10.10.05.21].

Năm 2020, 2021 diễn ra dịch Covid-19, Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền và phòng chống dịch. Các việc đã thực hiện cụ thể là: Ban hành kế hoạch phòng, chống Covid -19; thành lập 03 tổ An toàn Covid-19, thực hiện khai báo y tế điện tử đối với toàn thể viên chức và NH; mua hàng trăm lít nước sát khuẩn, chung tay cùng các đơn vị, chính quyền địa phương phòng, chống dịch Covid-19; tổ chức tiêm vaccine phòng Covid-19 cho 100% viên chức và 99,2% NH

Công tác vệ sinh môi trường luôn gắn với công tác an toàn. Các công trình đều có hệ thống PCCC và được Công an PCCC tỉnh Hải Dương kiểm tra định kỳ. Hằng năm, các thành viên đội phòng cháy chữa cháy của Nhà trường đều tham gia luyện tập, diễn tập theo kế hoạch của Công an tỉnh Hải Dương.

Trong từng năm học đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường, sức khỏe và an toàn. Tỷ lệ hài lòng của NH hằng năm đều trên 90%; của cán bộ, GV, NV trên 95% [H10.10.05.22]. [H10.10.05.23]. [H10.10.05.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường học tập, giảng dạy và NCKH xanh, sạch, đẹp; đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CB, VC và NH; mọi hoạt động được tổ chức trong điều kiện an toàn tuyệt đối.

3. Điểm tồn tại

Việc phân loại rác thải tại khu vực KTX và toàn trường chưa được thực hiện triệt để. Kiểm tra công tác vệ sinh phòng học và khu vệ sinh toàn trường sạch hơn nữa.

5. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, phòng Hành chính - Quản trị chủ trì và phối hợp Đoàn Thanh niên/Hội Sinh viên tuyên truyền, kiểm tra việc phân loại rác thải; bổ sung thùng rác 02 ngăn để phân loại rác, và tăng cường đôn đốc nhắc nhở bộ phận vệ sinh sạch sẽ hơn.

Tự đánh giá: đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo Nhà trường đã triển khai đồng bộ các giải pháp trong quản lý, tổ chức hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và thường xuyên được cải tiến nhằm đạt mục tiêu giáo dục và nhu cầu xã hội. Các giải pháp đã triển khai gắn liền với việc đổi mới nội dung CTDH, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT, tăng cường hoạt động NCKH, thường xuyên nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH.

Các hoạt động nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ, có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong KTĐG, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Công tác ĐBCL, cải tiến chất lượng luôn được Nhà trường quan tâm, các hoạt động này giúp đảm bảo CTDH được thiết kế khoa học, tương thích và phù hợp với CĐR tạo được sự tin tưởng của NH cũng như các bên liên quan.

Chương trình Đào tạo (CTĐT) và chương trình dạy học (CTDH) là yếu tố quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo sinh viên của Nhà trường nói chung và sinh viên ngành QTKD nói riêng. Từ năm 2018 đến năm 2023, CTĐT, CTDH ngành Quản trị kinh doanh đã được rà soát 3 lần là năm 2018, 2022, 2023. Năm 2019, Nhà trường ra Quyết định về việc điều chỉnh nhóm học phần lý luận chính trị trong tất cả các ngành học trình độ đại học hệ chính quy khóa 9 và các khóa tiếp theo tại trường Đại học Hải Dương trong đó có ngành Quản trị kinh doanh [H10.10.01.01]. Để có thể xây dựng và phát triển CTDH cho sinh viên ngành QTKD theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn và nâng cao năng

lực, kỹ năng cho người học, Trường Đại học Hải Dương và Khoa KTQT đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm: sinh viên năm cuối, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng và nhà khoa học.

Về khảo sát sinh viên do Khoa KTQT tiến hành khảo sát hàng năm đối với sinh viên ngành QTKD năm cuối trước khi ra trường. Nội dung khảo sát chú trọng nhiều đến CTĐT, CTDH. Các phiếu khảo sát được gửi trực tiếp cho sinh viên. Thông thường Khoa sẽ tiến hành gửi phiếu khảo sát đến sinh viên vào học kỳ 2 của năm học cuối. Bên cạnh đó, **Khoa cũng xây dựng mạng lưới liên kết** với sinh viên bằng các công cụ mạng xã hội như nhóm zalo để trao đổi với sinh viên về CHDH, về học tập và các hoạt động của Khoa [H10.10.01.02]. [H10.10.06.18] [H10.10.06.17], [H10.10.06.10] ;[H10.10.06.08], [H10.10.06.02] [H10.10.06.05]

Về khảo sát ý kiến của cựu sinh viên do Phòng Công tác học sinh sinh viên thực hiện hàng năm sau khi sinh viên ra trường và đi làm. Phiếu điều tra được gửi trực tiếp hoặc qua mail cho cựu sinh viên. Ngoài ra, các thầy cô trong khoa Kinh tế - Quản trị cũng luôn duy trì liên lạc với cựu sinh viên của Khoa để lắng nghe, trao đổi với các em những kiến thức, kinh nghiệm và thực tế để từ đó góp phần xây dựng và phát triển CTĐT, CHDH phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của các em sau khi ra trường. [H10.10.01.03]. [H10.10.06.09].

Khảo sát nhà tuyển dụng thường được Nhà trường và khoa Kinh tế - Quản trị tiến hành trước khi tiến hành rà soát làm căn cứ để phát triển CTĐT, CTDH [H10.10.01.04]. Bên cạnh đó Khoa cũng xin ý kiến của các nhà khoa học cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học nhận xét, phản biện về CTĐT, CTDH, tiến hành lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên của Khoa, Nhà trường và tổng hợp những góp ý của đại diện doanh nghiệp qua những buổi tọa đàm với sinh viên của Khoa để làm cơ sở bổ sung, hoàn thiện, phát triển CTĐT, CTDH [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. [H10.10.01.07]. [H10.10.06.20] [H10.10.06.02]

Các hoạt động khảo sát của Nhà trường, Khoa, Phòng đều dựa trên những quy định, sự hướng dẫn của Nhà trường và có kế hoạch cụ thể. Kết quả khảo sát đều được tổng hợp bằng các bản báo cáo, được Khoa và Nhà trường phân tích để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. [H10.10.06.16]

Kết quả khảo sát của các bên liên quan cho thấy: CTĐT, CTDH ngành Quản trị kinh doanh về cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội, chuẩn đầu ra của ngành được xác định khoa học, phù hợp với nhu cầu thực tế và sinh viên có khả năng đạt được. Sinh viên ra trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó các ý kiến đề xuất bổ sung, điều chỉnh CTĐT, CTDH tập trung vào việc giảm bớt số tín chỉ, giảm giờ giảng lý thuyết và tăng giờ học thực hành trong các học phần; giảm các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương, đồng thời tăng các kiến thức nghề nghiệp và các kiến thức, kỹ năng đáp ứng với nhu cầu thực tế nghề nghiệp. Những kết quả khảo sát đó luôn được Khoa KTQT lưu giữ và được coi là thông tin quan trọng để thực hiện rà soát CTĐT, CTDH.

Về đề cương các học phần trong CTDH cũng luôn được giảng viên cập nhật kiến thức mới, kiến thức thực tế phù hợp với nhu cầu của xã hội và người học. Cùng với việc rà soát, phát triển CTĐT, CTDH, Khoa cũng tiến hành rà soát đối với từng học phần trong CDDH qua các buổi họp chuyên môn, qua hội đồng thẩm định đề tài khoa học cấp Khoa hàng năm [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của nhiều bên liên quan để tiến hành rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi được tiến hành thường xuyên và được dựa trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Nhà trường; được lập kế hoạch và tổng hợp kết quả để làm căn cứ điều chỉnh, phát triển qua mỗi lần rà soát CTĐT, CTDH. Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của nhiều nhà khoa học, người sử dụng lao động để thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp trong nước và DN có vốn đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện nhiều.

Quy mô khảo sát còn ít. Đối với khảo sát sinh viên năm cuối của Đại học liên thông chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Tháng 3/2024, Khoa chủ trì phối hợp với phòng QLĐT, ĐBCLTT tiếp tục xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó tăng số lượng các doanh nghiệp trong nước và DN có vốn đầu tư nước ngoài làm căn cứ thiết kế, phát triển CTDH.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa sẽ phối hợp với Phòng công tác Học sinh sinh viên, Phòng Đảm bảo Chất lượng - Thanh tra tiếp tục xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó sẽ tăng quy mô khảo sát các doanh nghiệp, cựu sinh viên, các nhà khoa học để làm căn cứ thiết kế, phát triển CTĐT, CTDH của ngành Quản trị kinh doanh.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Nhà trường và Khoa KTQT, Bộ môn QTKD thường xuyên nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ học tập. Nhờ vậy, SV đã tích cực tham gia hoạt động học tập

SV sau khi tốt nghiệp ra trường cơ bản có việc làm trong nhiều lĩnh vực cả khối tư nhân và Nhà nước. Đảm bảo yêu cầu cũng như kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của SV khối ngành QTKD

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, kết quả tự đánh giá cả 6 tiêu chí đạt, trong đó 6 tiêu chí đạt 4/7

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD đại học. Do đó, Trường Đại học Hải Dương cũng như Khoa Kinh tế - Quản trị rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng bài NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động học tập của người học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định Bộ GD & ĐT và quy định của Trường Đại học Hải Dương. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, tỷ lệ tốt nghiệp. Trong đó, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học (*nay là Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế*) làm đầu mối triển khai, các đơn vị phối hợp gồm Phòng ĐBCL&TT, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm và các khoa.

Tại Trường Đại học Hải Dương, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Quản trị kinh doanh được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống CVHT, Khoa Kinh tế - Quản trị, Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm được quản lý, giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường công bố trong Báo cáo công tác đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.02].

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế đã thực hiện giám sát thông qua nhiều hình thức: Sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, lịch dạy và học hàng tuần, từng kỳ; kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc học phần. Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành năm 2012, 2020, 2021 và 2023 [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], trong đó quy định về việc đăng ký học phần, học lại, học cải thiện điểm, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học. Đồng thời, vào đầu mỗi kỳ học, Nhà trường phối hợp với các Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, Khoa tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” để phổ biến quy chế đào tạo đến toàn thể SV cũng như giải đáp các thắc mắc của SV liên quan đến học tập, rèn luyện, trong đó có các quy định về tốt nghiệp, thôi học để SV nắm được các quy chế đào tạo, yêu cầu về kết quả học tập trong mỗi kỳ học cũng như quy trình, cách thức đánh giá kết quả học tập, các quy định về quy trình xét thôi học, các quy định, quy trình về công nhận tốt nghiệp, và các quy định khác có liên quan đến SV.

Dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên là cơ sở để Nhà trường xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của sinh viên ngành quản trị kinh doanh và kết quả học tập của sinh viên được cập nhập thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp sinh viên theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách sinh viên bị cảnh báo học tập và thôi học được cập nhập theo năm học và được lưu tại Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế, phòng Công tác sinh viên - Việc làm [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]

Hàng năm, Nhà trường tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế là đầu mối

cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, giáo vụ khoa phối hợp với CVHT kiểm tra thông tin, xác nhận với Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai đồng thời gửi về Khoa và các phòng ban có liên quan [H11.11.01.09]. Theo kết quả thống kê sinh viên các khóa học từ năm 2018 đến năm 2023, thông tin về tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Bảng 2.6.

Bảng 2.6: Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % người thôi học trong thời gian			
		3 năm	4 năm	> 4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2018-2019	36	0%	33,3 %	13,9%	11,1%	8,3%	2,8%	0%
2019-2020	28	0%	53,6%	17,9%	14,3%	3,6%	0,0%	0%
2020-2021	22	0%	63,6%	0,0%	9,1%	9,1%	0,0%	0%
2021-2022	23	0%	39,1%	8,7%	4,3%	4,3%	8,7%	0%
2022-2023	31	0%	61,3%	3,2%	3,2%	3,2%	0,0%	0%

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Tỷ lệ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào của Nhà trường giữ ở mức ổn định có tỷ lệ trung bình là 58,9% và tỷ lệ Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tốt nghiệp đúng hạn giao động từ 33,3% đến 63,6% và có xu hướng tăng. Tỷ lệ thôi học các khóa dao động từ 12,9% đến 22,2% và tỷ lệ thôi học hằng năm có xu hướng giảm.

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế đã thống kê nguyên nhân thôi học, nghỉ học của sinh viên và thông qua số liệu thống kê cho thấy SV thôi học chủ yếu là vào hai năm đầu tiên của khóa học, các nguyên nhân thôi học bao gồm: Sinh viên thôi học vì lí do cá nhân, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, đi du học hoặc do hoàn cảnh gia đình,

bị buộc thôi học do kết quả học tập.

Theo báo cáo tổng kết năm học của trường, khoa [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], cho thấy sinh viên chậm tốt nghiệp hơn so với thời gian quy định phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Hàng năm, tỷ lệ sinh viên ngành quản trị kinh doanh tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Để giám sát tỷ lệ thôi học của sinh viên Nhà trường đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng của sinh viên [H11.11.01.12] và liên hệ với đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ lớp thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên để tư vấn, cảnh báo sinh viên có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của sinh viên; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp đỡ sinh viên cải thiện kết quả học tập, rèn luyện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2018 - 2023 của sinh viên ngành quản trị kinh doanh với các CTĐT khác của Nhà trường được trình bày ở Bảng 2.7.

Bảng 2.7: Bảng đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học ngành quản trị kinh doanh với các ngành trong 5 năm gần đây

Năm học	Quản trị kinh doanh		Kế toán		Tài chính ngân hàng		Ngôn ngữ anh	
	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)
2018 - 2019	47,2	22,2	70,4	17,6	57	21,7	-	-
2019 - 2020	71,4	17,9	67,6	18,0	64	18,2	-	-
2020 - 2021	63,6	18,2	68,5	16,7	50	25	100	0
2021 - 2022	47,8	21,7	80	10,7	8	0	42,9	28,6
2022 - 2023	64,5	12,9	69,6	16,1	50	25	100	0

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, phòng Công tác SV - Việc làm)

Kết quả đối sánh cho thấy: Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành quản trị kinh doanh thấp hơn các ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Ngôn ngữ anh. Tỉ lệ sinh viên thôi học ngành quản trị kinh doanh gần tương đồng với các ngành khác nhưng tỉ lệ thôi học vẫn còn cao, SV thôi học chủ yếu là vào hai năm đầu tiên của khóa học do SV không

thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTĐH, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, đi du học hoặc do hoàn cảnh gia đình. Tình hình SV tốt nghiệp, thôi học được giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh định kỳ hằng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới.

Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến để làm giảm tỷ lệ thôi học của SV. Cụ thể tăng cường sự quan tâm, động viên, giám sát của cố vấn học tập và Phòng CTSV - VL thông qua các buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động tập thể. Trao học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, sinh viên có kết quả học tập cao hằng năm để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.13]. Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho người học. Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp sinh viên xác định đúng đắn động cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu năm học [H11.11.01.14].

Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tọa đàm với SV nhằm hỗ trợ, định hướng học tập cho SV, thực hiện khảo sát về tình hình việc làm, phối hợp với Hội SV và các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm nhằm giúp SV đang học vững tin hoàn thành CTĐT và SV đã tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm ngay khi ra trường [H11.11.01.15]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT, thiết lập, cải tiến các phương pháp quản lý kết quả học tập của SV, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập.

2. Điểm mạnh

Khoa, Phòng CTSV - VL, cố vấn học tập, Đoàn thanh niên và Hội SV luôn giám sát, cập nhật tình hình SV (đặc biệt là SV thuộc diện khó khăn, có kết quả học tập yếu kém, sinh viên nghỉ học nhiều) thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác nhằm có sự trao đổi tư vấn để có hướng giải quyết phù hợp giúp làm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa mới chỉ thực hiện đối sánh với các ngành khác trong Nhà trường về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học mà chưa đối sánh với các trường khác chưa thực hiện được. Bên

cạnh đó Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV, giúp SV có thể tra cứu kết quả học tập của mình qua mạng Internet.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Khoa sẽ tìm hiểu và thực hiện việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác để có những biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình hoàn thành CTĐT của SV.

Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý SV và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV để việc theo dõi tình hình học tập và tra cứu kết quả học tập của SV được dễ dàng, kịp thời hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Từ năm học 2012 - 2013, Nhà trường đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ đại học. Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hải Dương [H11.11.02.01] và Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh [H11.11.02.02], CTĐT ngành quản trị kinh doanh trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường có thời gian học chuẩn là 4 năm và tối đa là 8 năm. CTĐT ngành Quản trị kinh doanh có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng nguyện vọng học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm trước thời hạn. Tuy nhiên qua quá trình trường triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có sinh viên tốt nghiệp sớm.

Nhà trường áp dụng chuẩn đầu ra tin học, tiếng Anh đối với sinh viên kể từ khóa tuyển sinh năm 2014, yêu cầu SV tốt nghiệp phải có trình độ ngoại ngữ chuẩn A2 theo khung tham chiếu Châu Âu; Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B theo chương trình tin học ứng dụng do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành [H11.11.02.03].

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-ĐHHD ngày 25/01/2019 [H11.11.01.04]. Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời

gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành quản trị kinh doanh được trình bày Bảng 2.8.

Bảng 2.8: Bảng thời gian tốt nghiệp trung bình của Sinh viên ngành quản trị kinh doanh theo khóa học giai đoạn 2018 - 2023

Năm học	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	Trung bình
Thời gian tốt nghiệp	4.26	4.44	3.85	3.75	4.05	4.07

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)

Theo số liệu thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành quản trị kinh doanh là 4.07 năm, so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học. Trong đó Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế là đầu mối theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của người học, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỉ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

Trên cơ sở số liệu SV tốt nghiệp Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành quản trị kinh doanh với thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các ngành khác trong Nhà trường, cụ thể tại Bảng 2.9.

Bảng 2.9: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành quản trị kinh doanh với các ngành đào tạo khác theo khóa học giai đoạn 2018 - 2023

Năm tốt nghiệp	Quản trị kinh doanh	Kế toán	Tài chính ngân hàng	Ngôn ngữ anh
2018 - 2019	4,26	4,25	4,11	-
2019 - 2020	4,44	4,21	-	-
2020 - 2021	3,85	3,90	3,75	3,75
2021 - 2022	3,75	3,73	3,94	3,83
2022 - 2023	4,05	3,95	3,75	4,0
Trung bình	4,07	4,01	3,89	3,86

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)

Tại Bảng 2.9 cho thấy kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh cao hơn các ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, ngôn ngữ anh và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh các

khóa dao động từ 3,75 đến 4,44 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình cao hơn thời gian thiết kế 1 tháng, sự khác biệt này là không nhiều gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT.

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV thông qua bảng thống kê các môn học có nhiều SV không đạt các môn học trong CTĐT ngành quản trị kinh doanh [H11.11.01.05]. Theo kết quả phân tích từ Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế và Khoa, số SV tốt nghiệp muộn có nguyên nhân chủ yếu do nhiều SV nợ các học phần trong CTĐT, cùng các nguyên nhân khác như không đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, không có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, nợ học phí; một số do hoàn cảnh cá nhân, mãi đi làm thêm, chưa biết lập kế hoạch học tập nên thời gian tốt nghiệp bị chậm.

Từ các phân tích trên, Khoa cùng các đơn vị trong trường đề xuất các giải pháp để giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian học tập, cụ thể như sau:

- Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đã cảnh báo tới từng SV bị chậm tiến độ, SV còn nợ môn học để nắm thông tin và hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H11.11.02.06].

- Tổ chức học kỳ phụ trong từng năm học và mở lớp học lại, học cải thiện điểm vào học kỳ chính và học kỳ phụ (Học kỳ hè) để SV có thể đăng ký học lại những môn chưa đạt, học cải thiện điểm hoặc đăng ký học vượt rút ngắn thời gian học tập. Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Nhà trường và nhu cầu của SV mà trường tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ phụ), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập, tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu hết SV các khoa, các ngành đào tạo trong trường. Đồng thời, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm tư vấn sát sao đăng ký học lại của SV.

- Trường tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1 vào tháng 12, kỳ 2 vào tháng 8 hàng năm) và 02 kỳ tốt nghiệp phụ theo từng năm học sau khi SV hoàn thành học kỳ hè để cải thiện điểm hoặc học lại các môn học chưa đạt [H11.11.02.09]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của sinh viên, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT sau khi hoàn thành các học phần chưa đạt.

- Trong các báo cáo tổng kết năm học của Khoa Kinh tế - Quản trị hàng năm, các giảng viên cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.10].

- Căn cứ quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV được áp dụng từ khoá 2014, Trường phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ tổ chức các chương trình đào tạo tiếng Anh, tin học tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ [H11.11.02.11], [H11.11.02.12] nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn ngành quản trị kinh doanh để hỗ trợ chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường đã thông báo sớm kế hoạch đào tạo học kỳ tiếp theo để SV bố trí sắp xếp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho hệ thống cố vấn học tập để quản lý, theo dõi và hướng dẫn SV chậm tiến độ. Đồng thời Nhà trường cũng xem xét, điều chỉnh quy định về công tác CVHT cho phù hợp với việc quản lý SV trong thời kỳ chuyển đổi số [H11.11.02.13].

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường được khoa, Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế và trường chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành quản trị kinh doanh. Tại trường, SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp theo quy định bằng việc căn cứ trên quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường cùng với đó là có thể lấy ý kiến tư vấn từ CVHT, và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế để đăng ký học vượt, học tự nguyện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu của CTĐT ngành quản trị kinh doanh [H11.11.02.14].

Mặc dù Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. Đồng thời, Nhà trường cũng chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành kế toán.

2. Điểm mạnh

Hầu hết SV ngành quản trị kinh doanh có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các Cố vấn học tập thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV kịp thời nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Với chuẩn đầu ra môn ngoại ngữ và tin học, Trường chủ động tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy vẫn còn một số SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường. Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành quản trị kinh doanh theo chương trình học chế tín chỉ (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành quản trị kinh doanh đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV chưa tự tin đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Khoa KT-QT cùng với Phòng Đào tạo – Hợp tác quốc tế, Phòng CTSV - VL, cố vấn học tập sẽ tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.

Phát huy tối đa vai trò của cố vấn học tập trong việc theo dõi, hướng dẫn, giám sát và tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để SV ra trường đúng tiến độ. Đồng thời tăng cường tương tác thông tin với SV qua các kênh thông tin chính thức của Khoa và Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng CTĐT là tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của Nhà trường cũng như của Khoa Kinh tế - Quản trị. Đồng thời chỉ tiêu này cũng phản ánh mức độ chủ động của người học trong việc tìm kiếm việc làm và định hướng nghề nghiệp trong quá trình học.

Phòng Công tác sinh viên - Việc làm là đơn vị được giao nhiệm vụ, trách nhiệm về việc theo dõi, giám sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, thể hiện

trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc trường [H11.11.03.01], tại Mục 4: Phòng Công tác sinh viên, Điều 14. Nhiệm vụ quyền hạn, Khoản 24, quy định “Quản lý và thường xuyên cập nhật danh sách, địa chỉ, nơi công tác, chức vụ của cựu sinh viên. Phối hợp với các đơn vị có quản lý sinh viên tăng cường mối quan hệ với cựu sinh viên, học viên...”. Hàng năm, Phòng CTSV - VL với Khoa triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của SV sau một năm tốt nghiệp [H11.11.03.02].

Để thường xuyên giữ mối liên hệ với các khóa sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, đặc biệt là sinh viên vừa tốt nghiệp để theo dõi tình hình việc làm của sinh viên. Phòng Công tác sinh viên - Việc làm phối hợp với khoa Kinh tế - Quản trị thiết lập mạng lưới thu thập thông tin qua các kênh: Phối hợp với chủ nhiệm, cố vấn học tập các lớp lập danh bạ điện thoại cựu sinh viên và gọi điện trực tiếp cho các em để khảo sát [H11.11.03.03]; Lập nhóm zalo lớp trưởng, bí thư các lớp sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H11.11.03.04], xây dựng mẫu biểu khảo sát qua Google docs để các lớp trưởng, bí thư chuyển cho các sinh viên lớp mình thực hiện khảo sát, kết quả sẽ được Phòng CTSV - VL tổng hợp lại.

Từ nguồn dữ liệu khảo sát, Phòng CTSV - VL xử lý dữ liệu, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của SV và công khai trên website của Trường. Toàn bộ dữ liệu về khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm được lưu trữ tại Phòng CTSV - VL [H11.11.03.05].

Hàng năm, Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh với các ngành kinh tế khác trong Trường, kết quả cho thấy, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Khoa tương đối cao so với các ngành được so sánh và cao hơn mức trung bình của toàn trường qua các năm từ 2019 đến 2023. Chỉ riêng trong năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid - 19 trên phạm vi toàn cầu khiến các doanh nghiệp hoạt động khó khăn, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có việc làm chỉ đạt 40,91%. Các năm còn lại trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ sinh viên có việc làm đều đạt từ 90% trở lên. Hầu hết SV tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của trường làm đúng chuyên ngành mà mình được đào tạo [H11.11.03.06]. Cụ thể như sau:

- Năm 2019: có 80% sinh viên ngành Quản trị kinh doanh làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2020: có 88,9% sinh viên ngành Quản trị kinh doanh làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2021: có 80% sinh viên ngành Quản trị kinh doanh làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2022: có 97% sinh viên ngành Quản trị kinh doanh làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2023: có 100% sinh viên ngành Quản trị kinh doanh làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

Từ những số liệu phân tích trên có thể thấy rằng người học tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hải Dương có năng lực nghề nghiệp và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Về khu vực làm việc của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, chủ yếu các em làm việc trong khu vực tư nhân (Năm 2019: 80%, Năm 2020: 55,56%, Năm 2021: 86,7%, Năm 2022: 86%, Năm 2023: 95%). Điều này xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam ngày càng chuyển dịch mạnh mẽ theo cơ chế thị trường, số lượng công ty nhà nước ngày càng thu hẹp và thay vào đó là sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp TNHH, công ty cổ phần. Vì vậy, việc người học tham gia nhiều vào khu vực này là phù hợp.

Bảng 2.10: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành Quản trị kinh doanh so với các ngành kinh tế khác trong Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) người tốt nghiệp có việc làm				
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Quản trị kinh doanh	100%	40.91%	88.89%	100%	100%
Kế toán	86.02%	70.09%	91.53%	93.81%	76.19%
Kinh tế	71.43%	100%	100%	100%	-
Quản trị DV du lịch và lữ hành	100%	-	-	100%	100%
Toàn trường	83.50%	66.67%	90.73%	95.06%	97.02%

(Nguồn: Số liệu của Phòng Công tác sinh viên - Việc làm)

Khoa thường xuyên giữ mối liên hệ với các khóa SV đã tốt nghiệp ra trường, đặc biệt là SV vừa tốt nghiệp để theo dõi tình hình xin việc làm của SV. Đối với những SV chưa có việc làm hoặc làm việc chưa đúng với chuyên ngành được đào tạo Khoa sẽ tìm

hiểu nguyên nhân và có những hỗ trợ nhất định trong tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó Khoa và Nhà trường thường xuyên liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là SV tốt nghiệp của Khoa để tiếp nhận phản hồi, nhận xét, đánh giá khả năng làm việc, vận dụng chuyên môn được đào tạo vào công việc thực tế [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Từ đó Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT. Trong CTĐT các ngành học, Nhà trường đã đưa một số học phần chứa đựng những nội dung rèn luyện các kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng xin việc làm, kỹ năng viết đơn xin việc làm, như học phần: Kỹ năng giao tiếp. Để cho sinh viên được trải nghiệm thực tế, tự tin với công việc Nhà trường đã đưa học phần Thực tế cơ sở ngành trong CTĐT các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị dịch vụ, du lịch và lễ hành, Quản trị văn phòng, Công nghệ thông tin [H11.11.03.09]

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm [H11.11.03.10]. Nhà trường đã và đang xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, không những tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế, thực tập, trải nghiệm thực tế gắn lý thuyết với thực hành, còn hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên, như hợp tác với Công ty An phát Holding, Công ty TNHH Nông nghiệp HT Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH Việt nam Toyo Denso, Công ty cổ phần kinh doanh KYOKAWA. [H11.11.03.11]

Nhằm hỗ trợ cho sinh viên có điều kiện thuận lợi để rèn luyện, nâng cao các kỹ năng mềm, tạo cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp Nhà trường đã thành lập nhiều trung tâm, như:

- Trung tâm Tin học đào tạo cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin căn bản và nâng cao theo chuẩn quốc gia, các kỹ năng sử dụng những phần mềm phổ biến theo nhu cầu thực tế của xã hội [H11.11.03.12];

- Trung tâm Dịch vụ Quản trị - Du lịch, bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn kỹ năng khởi nghiệp [H11.11.03.13];

- Trung tâm Kế toán - Tài chính đào tạo các lớp ngắn hạn về Kế toán căn bản; Kế toán nâng cao; Kế toán máy; Kế toán thuế; cấp chứng chỉ Kế toán trưởng doanh nghiệp và Kế toán trưởng hành chính sự nghiệp [H11.11.03.14];

- Trung tâm Khởi nghiệp và Phát triển kỹ năng xã hội, bồi dưỡng các chương trình đào tạo kỹ năng xã hội và cung cấp các dịch vụ đào tạo kỹ năng và mô hình khởi nghiệp, các dịch vụ tham vấn - tư vấn tâm lý [H11.11.03.15];

- Trung tâm Ngoại ngữ, bồi dưỡng các chương trình ngoại ngữ ngắn hạn cho các đối tượng xã hội có nhu cầu [H11.11.03.16].

Trường Đại học Hải Dương đã thiết kế và duy trì hoạt động thường xuyên trang thông tin việc làm sinh viên trên website tại đường link: Website <http://www.uhd.edu.vn> [H11.11.03.17].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm của ngành Quản trị kinh doanh được khoa và Phòng CTSV - SV xác lập và giám sát hàng năm. Tỉ lệ có việc làm của SV ngành Quản trị kinh doanh tương đối ngang bằng so với các ngành kinh tế khác trong trường. Nhà trường có nhiều giải pháp thiết thực hỗ trợ việc làm cho SV. Công tác khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp được thực hiện có hiệu quả, nguồn dữ liệu tin cậy và chính xác. Có nhiều doanh nghiệp hợp tác hỗ trợ nhà trường về việc làm cho SV.

3. Điểm tồn tại

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành Quản trị kinh doanh chấp nhận làm trái nghề sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là những bạn SV mới ra trường. Dù đã được Nhà trường và Khoa quan tâm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm tuy nhiên vẫn còn một số SV vẫn chưa có kế hoạch cá nhân, chưa thực sự nỗ lực cũng như định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng. Do đó những SV này vẫn gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Dữ liệu khảo sát, thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện việc lưu trữ phân tích dữ liệu SV tốt nghiệp có việc làm để đưa ra các giải pháp thiết thực hơn với người học.

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường và Khoa thực hiện tốt việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; Thường xuyên kết nối, khảo sát CBLQ để thu thập, phân tích nguyên nhân SV chưa có việc làm từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động NCKH của SV là hoạt động trí tuệ giúp SV vận dụng phương pháp luận và phương pháp NCKH một cách tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với SV khi còn ngồi trên ghế nhà trường, ở Trường Đại học Hải Dương các hoạt động NCKH được tổ chức thực hiện theo đúng thông tư 22/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT và nghị định 109/2022/NĐ-CP **[H11.11.04.01]**.

Trường Đại học Hải Dương có bộ phận chuyên trách quản lý KHCN, tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện CSVC, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà **[H11.11.04.01]**.

Hoạt động NCKH của SV luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và Khoa Kinh tế - Quản trị. Các GV và SV khi tham gia NCKH SV đều có rất nhiều quyền lợi như: Về giờ giảng đối với GV, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu đối với SV... **[H11.11.04.02]**

Khoa Kinh tế - Quản trị có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, tham gia hướng dẫn SV thực hiện tốt hoạt động NCKH **[H11.11.04.03]**.

Hoạt động NCKH SV được nhà trường quy định rất cụ thể và chi tiết trong kế hoạch về hoạt động khoa học của Trường ĐHHĐ **[H11.11.04.03]**. Cụ thể như sau: Hàng năm, căn cứ vào thông báo của Phòng KH CNTTTV, các Khoa cho SV đăng ký đề tài NCKH và giao cho các GV trực tiếp hướng dẫn các nhóm SV thực hiện **[H11.11.04.04]**. Các đề tài NCKH SV được khuyến khích thực hiện dưới nhiều hình thức: đề tài nghiên cứu, đề tài thực nghiệm, đề tài dự thi khởi nghiệp, hội thi sáng tác Video kỷ niệm...

Phòng KH CNTTTV lập dự toán kinh phí hoạt động KH&CN **[H11.11.04.05]**, các đề tài sẽ được thực hiện nghiệm thu, đánh giá, khen thưởng theo đúng quy định **[H11.11.04.06]**.

Hiện nay, Khoa và Nhà trường đã thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất

lượng cũng như tính đa dạng của các hoạt động NCKH...[H11.11.04.07], [H11.11.04.08]

Kết quả NCKH của SV ngành QTKD từ năm 2018 - 2022 được thể hiện trong Bảng số liệu 11.4.1:

Bảng 2.11: Thống kê số lượng công trình NCKH SV ngành QTKD được giao và hoàn thành trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng công trình được giao	Số SV tham gia	Tỉ lệ (%) trên tổng số SV
2018-2019	2	2	2.99%
2019-2020	2	2	2.74%
2020-2021	2	2	2.60%
2021-2022	2	2	2.02%
2022-2023	2	2	1.90%
Tổng số	10	10	2.45%

Bảng 2.11 cho thấy tỉ lệ (%) trên tổng số SV tham gia NCKH có xu hướng tăng qua các năm. Bình quân trong 5 năm gần đây, trung bình có 2,45% SV ngành QTKD tham gia NCKH SV. Nếu đem đối sánh với ngành QTKD của trường Đại học Sao Đỏ thì thấp hơn [H11.11.04.10].

Kết quả NCKH của SV ngành QTKD được ghi nhận trong quyết định về việc tặng giải thưởng của trường [H11.11.04.09].

2. Điểm mạnh

Quy trình về hoạt động NCKH SV được thực hiện rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi và động lực để khuyến khích SV tích cực tham gia.

SV tham gia NCKH với đa dạng đề tài, bao trùm nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía nhà trường cũng như giáo viên hướng dẫn.

Các đề tài tuy chưa nhiều nhưng rất sát với thực tiễn doanh nghiệp, địa phương và một số chủ thể khác, phục vụ hữu ích cho các đơn vị nghiên cứu và đưa vào thực hiện.

Bộ môn, Khoa và Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH.

Các dự án Khởi nghiệp đạt giải cao ở cấp quốc gia, được nhiều doanh nghiệp lựa chọn để đầu tư và phát triển.

3. Điểm tồn tại

Tuy chất lượng các đề tài NCKH SV ngày càng cao nhưng về số lượng thì chưa nhiều, không ổn định qua các năm, phần nào có xu hướng giảm dần do khó khăn về kinh phí và cũng do lượng SV các khóa biến động liên tục. Ngoài ra, kỹ năng NCKH của SV ngành QTKD nhìn chung còn chưa cao, cùng với sự không tự tin vào bản thân có thể tham gia hoạt động NCKH,... là những nguyên nhân dẫn đến các hoạt động NCKH ở SV ngành QTKD biến động liên tục, có thời điểm giảm xuống số lượng rất ít.

Việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH cùng ngành QTKD của Nhà trường với người học cùng ngành của các CSGD trong nước chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tăng cường khuyến khích SV tham gia NCKH	Phòng KH CNTTTV Khoa KTQT	Từ tháng 9/2024
2	Tăng cường hơn nữa hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động NCKH của SV	Phòng KH CNTTTV Phòng TCKT	Từ tháng 9/2024
3	Khoa và phòng KH&HTQT thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV giữa các ngành học và với các trường đại học trong nước;	Phòng KH CNTTTV Khoa KTQT	Từ tháng 6/2024

Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của CBLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Việc đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu, với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTDH theo hướng tiếp cận năng lực, Nhà trường và Khoa KTQT đã không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như lắng nghe ý kiến từ các bên liên quan. Từ năm 2019 Nhà trường thành lập Hội đồng khảo sát đo lường sự hài lòng của người học [H11.11.05.01]; sau đó nhà trường đưa ra quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ viên chức và các bên liên quan của trường [H11.11.05.02]; và thực hiện khảo sát các bên liên quan tại Trường ĐHHD [H11.11.05.03]. Việc khảo sát được thực hiện một cách khách quan phương pháp dùng để khảo sát như: qua mạng xã hội, gửi phiếu khảo sát... Do thời gian triển khai ngắn

nên phương pháp lấy mẫu để khảo sát được sử dụng để ước lượng cho tổng thể [H11.11.05.04].

Khoa cũng rất tích cực tổ chức các buổi tạo đàm, chia sẻ của các bên liên quan như SV, giáo viên, cựu SV, doanh nghiệp... để lắng nghe ý kiến cũng như mong muốn của các bên liên quan, để từ đó có những điều chỉnh thích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H11.11.05.05].

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các bên liên quan như SV, cựu SV, giáo viên, nhà tuyển dụng... đều hài lòng với CTĐT, CDR, CSVC, phương pháp dạy và học của Nhà trường [H11.11.05.04], [H11.11.05.06].

Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTĐT. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương kịp thời và phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường, Khoa Kinh tế - Quản trị trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành và xã hội ngày càng được nâng lên, mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là động lực để Nhà trường và Khoa Kinh tế - Quản trị tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa, xứng đáng với nhiều phần thưởng danh giá, cao quý khác của Đảng và Nhà nước.

Hiện nay, ngành QTKD chưa có những dự đoán tỷ lệ mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, chưa phân tích xu hướng tăng/giảm mức độ hài lòng và chưa thực hiện việc đối sánh với các CTĐT khác trong trường và với các trường đại học trong nước và quốc tế về mức độ hài lòng của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa Kinh tế - Quản trị và BM QTDN ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

3. Điểm hạn chế

Hoạt động khảo sát các bên liên quan mới được phân công, giao nhiệm vụ thực hiện trong những năm gần đây nên số lượng khảo sát chưa thực sự cao và kết quả khảo sát thu về vẫn còn một số điểm thiếu tính khách quan.

Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng;

Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường đại học trong nước để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Chủ động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng, đảm bảo cập nhật thường xuyên	Phòng đảm bảo chất lượng - thanh tra Khoa KTQT	Từ tháng 6/2024
2	Phòng đảm bảo chất lượng – thanh tra liên tục cập nhật, điều chỉnh, xây dựng form mẫu khảo sát một cách sát sao nhất, đưa bộ câu hỏi vào đúng trọng tâm các mặt cần đánh giá.	Phòng đảm bảo chất lượng - thanh tra	Từ tháng 6/2024
3	Khoa và Nhà trường thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường đại học trong nước.	Phòng đảm bảo chất lượng - thanh tra Khoa Khoa KTQT	Từ tháng 6/2024

5. Tự đánh giá Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá đạt 4/7 điểm

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Nhà trường và Khoa KTQT, Bộ môn QTDN thường xuyên theo dõi, hỗ trợ hoạt động học tập và NCKH của SV. Nhờ vậy, đã có cải tiến kịp thời nên số lượng SV cảnh báo học vụ, thôi học giảm. SV tốt nghiệp sau 4 năm học đạt tỷ lệ cao với chất lượng tốt. SV đã tích cực tham gia hoạt động NCKH SV, tham gia các đề tài NCKH các cấp do Nhà trường quản lý.

SV sau khi tốt nghiệp ra trường cơ bản có việc làm trong nhiều lĩnh vực cả khối tư nhân và Nhà nước. Đảm bảo yêu cầu cũng như kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của SV khối ngành QTKD

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, kết quả tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt, trong đó 2 tiêu chí đạt 5/7 và 3 tiêu chí đạt 4/7

PHẦN III: KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành QTKD là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa KTQT cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt

động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành QTKD, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD.

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHHĐ, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa. CDR của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các YKPH từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; thể hiện rõ ma trận CDR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CDR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành QTKD.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành QTKD được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CDR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần trong CTDH được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện

rõ yêu cầu cần đạt của CĐR. CTDH ngành QTKD có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành QTKD, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành QTKD.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành QTKD được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CĐR. Các thiết bị thí nghiệm hiện đại được sử dụng trong các giờ thực hành đã giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng thực hành tốt nhất. Việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học được các GV thực hiện đều chú trọng tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa để thực hiện CTĐT ngành QTKD được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT; trong đó tỷ lệ GV có học hàm, học vị PGS, TS của Bộ môn Quản trị kinh doanh ở mức khá. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa và ngành QTKD theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ

định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV Bộ môn QTKD đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian và cả kinh phí. Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trong đó chú trọng kết quả NCKH, vì vậy kết quả thống kê những năm gần đây cho thấy số lượng các công bố khoa học của GV bộ môn trên các tạp chí trong danh mục ISI, SCOPUS ngày càng tăng.

1.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường. Ngoài ra, Trường có một cảnh quan xanh - sạch - đẹp vào hàng đầu các trường đại học trong nước; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của

Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành QTKD được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp và được bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng hoạt động thí nghiệm, hỗ trợ đào tạo, NCKH. Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDDT có lối đi riêng cho người khuyết tật.

1.10. Về nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường, dựa trên YKPH của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước. Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH và hỗ trợ các hoạt động khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo

kế hoạch hành động đã đặt ra. Phòng KT&ĐBCL của Trường luôn chú trọng đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến phương thức và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm tạo được hiệu quả và độ tin cậy cao.

1.11. Về kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành QTKD đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực cho tỉnh Hải Dương và một số tỉnh lân cận. Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành; thường xuyên tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật để trao đổi, định hướng nghiên cứu cho SV, nhất là SV năm thứ nhất. Nhà trường triển khai khảo sát trực tiếp và online YKPH từ các bên liên quan, qua đó thấy được mức độ hài lòng của người học, cựu người học, nhà tuyển dụng để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh và cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; CDR chưa được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động.

2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành QTKD còn thiếu; Việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. CTDH của một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất; CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển); số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học người học còn hạn chế. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần; hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm (do có một số học phần thỉnh giảng) dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng đến SV trong việc phúc tra điểm và đăng ký môn học, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

2.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế; tỷ lệ GV được đào tạo tại các cơ sở ngoài nước còn ít. Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng; số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

2.7. Về đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch, phát triển về chất lượng đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa phong phú và thường xuyên. Nhà trường chưa phân tích đề án việc làm thường xuyên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhân viên hợp lý; chưa có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành QTKD vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết, tính hàn lâm dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV, học viên sau đại học.

2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành QTKD chưa nhiều.

2.10. Về nâng cao chất lượng

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành QTKD chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực tỉnh Hải Dương. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng. Thời lượng thực hành trong CTĐT phù hợp; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên lựa chọn chưa nhiều. Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý. Các đề tài NCKH của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế. Các dịch vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn

học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành QTKD còn thiếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11. Về kết quả đầu ra

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo tín chỉ. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành QTKD làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa KTQT và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2019 - 2020 trở đi như sau:

3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

- Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH của ngành QTKD, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của

người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy YKPH từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng. Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hằng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

3.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Đề xuất Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm, ... nhằm đáp ứng CDR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CDR, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học. Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

3.4. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Đề nghị Trường có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học uy tín trên thế giới đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Khoa. Khoa thành lập các nhóm nghiên cứu để tiếp cận, đăng ký thực hiện các đề tài NCKH nhiều hơn nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và các tỉnh Đồng Bằng sông Hồng. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Đề nghị Trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV. Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng

hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận. Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng thêm các khu nhà làm việc, khu tự học để tạo môi trường làm việc, học tập thuận lợi hơn nữa cho GV và người học.

3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Hải Dương, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo, chương trình seminar, tọa đàm để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CDR của CTĐT. ... Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ

trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên ngành Quản trị kinh doanh; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường. Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội. Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của các CLB trong Khoa; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy có 49 tiêu chí đạt, 1 tiêu chí không đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Hải Dương**

Tên CTĐT: **Quản trị kinh doanh**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4.8	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4				4.42	7	100
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2				4				4.6	5	100
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5			5.0	5	100
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>										
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4				4.0	5	100
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4				4.0	6	100
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						

Tiêu chí 10.5			4						
Tiêu chí 10.6			4						
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3			4				4.4	5	100
Tiêu chí 11.4			4						
Tiêu chí 11.5			4						
Đánh giá chung Chương trình đào tạo							4.65	50	100

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2024



TS. Tạ Thị Thúy Ngân

PHỤ LỤC**Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/10 /2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013)

Tiếng Việt: Trường Đại học Hải Dương

Tiếng Anh: University of Hai Duong

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHHD

Tiếng Anh: UHD

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

5. Địa chỉ: Địa điểm 1: Khu đô thị phía Nam TP.Hải Dương - Xã Liên Hồng - TP. Hải Dương - T.Hải Dương

Địa điểm 2: Khu 8 - Phường Hải Tân - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

Địa điểm 3: 42 Nguyễn Thị Duệ - P. Thanh Bình - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại

E-mail: Website: uhd.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 1258/QĐ-TTgCP): 2011

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản trị

Tiếng Anh: Faculty of Economics and Management

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Bộ môn Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Department of Business Administration

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 2, Nhà A3, cơ sở 3 - Trường Đại học Hải Dương (Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, TP Hải Dương).

18. Số điện thoại liên hệ: Email: Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Khoa Kinh tế - Quản trị được thành lập (theo quyết định số 495/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Khoa Kinh tế - Quản trị

Khoa KTQT của Trường ĐHHD ngày nay tiền thân là Khoa Quản trị được thành lập từ năm 2003. Khoa đào tạo các ngành khối kinh tế trình độ cao đẳng gồm Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh. Đến năm 2011, trường được nâng cấp lên thành Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường ĐHHD theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2012, do yêu cầu phát triển của công tác đào tạo, ngày 03/5/2012 Bộ trưởng BGDĐT cho phép Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Qua nhiều lần chia tách, sáp nhập và đổi tên Khoa Kinh tế - Quản trị được thành lập theo QĐ số 486/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương trên cơ sở sáp nhập hoa và Trung tâm Khởi nghiệp. Khoa Kinh tế - Quản trị chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo 4 ngành học (Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị văn phòng, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành) trình độ đại học.

Tháng 6 năm 2023, sau khi sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương, theo Quyết định số 301/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương. Khoa KTQT quản lý và đào tạo 5 ngành bậc đại học chính quy gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị văn phòng và liên thông đại học, bằng thứ 2 đại học gồm Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh. Với chủ trương tăng quy mô đào tạo, mở rộng ngành nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Tháng 7 năm 2023, khoa được BGDDT cho phép đào tạo thêm ngành Marketing bậc đại học.

Sứ mệnh của Khoa KTQT là đào tạo nguồn nhân lực có học vấn trình độ cao, là trung tâm khoa học công nghệ có uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhà và các tỉnh lân cận, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế-xã hội của đất nước, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa KTQT giữ vững thương hiệu đi đầu trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường và trở thành một đơn vị đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ mang tầm quốc gia và khu vực với các CTĐT đạt chuẩn quốc tế.

Khoa KTQT gồm có 4 bộ môn (BM): Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị văn phòng. Với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường, chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong chương trình đào tạo của những ngành thuộc Khoa trực tiếp quản lý; quản lý chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng từng môn học; trực tiếp quản lý giảng viên, sinh viên của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học các ngành như : Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị văn phòng, Marketing... cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan HCSN và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Kết quả từ ngày thành lập đến nay khoa KT - QT đã đào tạo cho tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận khoảng hơn 1000 cử nhân cao đẳng, hơn 500 cử nhân, Khoa KT&CN thường xuyên có mối liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất và sử dụng CB được đào tạo từ ngành Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin để đúc rút kinh nghiệm nhằm

nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu từ thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, thông qua hợp tác giữa Nhà trường và học viện, trường đại học đào tạo lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ trên cả nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông..., hợp tác với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khoa, Nhà trường cũng thu hút được nhiều giảng viên thỉnh giảng có trình độ tiến sĩ. Đồng thời, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh như Tập đoàn An Phát Holdings, Viettel Hải Dương, Công ty CP kinh doanh nước sạch Hải Dương, các ngân hàng Agribank, BIDV... cũng tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tổ chức dạy - học thực hành, thực tập nghề nghiệp, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tiếp cận ngay công việc thực tế.

Khoa KTQT có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 22 giảng viên, trong đó 01PGS, 04 tiến sĩ, 03 ThS-NCS và 14 thạc sĩ và 08 giảng viên kiêm nhiệm làm tại các phòng ban trong Nhà trường

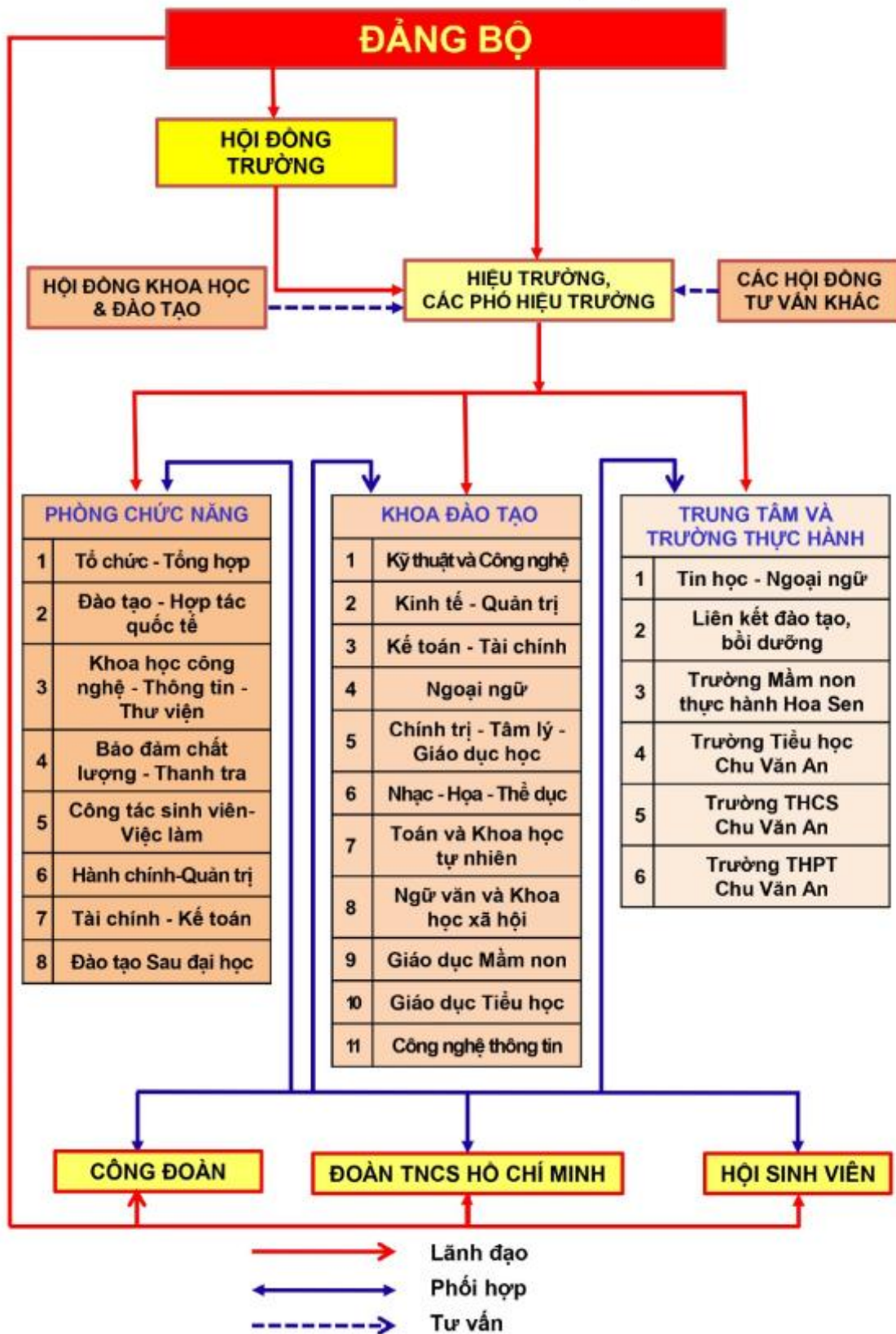
Trong năm năm qua, CB GV khoa KTQT luôn không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường. Hiện có 04 NCS, năm 2024 có 03 giảng viên đăng ký làm NCS

Về hoạt động NCKH, từ năm 2018 đến nay, GV trong khoa đã tham gia nhiều đề tài cấp trường, cấp khoa mang tính ứng dụng như các bài giảng dùng chung (năm 2018 có 18 bài giảng dùng chung lưu hành nội bộ), năm học 2019-2020 có 15 đề tài cấp cơ sở, năm học 2020-2021 có 18 đề tài cấp cơ sở, năm học 2021-2022 có 5 đề tài cấp cơ sở và 18 đề tài cấp khoa, năm học 2022-2023 có 16 đề tài cấp khoa.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

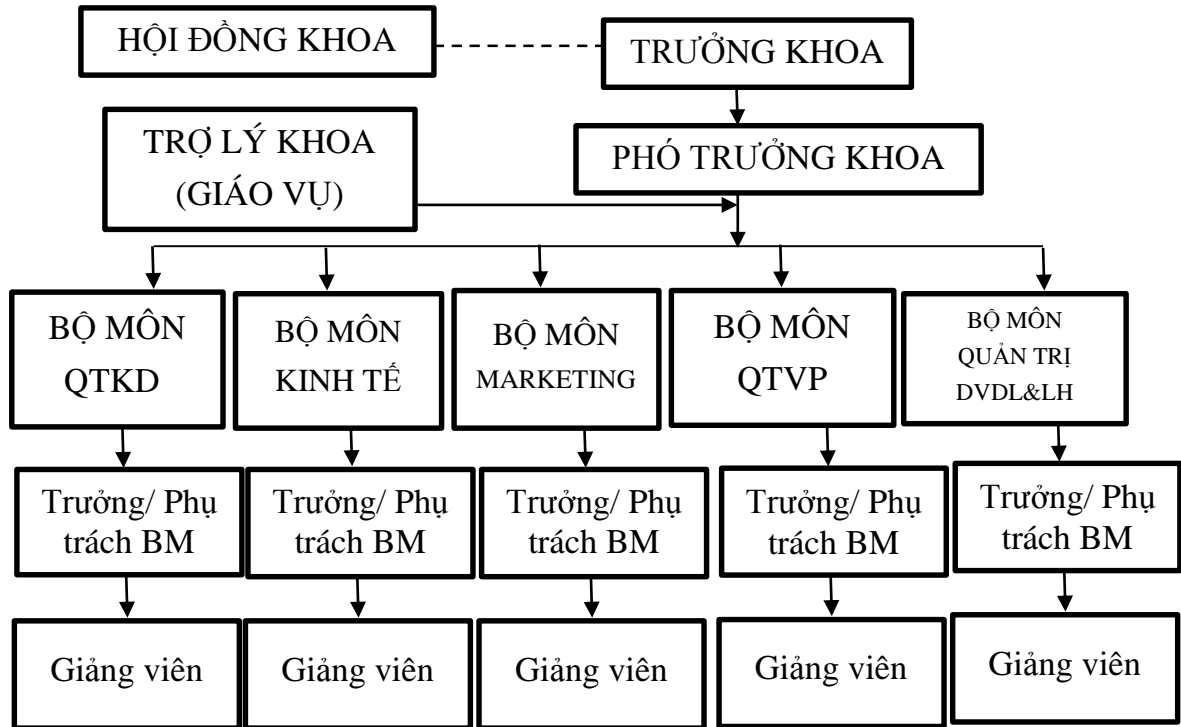
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG



- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Kinh tế - Quản trị:

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức hành chính Khoa Kinh tế - Quản trị



Nguồn: Văn phòng khoa

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Chủ tịch HĐT	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904256915	letcns@gmail.com
2	Hiệu trưởng	Tạ Thị Thúy Ngân	1972	Tiến sĩ	0969931686	Tathithuyngancdh@gmail.com
II	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
1	Trưởng khoa	Lê Thị Nguyệt	1980	Tiến sĩ	0904319785	uhdnguyetle.edu@gmail.com
2	Phó trưởng khoa	Vũ Thị Thảo	1986	Thạc sĩ	0974.707.447	uhdthaovu86.edu@gmail.com
3	Phó trưởng khoa	Lưu Thị Lan	1986	Thạc sĩ	0976.699.186	luulanktcdhd@gmail.com
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					

1	Bí thư Đảng ủy	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904256915	letcns@gmail.com
2	Chủ tịch Công đoàn	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	uhdsongto.edu@gmail.com
3	Bí thư ĐTN	Cao Thị Thu Phương	1986	Thạc sĩ	0936524886	Phuongketoanh@gmail.com
4	Chủ tịch HSV	Đỗ Thanh Huyền	1988	Thạc sĩ	0974864146	uhdhuyendo.edu@gmail.com
III Các phòng, ban						
1	Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Đàm Văn Bắc	1969	Tiến sĩ	0913664968	
2	Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	
3	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Nguyễn Mạnh Tuân	1980	Thạc sĩ	0905592888	
4	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Đặng Thị Trà My	1973	Thạc sĩ	0914796912	
5	Phòng Hành chính - Quản trị	Phùng Việt Phương	1980	Thạc sĩ	0988926686	
6	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thìn	1976	Thạc sĩ		
7	Phòng KHCCN - TT - TV	Vũ Thái Hưng	1976	Tiến sĩ		
IV Các bộ môn						
1	Bộ môn Quản trị kinh doanh	Lê Thị Nguyệt	1980	Tiến sĩ	0904.319.785	uhdnguyetle.edu@gmail.com
2	Marketing	Vũ Thị Thảo	1986	Thạc sĩ	0974.707.447	uhdthaovu86.edu@gmail.com
3	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Lưu Thị Lan	1986	Thạc sĩ	0976.699.186	luulanktcdhd@gmail.com
4	Bộ môn Quản trị văn phòng	Phạm Hồng Thơm	1984	Thạc sĩ	0984.376.638	uhdthompham.edu@gmail.com
5	Kinh tế	Hà Thị Thu Hoài	1978	Thạc sĩ	0946.136.867	uhdhoaiha.edu@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, trình độ đại học;
- Ngành Marketing, chuyên ngành Marketing, trình độ đại học;
- Ngành Quản trị văn phòng, trình độ đại học;
- Ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế tổng hợp, trình độ đại học;

	Tổng số	11	19	30
--	----------------	----	----	-----------

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	0	01	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	04	0	01	0	0
5	Thạc sĩ	24	20	0	04	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng số		30	24	01	05	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 30 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 80%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	1,0	0	0	0	3.0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	5	04	0	01	0	0	8,6
5	Thạc sĩ	1	24	20	0	04	0	0	24
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		28	23	0	05	0	0	35.6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng ng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	3,33	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	16,67	4	1	0	01	03	1	0
5	Thạc sĩ	24	80	6	18	0	12	12	0	
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	30	100	11	19	0	13	15	01	01

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42,6 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	
Tổng		100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	45	45	1:1	24	16.5/30	22.4	1
2019-2020	51	51	1:1	46	14/30	20.8	0
2020-2021	80	80	1:1	48	15/30	21.7	0
2021-2022	100	100	1:1	77	16/30	22.9	0
2022-2023	61	61	1:1	45	15.5/30	21.7	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	93	114	134	168	154
Trong đó:					
Hệ chính quy	93	114	134	168	154
Hệ không chính quy					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	01	01	01	01	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	1.1%	0.9%	0.7%	0.6%	0.0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	01	01	01	01	01
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	01	01	01	01	01
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	01	01	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	36	15	21	18	30
Trong đó:					
Hệ chính quy	36	15	21	18	30
Hệ không chính quy					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	36	15	21	18	30

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	67%	47%	68%	64%	43%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	93,7%	94,9%	95,8%	96,5%	96,5%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	6,3%	5,1%	4,2%	3,5%	3,5%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	83,3% 63,3% 20%	80% 60% 20%	86,6% 76,6% 10%	96,6% 80% 16,6%	100% 70,5% 20,5%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	16,7%	20%	13,5%	3,4%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	8 triệu đồng	9 triệu đồng	11 triệu đồng	13 triệu đồng	15 triệu đồng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	72 %	73%	75%	75%	78%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	28%	27%	25%	25%	22%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường/cấp khoa	0,5	18	15	18	22	16	44,5
	Tổng		18	15	18	22	16	

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 44,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,5/30

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018-2019	80.000.000		5.000.000
2	2019-2020	110.000.000		5.000.000
3	2020-2021	60.000.000		5.000.000
4	2021-2022	60.000.000		5.500.000
5	2022-2023	55.000.000		5.000.000

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường/cấp khoa	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	89	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	18	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng
----	----------------	----------

		Hệ số**	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng							

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách			0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia			0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	1	1	2	1	4,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	6	3	2	2	7,5
	Tổng		04	07	04	04	03	16

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 22

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 22/30

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		04	15
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	01
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	04	15

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25	8			12		5
	Tổng		8	0	0	12		5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4.0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5/30

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo		01	20
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia		01	16

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	120	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	120	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

(Đề tài cấp trường của người học chủ yếu là các đề tài Khóa luận tốt nghiệp).

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	01	01	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 355.310 m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 14,858,2m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 202 m². Nơi học: 2,208.2 m² (cả phòng học lý thuyết và thực hành, thí nghiệm). Nơi vui chơi giải trí: 12,448 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 1,921.4 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11,6 m²/1 sv.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 90 đầu sách cơ sở ngành, chuyên ngành (chưa tính các học phần kiến thức đại cương)

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có).

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02 cái

- Dùng cho người học học tập: 02 phòng máy (50 máy)

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $(50/160) = 0.31$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 22

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 73.33%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 154 sinh viên

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 5,13 (154 sinh viên/30 giảng viên)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): Từ 43%-67%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 96,5

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 3,5

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): từ 80-100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0-20%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 15 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 78%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 22%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu 44,5/30

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 5.000.000-5.5000.000 đồng/năm

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 22/30

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5/30

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,31

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11,6 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4927,5/1 SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục 2:

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 618 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1258/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc Thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BĐCL-TT (5).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HẢI DƯƠNG
TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Kèm theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Tạ Thị Thúy Ngân	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Thường trực
03	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
04	Lê Thị Nguyệt	Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị	Phó Chủ tịch
05	Phạm Thị Yến	Phó trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thư ký
06	Tô Văn Sông	Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thành viên
07	Vũ Thị Thảo	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên
08	Đàm Văn Bắc	Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Thành viên
09	Đặng Trà My	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên
10	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thìn	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
12	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
13	Nguyễn Thái Hưng	Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Thành viên
14	Lưu Thị Lan	Phó Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị	Thành viên
15	Hồ Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
16	Đào Thị Miên	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
17	Trần Anh Quân	Sinh viên K11 Quản trị kinh doanh	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Kèm theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Tô Văn Sông	Trưởng phòng BĐCL-TT	Trưởng Ban
02	Tăng Xuân Hùng	Viên chức Phòng BĐCL-TT	Thành viên
03	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng ĐT-HTQT	Thành viên
04	Đào Thúy Nga	Giảng viên khoa Kinh tế - Quản trị	Thành viên
05	Vũ Thị Nguyễn	Viên chức Phòng ĐT-HTQT	Thành viên
06	Nguyễn Thị Thương Thương	Viên chức Phòng TC-TH	Thành viên
07	Vũ Tiến Thủy	Phó TP Phòng CTSV-VL	Thành viên

(Danh sách này có 07 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 10/2023/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1. Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, phần khái quát, kết luận			
01	Lê Thị Nguyệt	Phụ trách Bộ môn Quản trị kinh doanh	Trưởng nhóm
02	Hà Thị Thu Hoài	Phụ trách Bộ môn Kinh tế	Phó trưởng nhóm
03	Đào Thúy Nga	Giảng viên Bộ môn Kinh tế	Thư ký
04	Lê Thị Sinh	Phòng Đào tạo-HTQT	Thành viên
05	Phạm Đức Kiểm	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
06	Tạ Thị Thanh Thủy	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
07	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
08	Lê Đình Hà	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách tiêu chuẩn 3, 4, 5			
01	Nguyễn Xuân Trường	Phó trưởng phòng ĐT-HTQT	Trưởng nhóm
02	Vũ Thị Thảo	Phó trưởng khoa KT-QT	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Thị Nguyệt	Phòng Đào tạo - HTQT	Thư ký
04	Nguyễn Thị Thảo 86	Giảng viên Bộ môn Kinh tế	Thành viên
05	Nguyễn Thị Thảo 84	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
06	Hồ Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách tiêu chuẩn 6, 7			
01	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Trưởng nhóm
02	Trịnh Thị Thanh Loan	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Phó trưởng nhóm
03	Nguyễn Thị Thương Thương	Viên chức Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thư ký
04	Phạm Thị Na	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên
Nhóm 4. Phụ trách tiêu chuẩn 8, 9			
01	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Trưởng nhóm
02	Đặng Trà My	Trưởng phòng CTSV -VL	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Tiến Thủy	Phó TP Phòng CTSV -VL	Thư ký
04	Phạm Thị Thanh	Phó giám đốc Trung tâm TH-NN	Thành viên
05	Trần Thị Thương	Viên chức phòng HC-QT	Thành viên
06	Phạm Thị Thêu	Phòng KHCN-TT-TV	Thành viên
Nhóm 5. Phụ trách tiêu chuẩn 10, 11			
01	Lưu Thị Lan	Phó trưởng khoa Kinh tế - Quản trị	Trưởng nhóm
02	Nguyễn Thị Lý	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Phó trưởng nhóm
04	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng ĐT -HTQT	Thư ký
05	Phạm Ngọc Anh	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên
06	Đào Thị Miên	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh	Thành viên

(Danh sách này có 30 người)

Số: 81 /KH-ĐHHD

Hải Dương, ngày 03 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**I. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong chu kỳ KĐCLGD (T10 - 2018 đến T10 - 2023).

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT bậc đại học ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 V/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL- KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

IV. Hội đồng tự đánh giá**1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 618/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng, Hội đồng gồm có 17 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)**3. Phân công thực hiện nhiệm vụ****a) Nhóm thư ký:**

- *Trưởng Ban thư ký:* Chịu trách nhiệm chung về báo cáo sơ thảo và báo cáo tự đánh giá cuối cùng;

- *Các thành viên thư ký:* Dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

b) Các nhóm công tác

- **Trưởng nhóm:** Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của các tiêu chuẩn, rà soát và thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo Kế hoạch tự đánh giá của Trường;

- **Phó trưởng nhóm:** Giúp trưởng nhóm và quản lý công việc khi nhóm trưởng vắng mặt, thực hiện nhiệm vụ được trưởng nhóm giao, góp ý cho bản dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn;

- **Thư ký nhóm:** Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn nhóm mình phụ trách;

- **Các thành viên:** Thực hiện nhiệm vụ do nhóm phân công (thu thập và phân tích thông tin minh chứng, viết báo cáo), góp ý dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1,2, phần khái quát, kết luận	Nhóm 1	23/11 đến 13/12/2023	
2	3, 4, 5	Nhóm 2	23/11 đến 13/12/2023	
3	6, 7	Nhóm 3	23/11 đến 13/12/2023	
4	8, 9	Nhóm 4	23/11 đến 13/12/2023	
5	10, 11	Nhóm 5	23/11 đến 13/12/2023	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Tuần 2

2. Thành phần: Thành viên HĐTĐG và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn thực hiện; kỹ năng phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng; kỹ năng viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn...

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...)

- **Nguồn lực huy động:** Các thành viên Hội đồng, Ban thư ký, Nhóm chuyên trách. Ngoài ra, tùy theo công việc thực tế có thể huy động nhân lực từ các khoa, phòng, trung tâm, lớp... (theo đề xuất của trưởng nhóm).

- **Cơ sở vật chất:** Sử dụng cơ sở vật chất hiện có để thực hiện quá trình tự đánh giá. Nếu cần bổ sung, Hội đồng tự đánh giá báo cáo Hiệu trưởng duyệt.

- Về tài chính: Các nội dung chi chính cho quá trình tự đánh giá bao gồm:
 - + Tập huấn;
 - + Thu thập thông tin từ ngoài Trường;
 - + Phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia; làm thêm giờ.
 - + Hội thảo;
 - + Cơ sở vật chất, văn phòng phẩm...

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các nhóm chuyên trách lập kế hoạch cụ thể của nhóm, trình Chủ tịch Hội đồng. Nội dung kế hoạch cần thể hiện:

- Các thông tin cần thu thập bên ngoài, nguồn cung cấp;
- Thời gian cần thu thập, nhân lực thực hiện;
- Kinh phí cần có phục vụ cho việc thu thập thông tin.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn

Thuê chuyên gia tư vấn trước khi gửi hồ sơ thẩm định để đánh giá ngoài.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 01/11 đến 15/11/2023	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 16/11 đến 22/11/2023	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT đề thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 4 - 6 23/11 đến 13/12/2023	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 7 - 10 14/12/2023 đến 03/01/2024	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11 04/01 đến 10/01/2024	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 12 11/01 đến 17/01/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 13-14	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

 (IN)
 2/2/2024

Thời gian	Nội dung hoạt động
18/01/2024 đến 31/01/2024	2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 15-16 01/02 đến 15/02/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 17 16/2 đến 23/2/2024	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (để b/c);
- HĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (b/c)
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị thuộc Trường (để th/h);
- Lưu: VT, ĐBCL-TT (2).

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm

